

MỤC LỤC

LỜI CẢM ƠN

MỞ ĐẦU	1
--------------	---

CHƯƠNG 1:

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ DU LỊCH VĂN HÓA	4
--	---

1.1. Khái niệm về du lịch văn hóa, đặc điểm và các loại hình du lịch văn hóa	4
--	---

1.1.1. Khái niệm du lịch văn hóa	4
--	---

1.1.2. Đặc điểm của du lịch văn hóa	5
---	---

1.1.3. Các hình thức du lịch văn hóa	6
--	---

1.2. Các điều kiện để phát triển du lịch văn hóa	7
--	---

1.2.1. Điều kiện kinh tế	8
--------------------------------	---

1.2.2. Điều kiện văn hóa	8
--------------------------------	---

1.2.3. Điều kiện về tài nguyên văn hóa	9
--	---

1.2.4. Điều kiện về tiếp đón và phục vụ khách du lịch	9
---	---

1.2.5. Chính sách phát triển du lịch	10
--	----

1.3. Vị trí và vai trò của du lịch văn hóa trong giai đoạn hiện nay	11
---	----

1.3.1. Vị trí của du lịch văn hóa.....	11
--	----

1.3.2. Vai trò và ý nghĩa của du lịch văn hóa	11
---	----

1.4. Xu hướng phát triển của du lịch văn hóa	13
--	----

1.5. Kinh nghiệm phát triển du lịch văn hóa	14
---	----

1.5.1. Kinh nghiệm phát triển du lịch văn hóa trên thế giới	14
---	----

1.5.2. Kinh nghiệm phát triển du lịch văn hóa ở Việt Nam	19
--	----

CHƯƠNG 2:

TÌM HIỂU CÁC GIÁ TRỊ CHÙA BA VÀNG (UÔNG BÍ - QUẢNG NINH) VÀ KHẢ NĂNG KHAI THÁC PHỤC VỤ DU LỊCH.....	23
--	----

2.1. Giới thiệu chung về thành phố Uông Bí.....	23
---	----

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển.....	23
--	----

2.1.2. Điều kiện tự nhiên.....	24
--------------------------------	----

<i>2.1.3. Điều kiện kinh tế – xã hội</i>	<i>27</i>
<i>2.1.4. Đánh giá chung</i>	<i>30</i>
2.2. Khái quát về chùa Ba Vàng.....	31
<i>2.2.1. Vị trí địa lý và cảnh quan môi trường chùa Ba Vàng</i>	<i>31</i>
<i>2.2.2. Lịch sử hình thành và phát triển của chùa Ba Vàng</i>	<i>33</i>
2.3. Các giá trị tiêu biểu của chùa Ba Vàng.....	37
<i>2.3.1. Giá trị lịch sử.....</i>	<i>37</i>
<i>2.3.2. Giá trị kiến trúc - mỹ thuật</i>	<i>48</i>
<i>2.3.3. Giá trị tâm linh</i>	<i>66</i>
2.4. Khả năng khai thác và phục vụ du lịch của chùa Ba Vàng	73
<i>2.4.1. Nguồn khách</i>	<i>73</i>
<i>2.4.2. Cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật.....</i>	<i>74</i>
<i>2.4.3. Hiện trạng tổ chức quản lý.....</i>	<i>75</i>
2.5. Đánh giá chung.....	83
<i>2.5.1. Thuận lợi</i>	<i>83</i>
<i>2.5.2. Khó khăn.....</i>	<i>85</i>

CHƯƠNG 3:

ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP KHAI THÁC CÁC GIÁ TRỊ CỦA CHÙA BA VÀNG PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH VĂN HÓA.....	87
3.1. Định hướng phát triển du lịch văn hóa thành phố Uông Bí nói chung và chùa Ba Vàng nói riêng.....	87
<i>3.1.1. Đối với Ủy ban Nhân dân thành phố Uông Bí – tỉnh Quảng Ninh</i>	<i>87</i>
<i>3.1.2. Đối với Ủy ban Nhân dân huyện, chính quyền địa phương và ban quản lý di tích chùa Ba Vàng.....</i>	<i>90</i>
3.2. Một số giải pháp để khai thác các giá trị của chùa Ba Vàng phục vụ phát triển du lịch văn hóa.....	91
<i>3.2.1. Đẩy mạnh và hoàn thiện nội dung, quy hoạch, kiến trúc xây dựng</i>	<i>91</i>
<i>3.2.2. Tuyên truyền, quảng bá trong phát triển du lịch.....</i>	<i>92</i>
<i>3.2.3. Xây dựng cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch</i>	<i>94</i>
<i>3.2.4. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức quản lý</i>	<i>95</i>

3.2.5. Đào tạo nguồn nhân lực	96
3.2.6. Có sự tham gia của cộng đồng địa phương vào hoạt động du lịch.	96
KẾT LUẬN	99
TÀI LIỆU THAM KHẢO	100
PHỤ LỤC	101
1. Một số bài thơ về chùa Ba Vàng	101
2. Một số hình ảnh về chùa Ba Vàng	105
3. Ẩm thực chay – một số món ăn chay chùa Ba Vàng.....	117

LỜI CẢM ƠN

Là một sinh viên, được làm khóa luận tốt nghiệp thực sự là một vinh dự đối với em. Để hoàn thành khóa luận này đòi hỏi sự cố gắng học hỏi, tìm tòi rất lớn của bản thân cũng như sự giúp đỡ của giáo viên hướng dẫn cùng sự cố vũ, động viên to lớn của gia đình, bạn bè.

Trước tiên, em xin trân trọng cảm ơn thạc sĩ Nguyễn Tiến Độ, người đã động viên, hướng dẫn, chia sẻ cho em nhiều kinh nghiệm trong học tập và nghiên cứu đề tài, và cho em những lời khuyên bổ ích trong suốt quá trình thực hiện khóa luận tốt nghiệp.

Em xin gửi lời cảm ơn tới Ban lãnh đạo nhà trường Đại học Dân lập Hải Phòng, các thầy cô trong khoa Văn hóa du lịch đã truyền đạt cho em nhiều kiến thức quý báu trong bốn năm học qua và tạo mọi điều kiện cho em hoàn thành khóa luận.

Đồng thời em cũng xin được cảm ơn các thầy cô giáo, gia đình và bạn bè đã giúp đỡ, ủng hộ em trong suốt quá trình để em có thể hoàn thành khóa luận một cách tốt nhất.

Được sự giúp đỡ của Thầy Cô và bạn bè, cùng với những nỗ lực của bản thân, em đã hoàn thành khóa luận tốt nghiệp với đề tài: *“Khai thác các giá trị của Chùa Ba Vàng (Uông Bí - Quảng Ninh) phục vụ phát triển du lịch văn hóa”*. Tuy nhiên do kiến thức, kinh nghiệm thực tế còn hạn chế đồng thời thời gian nghiên cứu ngắn nên khóa luận không thể tránh khỏi những thiếu sót. Em rất mong nhận được ý kiến đóng góp của thầy cô giáo và các bạn để bài khóa luận này hoàn thiện hơn.

Em xin chân thành cảm ơn!

Sinh viên

Bùi Thị Tơ

MỞ ĐẦU

1. Lí do chọn đề tài

Trong những năm gần đây, Việt Nam chuyển sang thời kỳ đẩy mạnh công nghiệp hóa – hiện đại hóa. Sự nghiệp đổi mới sẽ có bước phát triển mạnh hơn nhằm đưa nền kinh tế Việt Nam từ nền kinh tế nông nghiệp lạc hậu thành một nước công nghiệp, có nền kinh tế hiện đại với cơ cấu nông nghiệp – công nghiệp – dịch vụ hợp lý, trong đó công nghiệp và dịch vụ ngày càng chiếm tỷ trọng lớn trong nền kinh tế quốc dân. Với đặc điểm là một ngành kinh tế tổng hợp mang tính liên ngành, liên vùng và xã hội hóa cao, mang lại hiệu quả nhiều mặt, lại được xác định là ngành kinh tế mũi nhọn, ngành du lịch phát triển ngày càng mạnh và bền vững. Ngành du lịch rất phong phú và đa dạng, nó có rất nhiều loại hình và hình thức du lịch khác nhau. Trong đó, du lịch văn hóa là một loại hình du lịch đặc thù, nó thỏa mãn các nhu cầu mở rộng sự hiểu biết, thưởng ngoạn và thư giãn. Bản thân loại hình du lịch này có những ý nghĩa rất đặc biệt, vì nó giúp con người khám phá những giá trị vô bờ bến của văn hóa và hướng con người đến Chân – Thiện – Mỹ thông qua các sản phẩm du lịch.

Quảng Ninh được biết đến như “một Việt Nam thu nhỏ”, là một tỉnh có nhiều tiềm năng và lợi thế khác biệt. Với tài nguyên du lịch phong phú, đa dạng, Quảng Ninh đã trở thành điểm đến hấp dẫn, thu hút đông đảo được nguồn khách trong nước và quốc tế. Hiện nay Quảng Ninh đang lưu giữ khoảng hơn 620 di tích lịch sử văn hóa và danh thắng trong đó có 3 di tích cấp Quốc gia đặc biệt đó là kỳ quan, di sản thiên nhiên thế giới: Vịnh Hạ Long, Di tích lịch sử – Danh lam Yên Tử (Thành phố Uông Bí), Di tích lịch sử Bạch Đằng (Thị xã Quảng Yên), cùng với hơn 100 di tích được xếp hạng cấp quốc gia và cấp tỉnh... Đồng thời gắn với các di tích là hơn 70 lễ hội được tổ chức hàng năm, tập trung chủ yếu ở loại hình lễ hội dân gian truyền thống. Ngoài ra Quảng Ninh còn khá nhiều di tích tiêu biểu như: Khu di tích lăng mộ vua Trần (huyện Đông Triều), Đền Cửa Ông (Thành phố Cẩm Phả), Đình Trà Cổ (Thành phố Móng Cái), Đình Quan Lạn, chùa Cái Bầu – Thiền Viện Trúc Lâm Giác Tâm (Vân Đồn), chùa Long Tiên (Thành phố Hạ Long) và mới được xây dựng gần đây nhất là Chùa

Ba Vàng (Thành phố Uông Bí). Đây là những địa danh thu hút khách thập phương với loại hình du lịch văn hóa, tâm linh, nhất là vào các dịp lễ hội đầu xuân, giúp du khách có cơ hội tìm hiểu thêm những nét đẹp văn hóa, tìm hiểu về con người và vùng đất Quảng Ninh.

Thành phố Uông Bí là một trong bốn trung tâm du lịch của tỉnh Quảng Ninh. Nói tới Uông Bí, người ta nghĩ ngay tới một vùng đất có thể mạnh về loại hình du lịch văn hóa, tâm linh. Không chỉ nổi tiếng với khu du lịch trọng điểm di tích danh thắng Yên Tử – trung tâm Phật Giáo Thiền Phái Trúc Lâm Việt Nam, mà hiện nay Uông Bí còn được biết đến bởi sự hấp dẫn về du lịch sinh thái, văn hóa, tâm linh đó là Chùa Ba Vàng. Ngôi chùa mới được trùng tu xây dựng và khánh thành vào ngày 9/3/2014, đang trở thành một điểm đến mới của du lịch văn hóa tại Việt Nam và là địa chỉ hành hương tin cậy của đông đảo tăng ni, phật tử khắp mọi miền Tổ quốc.

Tuy là một công trình lớn mới được xây dựng, chưa được khai thác nhiều cho phục vụ du lịch nhưng em nhận thấy Chùa Ba Vàng không những là công trình kiến trúc đồ sộ mà còn có giá trị văn hóa, tâm linh lớn lao, trong tương lai sẽ là trung tâm Phật Giáo lớn của Việt Nam, là một điểm đến có rất nhiều tiềm năng, là nơi lý tưởng để phát triển loại hình du lịch sinh thái, văn hóa, tâm linh của thành phố Uông Bí. Chính vì vậy, em chọn đề tài: ***“Khai thác các giá trị của chùa Ba Vàng (Uông Bí – Quảng Ninh) phục vụ phát triển du lịch văn hóa”*** làm đề tài khóa luận của mình.

2. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

- ***Đối tượng nghiên cứu:*** Các vấn đề luận lý, thực tiễn về loại hình du lịch văn hóa và việc khai thác các giá trị của di tích phục vụ phát triển du lịch văn hóa.

- ***Phạm vi nghiên cứu:*** Chùa Ba Vàng, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu

- ***Mục đích:*** Chỉ ra các giá trị lịch sử, văn hóa, tâm linh của chùa Ba Vàng (Uông Bí – Quảng Ninh) phục vụ phát triển du lịch văn hóa.

- *Nhiệm vụ:*

- + Tìm hiểu cơ sở lý luận và thực tiễn về loại hình du lịch văn hóa.
- + Tìm hiểu về chùa Ba Vàng và hiện trạng khai thác các giá trị lịch sử, giá trị văn hóa, tâm linh trong phát triển du lịch văn hóa.
- + Đề xuất một số định hướng, giải pháp nhằm khai thác có hiệu quả các giá trị của chùa Ba Vàng phục vụ phát triển du lịch văn hóa.

4. Phương pháp nghiên cứu

Khóa luận đã sử dụng các phương pháp nghiên cứu sau:

- *Phương pháp thu thập và xử lý tài liệu*
- *Phương pháp khảo sát thực tế*
- *Phương pháp phân tích tổng hợp*

5. Bố cục khóa luận

Ngoài các phần mở đầu, kết luận, tài liệu tham khảo và phụ lục, phần nội dung khóa luận gồm 3 chương:

Chương 1: Cơ sở lý luận về du lịch văn hóa

Chương 2: Thực trạng khai thác các giá trị chùa Ba Vàng

Chương 3: Định hướng và giải pháp khai thác các giá trị của chùa Ba Vàng phục vụ phát triển du lịch văn hóa

CHƯƠNG 1:

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ DU LỊCH VĂN HÓA

1.1. Khái niệm về du lịch văn hóa, đặc điểm và các loại hình du lịch văn hóa

1.1.1. Khái niệm du lịch văn hóa

Xu thế quốc tế hóa trong sinh hoạt văn hóa và các dân tộc trên thế giới được mở rộng, dẫn đến việc giao lưu văn hóa, tìm kiếm những kiến thức về văn hóa nhân loại, về những miền đất lạ đã trở thành một nhu cầu cho nhiều tầng lớp dân cư. Du lịch không hoàn toàn là nghỉ ngơi giải trí đơn thuần (khôi phục sức khỏe khả năng lao động,...) mà còn là hình thức nghỉ ngơi tích cực có tác dụng bổ sung tri thức, làm phong phú đời sống tinh thần của con người. Đó chính là nội hàm của khái niệm du lịch văn hóa.

Theo Tổ chức Du lịch thế giới (UNWTO¹): “*Du lịch văn hóa bao gồm hoạt động của những người với động cơ chủ yếu là nghiên cứu, khám phá về văn hóa như các chương trình nghiên cứu, tìm hiểu về nghệ thuật biểu diễn, về các lễ hội và các sự kiện văn hóa khác nhau, thăm các di tích và các đền đài, du lịch nghiên cứu thiên nhiên, văn hóa hoặc nghệ thuật dân gian và hành hương*”.

Theo Hội đồng Quốc tế các di chỉ và di tích (ICOMOS²): “*Du lịch văn hóa là loại hình du lịch mà mục tiêu là khám phá những di tích và di chỉ. Nó mang lại những ảnh hưởng tích cực bằng việc đóng góp vào việc duy tu, bảo tồn. Loại hình này trên thực tế đã minh chứng cho những nỗ lực bảo tồn và tôn tạo, đáp ứng nhu cầu cộng đồng vì lợi ích văn hóa – kinh tế – xã hội*”.

Theo luật Du lịch Việt Nam: “*Du lịch văn hóa là hình thức du lịch dựa vào bản sắc văn hoá dân tộc với sự tham gia của cộng đồng nhằm bảo tồn và phát huy các giá trị văn hoá truyền thống*”.

Theo GS. Trần Quốc Vượng: “*Du lịch văn hóa là loại hình chủ yếu hướng vào việc quy hoạch, lập trình, thiết kế các tour lễ hành tham quan các công trình văn hóa cổ kim*”.

Theo PGS, TS. Trần Đức Thanh: “*Du lịch văn hóa là hoạt động du lịch*

¹ United Nation World Tourism Organization

² International Council On Monuments & Sites

diễn ra chủ yếu trong môi trường nhân văn, hay hoạt động du lịch đó là tập trung khai thác các tài nguyên du lịch nhân văn”. [7;25]

Như vậy, theo quan điểm trên thì tài nguyên du lịch văn hóa cũng là tài nguyên du lịch nhân văn. Tài nguyên du lịch văn hóa là tất cả những gì do cộng đồng tạo ra có sức hấp dẫn du khách, cùng các thành tố khác được đưa vào phục vụ phát triển du lịch. Vì vậy, tài nguyên du lịch văn hóa được hiểu là bao gồm các di tích, các chương trình đương đại, các lễ hội, phong tục tập quán. Tài nguyên du lịch văn hóa chính là các di sản văn hóa do con người tạo ra bao gồm các giá trị văn hóa vật thể và phi vật thể.

- *Di sản vật thể*: Là những sản phẩm vật chất có giá trị lịch sử, văn hóa, khoa học, bao gồm các di tích lịch sử, danh lam thắng cảnh, di vật, cổ vật, bảo vật quốc gia.

- *Di sản văn hóa phi vật thể*: Là những sản phẩm tinh thần có giá trị về lịch sử, văn hóa, khoa học được lưu truyền bằng miệng, truyền nghề, trình diễn và các hình thức lưu giữ khác bao gồm tiếng nói, chữ viết, các tác phẩm văn học, nghệ thuật khoa học, ngữ văn truyền miệng, diễn xướng dân gian, lối sống, nếp sống, lễ hội, bí quyết về nghề thủ công truyền thống, tri thức về y dược học cổ truyền, về văn hóa ẩm thực, về trang phục truyền thống của dân tộc và những tri thức dân gian khác.

1.1.2. Đặc điểm của du lịch văn hóa

- Tài nguyên du lịch văn hóa có tác dụng nhận thức nhiều hơn, tác dụng giải trí không điển hình hoặc có ý nghĩa thứ yếu.

- Việc tìm hiểu tài nguyên du lịch văn hóa diễn ra trong không gian ngắn. Nó thường kéo dài một giờ cũng có thể vài phút. Do vậy trong khuôn khổ một chuyến đi du lịch người ta có thể hiểu rõ về một đối tượng văn hóa. Tài nguyên du lịch văn hóa thích hợp nhất với loại hình du lịch nhận thức theo lộ trình.

- Tài nguyên du lịch văn hóa thường tập trung ở các điểm quần cư và các thành phố lớn, khi đến thăm nguồn tài nguyên này có thể xây dựng cơ sở vật chất du lịch đã được xây dựng trong các điểm quần cư mà không cần xây thêm.

- Ưu thế của du lịch văn hóa là đại bộ phận không có tính mùa vụ, không

bị phụ thuộc vào điều kiện khí tượng hay các điều kiện tự nhiên khác. Vì thế tạo nên khả năng sử dụng tài nguyên du lịch văn hóa ngoài giới hạn các mùa chính do thiên nhiên gây ra và giảm nhẹ tính mùa nói chung của các dòng lịch sử.

- Sở thích của người tìm đến tài nguyên du lịch văn hóa rất phức tạp và khác nhau. Nó gây ra rất khó khăn cho việc đánh giá tài nguyên du lịch văn hóa. Tiêu chuẩn đánh giá chủ yếu dựa vào cơ sở định tính xúc cảm và trực giác. Việc tìm tòi tài nguyên du lịch văn hóa chịu ảnh hưởng của các nhân tố như: độ tuổi, trình độ văn hóa, hứng thú nghề nghiệp, thành phần dân tộc, thể giới quan, vốn tri thức,...

- Tài nguyên du lịch văn hóa tác động theo từng giai đoạn, các giai đoạn được phân chia như sau:

- + Thông tin: Ở giai đoạn này khách du lịch nhận được những tin tức chung nhất thậm chí có thể coi là mờ nhạt về đối tượng nhân tạo và thường có những thông tin truyền miệng hay qua các phương tiện thông tin truyền thông đại chúng.

- + Tiếp xúc: Là giai đoạn khách du lịch có nhu cầu tiếp xúc bằng mắt thực.

- + Nhận thức: Trong giai đoạn này khách du lịch nhận thức một cách cơ bản.

- + Đánh giá, nhận xét: Ở giai đoạn này bằng kinh nghiệm sống của bản thân về mặt nhận thức khách du lịch so sánh đối tượng này với đối tượng khác gần nó. Thường thì việc làm quen với tài nguyên du lịch văn hóa thường dừng ở giai đoạn đầu, còn giai đoạn nhận thức và đánh giá, nhận xét giành cho khách du lịch có trình độ văn hóa nói chung và chuyên môn cao.

1.1.3. Các hình thức du lịch văn hóa

- Du lịch văn hóa với mục đích cụ thể: khách du lịch thuộc thể loại này thường đi với những mục đích đã định sẵn. Thường là các cán bộ khoa học, học sinh, sinh viên và các chuyên gia.

- + Du lịch tìm hiểu bản sắc văn hóa: khách đi tìm hiểu các nền văn hóa là chủ yếu. Mục đích chuyến đi tìm hiểu, nghiên cứu đối tượng khách chủ yếu là các nhà nghiên cứu khoa học, học sinh, sinh viên.

+ Du lịch tham quan văn hóa: Đây là loại hình du lịch kết hợp giữa tham quan với nghiên cứu tìm hiểu văn hóa trong một chuyến đi. Đối tượng tham gia phong phú gồm cả khách đi vừa để tham quan, vừa để nghiên cứu và những khách chỉ đi để chiêm ngưỡng, để biết và thoả mãn sự tò mò có thể theo trào lưu

- Du lịch văn hóa với mục đích tổng hợp: Mục đích chính của khách là đi công tác có kết hợp với tham quan văn hoá.

+ Đối tượng của loại hình này là những người đi tham dự hội nghị, hội thảo, kỷ niệm những ngày lễ lớn, các cuộc triển lãm. Loại khách này đòi hỏi trình độ phục vụ hiện đại, phong phú, có chất lượng cao, quy trình phục vụ đồng bộ, chính xác, họ có khả năng thanh toán cao.

1.2. Các điều kiện để phát triển du lịch văn hóa

Tình hình chính trị hòa bình, ổn định là tiền đề cho sự phát triển của đời sống kinh tế, chính trị, văn hóa, xã hội của một đất nước. Một quốc gia mặc dù có nhiều tài nguyên về du lịch cũng không thể phát triển được du lịch nếu như ở đó luôn xảy ra những sự kiện hoặc thiên tai làm xấu đi tình hình chính trị và hòa bình.

Ở Việt Nam qua hai cuộc kháng chiến chống Pháp và chống Mỹ, nhiều công trình phục vụ phát triển du lịch bị phá hoại, nếu tồn tại thì chỉ còn một phần và chúng ta đang ra sức kiến tạo lại tức là chúng ta quá lạm dụng “bê tông hoá”, “nhựa hoá”, dù biết rằng nó đã mất đi phần nào đó giá trị nguyên bản. Năm 2000, tại hòn đảo Bali (Indônêxia) – nơi hấp dẫn khách du lịch của nhiều nước trên thế giới bị đánh bom khủng bố để lại nỗi kinh hoàng cho khách du lịch.

Thiên tai cũng có tác động xấu đến sự phát triển du lịch. Nhật Bản là đất nước giàu và đẹp nhưng luôn phải hứng chịu những trận động đất, gây khó khăn cho phát triển du lịch, có chăng chỉ phát triển du lịch bị động. Vào những ngày cuối năm 2004, một trận sóng thần lớn nhất từ trước tới nay xảy ra ở Đông Nam Á, Nam Á đã gây thiệt hại lớn về người và của, ảnh hưởng rất lớn đến sự phát triển du lịch. Điều đáng nói là sóng thần đã làm cho nhiều du khách bị thiệt mạng, cơ sở vật chất phục vụ phát triển du lịch bị huỷ hoại nặng nề. Bên cạnh đó

là sự phát sinh và lây lan các loại dịch bệnh như tả ly, dịch hạch sốt rét.

Từ những ví dụ trên cho chúng ta thấy được tầm quan trọng của an ninh chính trị, an toàn xã hội cho khách du lịch, và là nhân tố quan trọng tạo nên sự thành bại của ngành du lịch.

1.2.1. Điều kiện kinh tế

Một trong những yếu tố quan trọng có ảnh hưởng đến sự phát sinh và phát triển du lịch là điều kiện kinh tế chung. Nền kinh tế chung phát triển là tiền đề cho sự ra đời và phát triển của ngành kinh tế du lịch.

Nền kinh tế phát triển tạo điều kiện cho sự ra đời của nhiều nhân tố khác nhau như nhu cầu giải trí, nghỉ ngơi, ăn uống, tham quan,... tức là tạo điều kiện cho hoạt động du lịch ra đời và phát triển. Trước sự phát triển của khoa học kỹ thuật và đặc biệt là ngành giao thông vận tải đã giúp cho các địa phương – nơi có tài nguyên du lịch quảng bá về hình ảnh của mình trên các phương tiện thông tin đại chúng, đồng thời tạo điều kiện cho khách du lịch đến với địa phương một cách dễ dàng hơn.

- Sự phát triển của nông nghiệp và công nghiệp thực phẩm có ý nghĩa quan trọng với phát triển du lịch.

- Điều kiện kinh tế đóng vai trò góp phần cung cấp các hàng hóa, dịch vụ cho du lịch.

1.2.2. Điều kiện văn hóa

- *Về phía khách du lịch:*

- Trình độ văn hoá cao tạo điều kiện cho việc phát triển loại hình du lịch văn hóa. Phần lớn sử những người tham gia vào cuộc hành trình du lịch văn hóa là những người có trình độ văn hoá nhất định, nhất là những người khách du lịch nước ngoài. Bởi vì họ có sở thích đối với việc tìm hiểu các danh lam thắng cảnh, di tích lịch, bản sắc văn hoá dân tộc hay nói đúng hơn tài nguyên, điểm du lịch tác động đến họ theo một quá trình: Thông tin – Tiếp xúc – Nhận thức – Đánh giá.

- Phải có trình độ văn hoá thì mới hiểu hết giá trị của chuyến tham quan du lịch. Trong các nước mà nhân dân có trình độ văn hoá cao thì số người đi du

lịch ra ngoài tăng lên không ngừng với cường độ cao.

- Về phía nước sở tại:

Việc phát triển du lịch phải mang dấu ấn của con người, tức là con người thông qua trí tuệ của mình đưa ra những biện pháp, cách thức để phát triển du lịch. Một quốc gia giàu có về tài nguyên du lịch nhưng nếu không biết sử dụng trí óc của con người để phát huy hết giá trị của tài nguyên đó thì coi như “muối bỏ bể”. Ngược lại có những quốc gia nghèo về tài nguyên du lịch nhưng biết phát huy hợp lý sẽ thu hút được lượng khách du lịch rất lớn và ngành du lịch sẽ phát triển bền vững.

1.2.3. Điều kiện về tài nguyên văn hóa

Du lịch văn hoá chỉ có thể phát triển ở một vùng, một địa phương, một đất nước nếu ở đó đã có tài nguyên văn hóa đa dạng phong phú, độc đáo mang đậm bản sắc dân tộc kết hợp với một số yếu tố khác tạo nên những địa điểm du lịch văn hóa đầy hấp dẫn thu hút. Chính những yếu tố đó đã đưa khách du lịch tìm đến những nơi có tài nguyên văn hoá lôi cuốn và do đó tài nguyên văn hoá là yếu tố quan trọng nhất đối với lưu lượng đi du lịch văn hoá ngày càng tăng của khách du lịch. Vì vậy để phát triển du lịch văn hoá thì tài nguyên văn hóa là yếu tố quyết định.

Giá trị của những di sản văn hoá: di tích lịch sử, các công trình kiến trúc, các hình thức nghệ thuật, các tập quán, lễ hội, ngành nghề truyền thống... cùng với các thành tựu kinh tế, chính trị, xã hội, các cơ sở văn hoá nghệ thuật, các bảo tàng... là những đối tượng cho du khách khám phá, thưởng thức, cho du lịch văn hóa khai thác và sử dụng.

1.2.4. Điều kiện về tiếp đón và phục vụ khách du lịch

Điều kiện về đón tiếp và phục vụ khách du lịch đó là cơ sở hạ tầng vật chất kĩ thuật, sự đầu tư phát triển du lịch, khoa học, phong tục tập quán, nguồn lao động... Đây là những điều kiện cần đảm bảo cho hoạt động du lịch nói chung và du lịch văn hóa nói riêng phát triển, làm cầu nối cho khách du lịch đến địa phương.

** Mạng lưới giao thông:*

Từ xưa giao thông vận tải là tiền đề cho phát triển du lịch. Ngày nay, giao thông vận tải đã trở thành một trong những nhân tố chính cho sự phát triển của du lịch, đặc biệt là du lịch quốc tế. Trong những năm gần đây, lĩnh vực giao thông, đặc biệt là giao thông trong du lịch phát triển mạnh mẽ về cả số lượng và chất lượng.

** Cơ sở lưu trú:*

Trên bình diện nền kinh tế ngày càng phát triển “thay da đổi thịt”, nhiều công trình cao cấp, nhiều khách sạn, resort liên tiếp được đầu tư xây dựng. Đó là cơ sở để điểm thu hút có cơ sở và đảm bảo khả năng khai thác và đón tiếp nguồn khách quốc tế tới tham quan.

** Cơ sở phục vụ dịch vụ ăn uống:*

Cùng với dịch vụ lưu trú thì du lịch không thể tách rời dịch vụ ăn uống. Đây cũng chính là những điều kiện đủ để phát triển du lịch nói chung và du lịch văn hóa nói riêng.

** Nguồn nhân lực:*

Nguồn nhân lực du lịch có chất lượng cao là yếu tố cực kỳ quan trọng để đạt năng lực cạnh tranh cao của điểm đến du lịch nói chung và mỗi doanh nghiệp nói riêng.

Hiện nay nguồn nhân lực du lịch đang phát triển mạnh mẽ về cả số lượng và nâng cao chất lượng, hiệu quả làm việc của lực lượng lao động trong ngành du lịch đang ngày càng nâng cao, bao gồm: lao động thuộc các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch và các đơn vị sự nghiệp trong ngành từ trung ương đến địa phương, lao động trong các doanh nghiệp du lịch gồm đội ngũ cán bộ quản trị kinh doanh, đội ngũ lao động nghiệp vụ trong các khách sạn – nhà hàng, công ty lữ hành, vận chuyển du lịch..., lao động làm công tác đào tạo du lịch trong các trường dạy nghề, trung cấp chuyên nghiệp, cao đẳng và đại học.

1.2.5. Chính sách phát triển du lịch

Chính sách phát triển du lịch của chính quyền, nhà nước, địa phương có vai trò quan trọng đến sự phát triển của du lịch nói chung và du lịch văn hóa nói riêng. Một quốc gia, một đất nước có tài nguyên du lịch phong phú, mức sống

của người dân không thấp, nhưng chính quyền địa phương không yểm trợ cho hoạt động du lịch thì hoạt động này cũng không phát triển được.

1.3. Vị trí và vai trò của du lịch văn hóa trong giai đoạn hiện nay

1.3.1. Vị trí của du lịch văn hóa

Để phát triển du lịch không một quốc gia nào trên thế giới lại không coi trọng sự phát triển của du lịch văn hóa, bởi vì du lịch văn hóa là một loại hình du lịch có nhiều ưu điểm: ít chịu phụ thuộc vào thời tiết, có thể phát triển quanh năm, nguồn thu từ du lịch văn hóa là nguồn thu ổn định, với mức tăng trưởng ngày càng lớn, nó giúp con người hiểu biết về thế giới xung quanh,... Điều đó rất phù hợp với xu thế của thời đại ngày nay: xã hội phát triển, nhu cầu hiểu biết của con người ngày càng cao, đi du lịch trở thành nhu cầu thiết yếu trong cuộc sống. Nhưng không phải tất cả các quốc gia nào đều có thể phát triển du lịch văn hóa. Du lịch văn hóa chỉ phát triển ở những nước có nền văn hiến lâu đời, có nghệ thuật dân tộc đặc sắc, có những cảnh quan làm say đắm lòng người. Nếu như Ai Cập không có Kim Tự Tháp khổng lồ, Hy Lạp không có những đền đài nguy nga, tráng lệ thì mỗi năm không có hàng chục triệu lượt khách đến du lịch ở nước này.

Du lịch không thể tự mình phát triển được nếu không dựa vào một nền tảng văn hoá và ngược lại nhờ có du lịch mà các dân tộc hiểu biết được những thành tựu rực rỡ của nền văn hoá nhân loại tạo ra sự cần thiết xích lại gần nhau giữa các nền văn hoá làm cho các dân tộc ngày càng hiểu nhau hơn.

Du lịch văn hóa là một trong những thế mạnh của du lịch nước ta. Tuy nhiên loại hình này muốn phát triển thì phải kết hợp với các loại hình du lịch khác như: du lịch biển, du lịch giải trí...

1.3.2. Vai trò và ý nghĩa của du lịch văn hóa

Vai trò và ý nghĩa của du lịch văn hoá đối với một địa phương, một đất nước là hết sức quan trọng, được thể hiện như sau:

- Văn hóa giải quyết vấn đề bảo tồn và phát huy môi trường du lịch: Trong tất cả các loại hình du lịch thì du lịch văn hóa là một hình thức du lịch mang lại nhiều lợi ích cho môi trường du lịch nhất. Chúng ta hãy xem lại nguyên

lý cơ bản về du lịch văn hóa hiện nay của châu Âu để thấy bản chất của du lịch văn hóa từ đó thấy được tầm quan trọng của văn hóa đối với môi trường du lịch. Du lịch văn hóa là công cụ để khôi phục, duy trì và phát huy những giá trị văn hóa của cộng đồng địa phương một cách hữu hiệu nhất. Du lịch văn hóa nếu khai thác tốt nó là một hình thức du lịch bền vững có lợi cho môi trường tự nhiên và môi trường nhân văn của cộng đồng chủ nhà. Khách du lịch văn hóa thường có ý thức bảo vệ môi trường du lịch tốt hơn khách du lịch đại chúng.

- Văn hóa giải quyết vấn đề kiểm soát tác động tiêu cực: Vấn đề kiểm soát sự tác động tiêu cực của du lịch đối với môi trường tự nhiên và nhân văn là một trong những nhiệm vụ lớn của ngành du lịch và của mọi người dân. Những giải pháp kiểm soát tác động tiêu cực của du lịch đều có bóng dáng của công cụ văn hóa. Chẳng hạn như việc làm thế nào để duy trì được bản sắc văn hóa ứng xử của người Việt trong môi trường du lịch – không thể không sử dụng công cụ văn hóa. Hay làm thế nào để bảo vệ môi trường tự nhiên và nhân văn ở các điểm đến du lịch? Ngoài các biện pháp chế tài bắt buộc chúng ta cũng phải sử dụng đến công cụ văn hóa để tuyên truyền, giáo dục...

- Văn hóa giải quyết vấn đề nâng cao hình ảnh thương hiệu du lịch quốc gia: Bên cạnh việc thực hiện nhiệm vụ chỉ tiêu tăng trưởng, vấn đề nâng cao hình ảnh thương hiệu quốc gia là một nhiệm vụ lớn nữa của ngành du lịch. Chúng ta làm sao để khách du lịch có ấn tượng tốt về một đất nước xinh đẹp, thân thiện và đầy bản sắc? Điều đó tùy thuộc rất lớn vào chiến lược phát triển văn hóa. Khách du lịch không phải đến Việt Nam vì bờ biển đẹp, không phải đến Việt Nam vì chúng ta vừa có sân bay mới, không phải họ đến Việt Nam vì chúng ta vừa xây dựng xong những khách sạn tiêu chuẩn 5 sao... mà phần lớn họ đến Việt Nam hay quyết định quay trở lại Việt Nam vì những cuốn hút về mặt văn hóa. Hình ảnh Việt Nam cũng sẽ đẹp hơn trong mắt du khách thông qua những ấn tượng về mặt văn hóa. Khách du lịch sẽ khó quên những khoảnh khắc được thưởng thức và hòa mình vào trong sinh hoạt văn hóa công chiêng, kỷ niệm những đêm ngủ tại ngôi nhà lá ở vùng sông nước Mekong (Tour homestay), những giây phút được dạo quanh thành phố bằng xe xích lô, hay

được đón tiếp bằng một thái độ, lịch sự, chân thật của cô tiếp tân, anh hướng dẫn viên... Chính những nét văn hóa này sẽ góp phần quan trọng làm tăng thêm hình ảnh thương hiệu du lịch Việt Nam. Hình ảnh thương hiệu du lịch quốc gia sẽ đẹp và ấn tượng hơn trong lòng du khách vì nhân tố văn hóa chứ không phải chỉ vì cơ sở vật chất hay một logo du lịch đẹp.

1.4. Xu hướng phát triển của du lịch văn hóa

Du lịch văn hóa có xu hướng gia tăng. Bên cạnh loại hình du lịch thiên nhiên, du lịch sinh thái, hoạt động du lịch văn hóa cũng không ngừng phát triển, xu hướng này là do một số nguyên nhân sau:

- + Các đối tượng văn hóa được coi là tài nguyên du lịch đặc biệt hấp dẫn đối với du khách. Nếu như tài nguyên du lịch tự nhiên hấp dẫn du khách bởi sự hoang sơ, độc đáo và hiếm hoi của nó thì tài nguyên du lịch văn hóa thu hút du khách bởi sự phong phú, đa dạng, độc đáo và tính truyền thống cũng như tính địa phương của nó, các tài nguyên du lịch văn hóa là cơ sở để tạo nên loại hình du lịch văn hóa phong phú có khả năng thu hút du lịch với nhiều mục đích khác nhau. Các tài nguyên du lịch văn hóa thường tập trung ở các điểm quần cư và các thành phố lớn, vì vậy thuận tiện cho du khách tới thăm quan.

- + Tài nguyên du lịch văn hóa không mang tính thời vụ, không phụ thuộc vào các điều kiện khí tượng và các điều kiện thiên nhiên khác. Vì vậy du khách có thể lựa chọn loại hình du lịch này vào bất cứ thời gian nào.

- + Một trong những đặc trưng của tài nguyên du lịch văn hóa là việc nó phụ thuộc vào trình độ văn hóa và nghề nghiệp của khách du lịch. Ngày nay trình độ văn hóa của cộng đồng ngày càng được nâng cao, du lịch trở thành một nhu cầu không thể thiếu được của con người, số lượng đi du lịch ngày càng nhiều, lòng ham hiểu biết những cảnh đẹp mới lạ, những nền văn hóa độc đáo của các nước xa gần.

- Xu hướng quốc tế hóa, toàn cầu hóa đang diễn ra sôi động. Các quốc gia trên thế giới đang trong quá trình hội nhập quốc tế về kinh tế, văn hóa và nhiều lĩnh vực khác. Vì vậy nhu cầu giao lưu, tìm hiểu văn hóa của các quốc gia, dân

tộc khác trên thế giới cũng là một động lực thúc đẩy khách du lịch tham gia vào hoạt động du lịch văn hóa, làm cho nền văn hóa phát triển không ngừng.

Du lịch văn hóa là một loại hình du lịch. Du lịch nói chung, du lịch văn hóa nói riêng muốn thành công thì hoạt động du lịch ấy (hoặc những hành vi kinh doanh ấy) phải được thực hiện một cách có văn hóa. Điều đó còn được gọi là văn hóa kinh doanh (hay nghệ thuật kinh doanh).

Muốn phát triển du lịch văn hóa cần phải có văn hóa du lịch tốt (môi trường nhân văn trong du lịch). Du lịch văn hóa là phương tiện truyền tải các giá trị văn hóa của một địa phương, một quốc gia cho du khách khám phá, thưởng ngoạn, học tập, giao lưu. Du lịch văn hóa góp phần đánh thức, làm sống dậy các giá trị văn hóa dân tộc, nhân loại. Qua du lịch, các tài sản văn hóa được bảo vệ, tôn tạo và phát huy giá trị. Du lịch văn hóa là một hoạt động du lịch lấy tính văn hóa làm mục đích và xuyên suốt. [8;45 – 47]

1.5. Kinh nghiệm phát triển du lịch văn hóa

Du lịch văn hóa ngày càng đa dạng và cung cấp nhiều sản phẩm du lịch văn hóa: từ thăm quan các di tích lịch sử, văn hóa đến khám phá lối sống độc đáo của nhiều quốc gia và vùng miền khác nhau. Sự phát triển này có thể làm hồi sinh, khôi phục các di sản đã phủ màu thời gian và làm sống lại truyền thống. Tuy nhiên vấn đề gì cũng có hai mặt. Bởi một cách thức tiến hành du lịch bừa bãi, thiếu nguyên tắc có thể đem lại những kết quả trái ngược, thậm chí bị kích, không cứu vãn được.

1.5.1. Kinh nghiệm phát triển du lịch văn hóa trên thế giới

Ngày trước chỉ có những nhà leo núi chuyên nghiệp mới có thể đặt chân tới Himalaya. Vùng đất này hiện nay đang thu hút rất nhiều du khách bởi sự hấp dẫn của đạo Phật đối với phương Tây. Họ được thăm các khu di tích tôn giáo, tìm hiểu lối sống cộng đồng cư dân Himalaya và tham dự lễ hội. Ở mỗi khu vực phục vụ du lịch, chính quyền Himalaya bố trí ở đó tổ chức hành chính thích đáng và hợp lý, đã tính đến sức chứa du khách khi tiến hành lễ hội và các nghi lễ tôn giáo. Ấn Độ đã cho phép du khách vào một số nơi thuộc khu vực Arunachal Pradesh và một số vùng mới của Himachal Pradesh. Nepal mở cửa

biên giới Tây Bắc cho khách vào Tây Tạng. Nhằm phát triển du lịch văn hóa, Butan cho phép khu vực tư nhân tham gia nhiều hơn vào kinh doanh du lịch văn hóa nhưng họ duy trì sự kiểm soát chặt chẽ về mọi mặt.

Cuộc sống và tập tục trong các tu viện Himalaya – “mái nhà của thế giới” thật sự quyến rũ người đi du lịch văn hóa. Để phát triển du lịch lưu trú dài ngày ở đây, nhiều sân bay địa phương được mở và cải thiện dịch vụ hàng không nội địa. Đường sá được nâng cấp giúp du khách đi tới thư viện và các khu di tích tôn giáo vùng hẻo lánh trở nên thuận tiện, gần gũi hơn. Với sự tiếp sức của quảng cáo thương mại, phim tài liệu truyền hình và một số phương tiện truyền thông, nguyện vọng được tham gia lễ hội hóa trang và tham quan tu viện ngày càng tăng. Khách có khả năng chi trả cao muốn thăm Khambu hay Mustang sát Himalaya của Nepal có thể giảm thời gian di chuyển bằng máy bay lên thẳng. Lễ hội Tenchi ở tu viện Lo Mantang (Nepal) và những lễ hội khác thường có một ngày các thầy tu đeo mặt nạ và nhảy múa theo nghi lễ trong sân tu viện. Nội dung này rất độc đáo về văn hóa nên các công ty du lịch lập trình cho du lịch văn hóa dài ngày trùng với những lễ hội này. Tu viện không cấm du khách chụp ảnh. Khách du lịch mua vé hoặc có thể liên lạc đặt chỗ trước trong tu viện. Những pho tượng nhỏ và những tranh lụa tôn giáo Thankas được làm rất đẹp, trở thành một sản phẩm du lịch văn hóa được ưa chuộng khi du khách tới nơi này.

Sự phồn vinh của du lịch góp phần hồi sinh tôn giáo. Tu viện Tyangboche ở khu vực Solu của người Sherpa (Nepal) có 40 tu sĩ thụ đạo đã trở thành một điểm đến du lịch quan trọng. Cách đây chừng 40 năm, tu viện bị bỏ hoang và bị lửa thiêu vào năm 1988 khi các tu sĩ thoát ly để làm việc trong ngành du lịch lữ hành. Tu viện đã phục hồi trở lại, lễ hội có mang mặt nạ mang lại khoản thu nhập đáng kể để phát triển cho hoạt động tôn giáo và văn hóa. Một tòa nhà tiếp đón du khách được sưởi ấm bằng năng lượng mặt trời và bãi đậu cho máy bay lên thẳng được xây dựng. Lệ phí vào thăm tu viện dùng để đổi mới và tu bổ cho trang phục, mặt nạ, đào tạo tu sĩ và in những cuốn sách nhỏ về lễ hội,...

Tại Venise (Italia) các nhà làm du lịch không hoan nghênh những “du khách một ngày”. Những du khách ở lại vài ngày mới thực sự làm lợi cho kinh tế địa phương. Do vậy họ tìm mọi cách để níu chân loại du khách này bằng việc xây dựng một cơ sở hạ tầng về công nghệ thông tin và chỉ dẫn tỷ mỉ các khu di tích và các hoạt động văn hóa trong thành phố và giúp khách đặt chỗ trước. Họ phát hành một tấm “thẻ Venise” đa dịch vụ nhằm đem lại cho du khách ở lại lâu những lợi ích mà người khác không được hưởng như: quyền được cắt ngang dòng người đang xếp hàng chờ đợi, giảm giá vé thăm bảo tàng, vé tàu xe đi lại, ăn uống tại nhà hàng, mua hàng tại các siêu thị lớn và có được những thông tin sự kiện đặc biệt. Du khách nào ở lại Venise ít nhất một đêm tại khách sạn đã giữ đồ trước sẽ được cấp miễn phí tấm thẻ này. Venise và Italia nói chung dùng hệ thống thông tin từ ALATA (tổ chức quy tụ các thành phố của Italia) để quản lý và phân bổ các luồng du khách, chỉ rõ cho du khách khả năng giữ chỗ trước của từng thành phố. Hệ thống thông tin sẽ giúp họ đặt khách sạn rất hiệu quả. Qua mạng, các phương án phát triển du lịch văn hóa bền vững, biến nơi đây thành thủ phủ của một vùng đô thị chuyên làm dịch vụ cho các doanh nghiệp (từ xử lý dữ kiện đến thiết kế phần mềm và tài chính), trong ngành du lịch văn hóa (như sản xuất nhạc phẩm và kịch), trong nghiên cứu khoa học, làm dịch vụ cho các hội nghị. Venise xây dựng giao thông vận tải tốc độ cao để nối Venise (vốn là một hòn đảo tương đối khó ra vào) với phần còn lại của khu vực. Các nhà hoạch định chiến lược phát triển du lịch đang hoàn tất dự án khắc phục sự cách biệt về vị trí địa lý của Venise rất quán triệt quan điểm rằng, Venise tồn tại không chỉ vì lý do du lịch thuần túy mà hơn hết phải gìn giữ một nền văn hóa sống động riêng có của vùng đất này.

Tại Lào, Bộ Văn hóa Lào kết hợp với các nghệ nhân dân gian phục hưng văn hóa truyền thống và di sản kiến trúc dưới sự hướng dẫn của chính phủ. Tại các ngôi chùa đẹp ở Luang Prabang, cố đô Lào, một số nghệ sĩ múa rối lã thành dạy cho nhóm học trò trẻ tuổi học diễn và cho phép du khách tham dự. Sau khi tan học và vào thứ 7 hàng tuần, trẻ em đến Trung tâm Văn hóa để học nhạc, họa cổ truyền, dệt vải và đọc truyện cổ tích. Bộ trưởng Bộ Văn hóa Lào chỉ thị:

“Phải làm nhiều việc để duy trì, phát triển và truyền đạt cho giới trẻ những hình thái phi vật thể của nền di sản như vũ, nhạc, thơ, ca, múa rối,... âm nhạc cổ truyền vẫn rất sống động, nhảy múa đang khởi sắc. Du lịch văn hóa là nhân tố thúc đẩy tình hình này”. [1;31]

Khi mở các quán ăn, cửa hiệu buôn bán nhỏ, khách sạn, chính quyền thành phố cổ đô Lào tỏ ra thận trọng, e ngại việc xây dựng hàng loạt cơ sở dịch vụ du lịch sẽ kéo theo sự phát triển của buôn lậu, ma túy, mại dâm và xâm hại đến môi trường văn hóa. Lối sống cổ truyền của Luang Prabang duyên dáng và quyến rũ đối với khách du lịch ưa quan sát. Trên sông Mekong, ở đoạn gần thành phố, thuyền gấn máy ồn ào không được phép chạy mà phải neo đậu ở xa. Các hoạt động tôn giáo ở chùa, phụ nữ dệt cửi ở chân nhà sàn, thợ kim hoàn mài đồ trang sức, các cụ bà sắp xếp lễ vật dâng lên chùa là những cảnh tượng đời sống thường nhật đã cuốn hút du khách nước ngoài. Vào dịp lễ hội tôn giáo hay sắc tộc, đặc biệt lễ hội đầu năm mới của Lào vào giữa tháng 4, du khách đến rất đông. Diễu hành, nhảy múa, rước Phật Phra Bang – vị thần che chở cho thành phố diễn ra trọng thể và tươi vui. Cùng với hội hè, nhiều buổi lễ trong gia đình ở đây cũng khá thu hút, họ mời cả khách vãng lai tới nhà với thái độ chân tình và hiếu khách. Người Lào giản dị, hiền lành và thực bụng – cũng là nét bản sắc trong tính cách nhân dân luôn được khách du lịch ca ngợi.

Từ năm 1990 đến nay, Lào đã trùng tu hoàng cung và những ngôi chùa đẹp nhất thành phố. Dần dần, họ thấy rằng, vẻ đẹp của Luang Prabang là tổng thể: không chỉ là kiến trúc chùa chiền mà còn là những tòa nhà và thiên nhiên ở đây, vườn cây, công viên, hoa lá. Họ kẻ biển quy định phạm vi khu vực bảo vệ thành phố cổ, thực hiện xử lý nước thải, phát triển đô thị có quy hoạch, khởi sự cho các hoạt động kinh tế hiện đại chỉ trong giới hạn là khu sân vận động mới ở phía dưới phố cổ.

Thành phố đã có hơn 600 tòa nhà được xếp hạng. Bản thân thành phố là Di sản Văn hóa thế giới năm 1995. Nhà cửa được phục chế trên tinh thần tôn trọng kiểu dáng truyền thống. Thành phố cho trùng tu và xây dựng lại theo thiết kế cũ nhiều Koutis, nơi ở của các nhà sư – kiến trúc tiêu biểu của Luang

Prabang. Những ngôi chùa đẹp được tân trang lại. Hình ảnh thường thấy trong ngôi chùa là các chú tiểu mặc áo vàng đậm – con em những gia đình nghèo đến chùa để theo học phổ thông nhờ sự tài trợ của các tín đồ.

Tổ chức đóng vai trò chủ chốt trong việc khôi phục thành công di sản kiến trúc của Luang Prabang có tên gọi là “ngôi nhà di sản”, quy tụ nhiều Bộ trong chính phủ và nhận được sự viện trợ của các nước khác. Đường phố và bờ sông Meekong, cùng với các chi lưu của nó được tổ chức này ưu tiên khôi phục. Những ngõ hẻm dẫn đến tòa nhà Lung Khamlek được làm sạch bằng gạch lát và trang hoàng đẹp hơn. Tòa nhà này là di sản hiếm thấy cho du khách tham quan nền kiến trúc quý tộc thời tiền thuộc đại của Luang Prabang. Các nghệ nhân Lào cũng tạo ra nhiều tác phẩm thủ công bằng gỗ độc đáo trong khi hoàn tất trùng tu tòa nhà. Nó là điểm du lịch văn hóa hấp dẫn của cố đô Lào. Người dân ở đây thường đến tổ chức “Ngôi nhà di sản” để xin tư vấn và giúp đỡ xây dựng, sửa chữa, mở rộng nhà trong khu vực được bảo vệ để đảm bảo là các dự án phải hài hòa với kiểu dáng chung của thành phố, không dự án xây dựng nào được tiến hành nếu không được tổ chức này phê duyệt. Ở đây thực hiện cả dự án giúp các nhà sư chú trọng bảo tồn tính xác thực của di sản tôn giáo, phục hồi một số kỹ thuật truyền thống riêng của giới sư sãi như họa hình trên giấy nền, sơn mài, thếp vàng, chạm khắc họa tiết tôn giáo. Dự án này được tài trợ của chính phủ Na Uy.

Chính phủ Luang Prabang luôn dựa vào dân chúng, tôn trọng ý kiến nhân dân và quan tâm tới lợi ích của họ khi bảo tồn di sản. Họ đánh thuế vào các hoạt động du lịch vừa phải nhằm tạo nguồn vốn trợ cấp cho việc sử dụng những vật liệu xây dựng cổ truyền bởi chi phí cho vật liệu này khá đắt tiền. Nhờ sự hỗ trợ của Liên minh châu Âu, UNESCO và chính phủ Pháp, Luang Prabang đã thực hiện phân tích các loại vật liệu cổ bị quên lãng (vữa trát, vôi, đất nhồi rơm,...) tại các phòng thí nghiệm ngoài. Họ cũng giúp cố đô Lào thiết lập sự hợp tác “phi tập trung hóa” giữa Luang Prabang với Chinon – thành phố miền Trung nước Pháp một dự án cùng nhau làm du lịch văn hóa từ di sản cha ông để lại. Lãnh đạo và dân chúng hai thành phố quán triệt di sản văn hóa vốn rất mỏng manh và

phải có ý thức cao độ về giá trị của chúng khi khai thác, phục vụ du lịch. Họ cùng nhau soạn thảo những văn bản pháp quy hữu hiệu cho lộ trình bảo tồn di sản. Lãnh đạo thành phố Luang Prabang có một thái độ tốt và tích cực đối với di sản. Và điều lớn nhất là Luang Prabang được đánh giá cao khi bảo vệ di sản văn hóa và làm du lịch văn hóa có hiệu quả, đem lại nguồn lợi đáng kể cho kinh tế cổ đô Lào là lòng tốt và tính hào hiệp của người dân thành phố này. Mọi kinh nghiệm quý giá của các nước bạn đều trở thành tấm gương và bài học cho việc tiến hành, thiết kế, kinh doanh và tổ chức du lịch văn hóa ở nước ta. Kể cả sự thành công hay thất bại của các nước đi trước chúng ta về du lịch sẽ giúp Việt Nam thực hiện thành công hơn những chương trình du lịch văn hóa tại nơi vốn được ca ngợi là có một bề dày văn minh – văn hiến lâu đời [1;33]

1.5.2. Kinh nghiệm phát triển du lịch văn hóa ở Việt Nam

Du lịch văn hóa được xem là hướng phát triển của ngành du lịch Việt Nam, phù hợp với bối cảnh nước ta. Các điểm du lịch văn hóa ở Việt Nam chủ yếu khai thác các di tích lịch sử, di tích văn hóa, kiến trúc, nghệ thuật biểu diễn truyền thống, khu vực tổ chức lễ hội, làng nghề và ẩm thực truyền thống. Du lịch văn hóa Việt Nam lôi cuốn du khách quốc tế đặc biệt là các bản làng tộc người thiểu số, các khu Di sản Văn hóa Thế giới và các hoạt động du lịch văn hóa mang tính chất vùng – miền (Du lịch Điện Biên, Con đường Di sản miền Trung, Lễ hội Đất Phương Nam, Festival Huế,...).

Được sự đầu tư từ các tổ chức quốc tế, từ Nhà nước, các di tích cấp quốc gia và các khu di sản thế giới được quan tâm nhiều hơn. Hạ tầng vật chất cho du lịch được xây dựng và nâng cấp. Công tác trùng tu tôn tạo di tích được thực hiện. Cố đô Huế, Hội An, Mỹ Sơn, Văn miếu – Quốc Tử Giám, Lăng và Bảo tàng Hồ Chí Minh,... được coi là những địa chỉ đỏ trong các tour du lịch văn hóa đến Việt Nam của du khách trong và ngoài nước. [3;160 – 167]

Một số làng nghề truyền thống được trân trọng, phục hồi như gốm Bát Tràng, thêu Quất Động, lụa Vạn Phúc, tranh Đông Hồ,... nhiều lễ hội như hội đền Hùng, hội chùa Hương, hội Lim, hội Chọi Trâu,... rất thu hút khách du lịch. Một số làng bản của đồng bào dân tộc thiểu số đã có hoạt động du lịch văn hóa

tạo tiếng vang như bản Đôn (Đắk Lắk), bản Lác (Mai Châu), bản Pác Ngòi (Ba Bể), bản Tả Phìn, bản Hồ (Sapa),...

Đã có các tour du lịch chuyên đề, chủ yếu là đưa du khách tới thăm gia và tham quan lễ hội. Những tour kết hợp được nhiều hoạt động như vừa tham dự lễ hội, vừa tham quan, tìm hiểu lối sống, phong tục dân cư thiểu số, cách thức tổ chức du lịch cộng đồng, nghiên cứu di tích lịch sử – văn hóa còn ít, các sản phẩm du lịch văn hóa này chưa lôi cuốn du khách và cũng giới hạn du khách tham gia. Một số ít tour du lịch văn hóa đã có thương hiệu như: “*Con đường xanh Tây Nguyên*”, “*Các cố đô Huế Việt Nam*”.

Để tăng cường việc giới thiệu hình ảnh đất nước, tăng thu nhập du lịch và kéo dài thời gian lưu trú của du khách, các tour du lịch văn hóa đã được kết hợp với nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí, sinh thái,... Các hoạt động trong tour phong phú, linh hoạt, đáp ứng nguyện vọng của nhiều đối tượng khách nên có sự thu hút cao. Tuy nhiên việc kết hợp du lịch văn hóa chất lượng cao kết hợp khai thác các điểm du lịch, các hoạt động dịch vụ du lịch thật hợp lý là không đơn giản trong những tour du lịch tổng hợp như vậy. Bởi lẽ tài nguyên lễ hội mang tính mùa vụ. Các tài nguyên khác nhau có thời gian khác nhau. Tour du lịch văn hóa chất lượng cao đòi hỏi hướng dẫn viên có tri thức và hiểu biết xã hội rộng rãi, ngoại ngữ tốt, nghiệp vụ dày dạn. Như vậy khi chú trọng phát triển cả hai loại hình tour (chuyên đề và tổng hợp) là chúng ta đang phát triển du lịch văn hóa với mục tiêu bền vững, vinh danh bản sắc văn hóa Việt Nam và mang lại lợi ích kinh tế.

Các sự kiện du lịch (Festival du lịch, lễ hội du lịch, liên hoan du lịch, năm du lịch,...) và các sự kiện văn hóa (tuần văn hóa, liên hoan sân khấu nhỏ và vừa, ca nhạc, phim,...) suốt thời gian được tổ chức khắp cả nước. Các sự kiện liên quan tới văn hóa đều được hai ngành du lịch và văn hóa kết hợp với nhau, bước đầu đem đến nhiều kết quả đáng khích lệ, nhiều biến chuyển tích cực như: tăng lượng khách nội địa di chuyển giữa các vùng miền, lượng khách du lịch quốc tế đến Việt Nam, văn hóa của các xóm làng, đô thị, vùng miền được tôn vinh và quảng bá tới người đi du lịch, khôi phục và giữ gìn lối sống, phong tục tập quán,

lễ hội, ẩm thực, các di tích lịch sử văn hóa, nghệ thuật biểu diễn truyền thống,... Festival Huế, Lễ hội pháo hoa Quốc tế tại Đà Nẵng được tổ chức định kỳ, Lễ hội Văn hóa Ẩm thực Thế giới tại Vũng Tàu năm 2010,... là những thực tế sinh động thể hiện rõ ước vọng chung của cả hai ngành văn hóa và du lịch là đáp ứng nhu cầu tìm hiểu văn hóa Việt Nam của du khách, nâng cao lòng tự hào về đất nước của nhân dân. Bên cạnh đó cũng còn một số tồn tại trong sự phối hợp này tại một số điểm di tích, một số địa phương về quản lý di tích. Lớn nhất là quan niệm: “văn hóa xây, du lịch phá” làm ảnh hưởng đến hình ảnh quốc gia, gây tâm lý chưa tốt cho khách du lịch.

Du lịch văn hóa là xu thế mới của phát triển du lịch Việt Nam đã được xác định tại Hội nghị Bộ trưởng Du lịch Đông Á – Thái Bình Dương, tại Huế tháng 6/2010 với trên 150 đại diện các nước khu vực châu Á tham dự. Các tour du lịch văn hóa hướng tới việc xây dựng nội dung phù hợp với thị trường khách trọng điểm là Nhật, Hàn Quốc, Tây Âu và Bắc Mỹ. Xây dựng các sản phẩm du lịch văn hóa chất lượng cao như tour chuyên đề: Văn hóa sông nước đồng bằng sông Cửu Long, về với miền Tây Nam Bộ, du lịch miệt vườn Nam Bộ, văn hóa miền núi phía Bắc, tour chuyên đề di sản, lễ hội, làng nghề xuyên Việt,... Chấn hưng các làng nghề thủ công truyền thống, các sản phẩm du lịch văn hóa phải đáp ứng được nhu cầu mua sắm của khách du lịch. Du khách phải được tham quan và tham gia vào một hoặc vài công đoạn cơ bản của quá trình sản xuất ra sản phẩm đó, tạo cảm xúc và bắc cầu để du khách hiểu được tâm hồn và tài nghệ của người Việt Nam.

Hiện nay chúng ta đã và đang tiếp tục thực hiện dự án bảo tồn và phát huy giá trị của di tích Chủ tịch Hồ Chí Minh tại Phủ Chủ tịch, xây dựng khu di tích thành một sản phẩm du lịch văn hóa hoàn chỉnh gồm: [2; 128]

- + Có các mặt hàng lưu niệm phù hợp với tính chất của di tích. Biên soạn các ấn phẩm về di tích.

- + Xây dựng tuyến điểm du lịch đặc thù kết nối hệ thống di tích và Bảo tàng Hồ Chí Minh trên cả nước, tạo ra sản phẩm du lịch mới: nghiên cứu, học tập tư tưởng, đạo đức, lối sống và nhân cách chủ tịch Hồ Chí Minh.

+ Đào tạo hướng dẫn viên thấu hiểu tư tưởng Hồ Chí Minh, có nghiệp vụ bảo tàng tốt giúp du khách tiếp cận với các giá trị văn hóa trong các di tích và kỉ vật về Chủ tịch Hồ Chí Minh trong khu di tích.

Cuối cùng, chúng ta đã xếp hạng được gần 3000 di tích cấp Quốc gia phục vụ du lịch văn hóa. UNESCO đã công nhận các di sản văn hóa Việt Nam là Di sản Văn hóa Thế giới: Cố đô Huế, Hoàng thành Thăng Long, Khu di tích Mỹ Sơn, Nhã nhạc Cung đình Huế, Không gian Văn hóa Công chiêm Tây Nguyên, Quan họ, Ca trù, Hội Gióng,... Di sản văn hóa Việt Nam không chỉ được tôn vinh mà qua du lịch, được giới thiệu rộng rãi ở trong và nước ngoài.

Với việc xác lập các cơ chế, chế tài phù hợp, nhà nước và nhân dân tham gia vào sự nghiệp chống xuống cấp các di tích lịch sử văn hóa, hỗ trợ phát triển bảo tàng. Các di tích lịch sử văn hóa trong nước, các Bảo tàng, các Di sản Văn hóa Thế giới tại Việt Nam đã, đang và sẽ trở thành những địa chỉ cụ thể của nguồn lực phát triển kinh tế và du lịch, đặc biệt là du lịch văn hóa.

Tiểu kết chương 1

Lấy văn hóa làm điểm tựa, du lịch văn hóa mang sứ mệnh tôn vinh và bảo vệ các giá trị văn hóa tốt đẹp của con người. Lấy du lịch làm cầu nối, văn hóa được làm giàu thêm thông qua sự tiếp xúc, tiếp biến, giao lưu, lan tỏa, tiếp nhận và hội tụ tinh hoa văn hóa các dân tộc. Du lịch văn hóa không chỉ đem lại lợi ích về kinh tế mà còn góp phần giáng dục tình yêu Tổ quốc, thúc đẩy tích cực sự phát triển của xã hội.

Bằng việc đưa ra những đánh giá, nhận định, khái niệm cơ bản về du lịch văn hóa, chúng ta hiểu được phần nào những nội dung cơ bản về du lịch văn hóa và các vấn đề có liên quan. Đây là cơ sở, nền tảng để phục vụ cho việc nghiên cứu chuyên sâu về phát triển du lịch văn hóa.

CHƯƠNG 2:

TÌM HIỂU CÁC GIÁ TRỊ CHÙA BA VÀNG (UÔNG BÍ - QUẢNG NINH) VÀ KHẢ NĂNG KHAI THÁC PHỤC VỤ DU LỊCH

2.1. Giới thiệu chung về thành phố Uông Bí

2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển

Trước khi Thực dân pháp xâm lược và đô hộ, Uông Bí có tên gọi là làng Thượng Mộ Công (thuộc huyện Yên Hưng, tỉnh Quảng Yên), gồm có 2 xóm khoảng 80 hộ gia đình người Kinh sinh sống. Sau đó Triều Nguyễn bán mỏ Uông Bí cho nhà tư sản Trung Hoa cai quản và khai thác. Kể từ khi thực dân Pháp đánh chiếm và khai thác thuộc địa tại đây thì dân cư ngày càng đông đúc do chiêu mộ công nhân khai thác than. Thời kỳ ta chuẩn bị vào tiếp quản, Uông Bí được gọi là thị trấn. Sau ngày giải phóng, khoảng cuối năm 1955 Uông Bí được đổi thành xã thuộc huyện Yên Hưng, khu Hồng Quảng.

Tháng 9/1960, Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ III của Đảng đã đề ra phương hướng “*Xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc và đấu tranh thống nhất nước nhà*”, trong kế hoạch 5 năm lần thứ nhất 1961 – 1965 để tiến hành công nghiệp hóa xã hội chủ nghĩa, Đảng, Nhà nước quyết định xây dựng nhà máy Nhiệt điện Uông Bí lớn nhất miền Bắc, với công suất 100MW; đồng thời khôi phục lại mỏ than Vàng Danh.

Tháng 4/1961, Ủy ban hành chính khu Hồng Quảng đề nghị Chính phủ cho thành lập thị xã Uông Bí. Ngày 28/10/1961, Hội đồng chính phủ ban hành Quyết định số: 180/CP thành lập thị xã Uông Bí trực thuộc Hồng Quảng (nay là tỉnh Quảng Ninh) là khu công nghiệp lớn nhất về sản xuất nhiệt điện và khai thác than.

Sau khi thành lập Thị xã, nhân dân Uông Bí cùng với cả nước thực hiện công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội, các phong trào đều phát triển mạnh mẽ. Trong thời gian đế quốc Mỹ tiến hành cuộc chiến tranh leo thang đánh phá miền Bắc từ ngày 05/8/1964 đến 1975 cán bộ, công nhân và nhân dân các dân tộc thị xã Uông Bí cùng với nhân dân toàn tỉnh và cả nước vừa sản xuất đảm bảo các chỉ tiêu kế hoạch nhà nước giao, vừa tập trung huy động sức người, sức của cho

sự nghiệp giải phóng; đồng thời xây dựng lực lượng dân quân tự vệ đánh trả cuộc chiến tranh bằng Không quân của Đế quốc Mỹ. Sau khi thống nhất đất nước, Thị xã tiếp tục tập trung phát triển toàn diện các mặt kinh tế – xã hội. Đẩy nhanh tốc độ phát triển đô thị, kinh tế tăng trưởng cao, đời sống nhân dân ngày ổn định và phát triển. Từ các yêu cầu đòi hỏi bức thiết của một thị xã công nghiệp phát triển, trên cơ sở xây dựng quy hoạch, kế hoạch của thị xã, Ủy ban Nhân dân tỉnh đã có quan tâm, chỉ đạo việc đầu tư, xây dựng thị xã theo quy hoạch đã được các cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Qua quá trình tập trung đầu tư xây dựng phát triển, sự phấn đấu không ngừng, Đảng bộ chính quyền nhân dân thị xã Uông Bí đã tạo ra diện mạo mới cho đô thị với các hạng mục công trình, điện, đường, trường, trạm được chỉnh trang, xây dựng mới đảm bảo các tiêu chí theo quy định của Chính phủ, đời sống của nhân dân ngày một cải thiện và nâng cao, do đó, ngày 01/02/2008 thị xã Uông Bí đã được Bộ trưởng Bộ Xây Dựng ra Quyết định số 187/QĐ – BXD công nhận thị xã Uông Bí là đô thị loại III. Để phù hợp với tốc độ và quy mô phát triển kinh tế – xã hội của Tỉnh, của Thị xã nói chung, phát triển, tăng nhanh tốc độ đô thị hóa cho thị xã nói riêng, Ủy ban Nhân dân Tỉnh đã có Quyết định số 2121/QĐ – Ủy ban Nhân dân ngày 07/07/2009 phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Thị xã giai đoạn 2009 -2020 xác định rõ nét chức năng, tính chất đô thị, tạo cơ sở pháp lý cho việc đầu tư, phát triển toàn diện Thị xã.

Được sự quan tâm của Trung ương, của Tỉnh, Đảng bộ và nhân dân Thị xã đã nỗ lực phấn đấu, tập trung đầu tư chỉnh trang, phát triển đô thị. Đến nay, đô thị Uông Bí đã có bước thay đổi căn bản. Qua quá trình hình thành và phát triển, ngày 01/02/2008 thị xã Uông Bí đã được Bộ Xây dựng quyết định xếp hạng là đô thị loại III, đủ điều kiện là thành phố trực thuộc Tỉnh theo quy định tại Nghị định số 42/2009/NĐ – CP ngày 07/5/2009 của Chính phủ.

2.1.2. Điều kiện tự nhiên

a) Vị trí địa lý

Thành phố Uông Bí nằm ở phía Tây tỉnh Quảng Ninh, có địa giới hành chính như sau:

- Phía Bắc giáp huyện Sơn Động (tỉnh Bắc Giang);
- Phía Nam giáp huyện Thủy Nguyên (thành phố Hải Phòng);
- Phía Đông giáp 2 huyện Hoàn Bô, Yên Hưng (tỉnh Quảng Ninh);
- Phía Tây giáp huyện Đông Triều (tỉnh Quảng Ninh).

Toạ độ từ 20°58' đến 21°09' vĩ độ bắc và từ 106°41' đến 106°52' kinh độ đông. Thành phố có 11 đơn vị hành chính gồm 07 phường và 04 xã. Tổng diện tích tự nhiên của Thành phố là 25.630,77 ha.

Uông Bí nằm cách Thủ đô Hà Nội 115 km, cách thành phố Hải Dương 60 km, cách trung tâm thành phố Hải Phòng 30 km, cách trung tâm thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh 40 km; có mạng lưới giao thông đường bộ, đường sắt và đường thủy rất thuận tiện cho việc giao lưu, tiêu thụ hàng hóa. Uông Bí nằm trong tâm điểm vùng tam giác động lực phát triển miền Bắc là Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh, do đó rất thuận tiện cho việc thu hút các nhà đầu tư trong và ngoài nước. Đặc biệt trên địa bàn có khu di tích lịch sử văn hóa và danh thắng Yên Tử (Kinh đô Phật giáo – Thiền phái Trúc Lâm Việt Nam) và Đình Đền Công là khu di tích cấp Quốc gia; các khu di tích lịch sử văn hóa cấp tỉnh như: Hang son, Ba Vàng và các khu du lịch sinh thái như: Hồ Yên Trung, Lũng Xanh.... Đây là những tiềm năng nổi trội, điều kiện thuận lợi để phát triển kinh tế và du lịch, dịch vụ của Thành phố cũng như của tỉnh Quảng Ninh. Uông Bí có nguồn tài nguyên khoáng sản than rất lớn (khu vực có trữ lượng than lớn của Quảng Ninh) đang được khai thác; đây là ngành công nghiệp quan trọng thúc đẩy các ngành công nghiệp điện, cơ khí, sản xuất vật liệu xây dựng, phát triển các khu công nghiệp tập trung tại thành phố. Ngoài ra, Thành phố có vị trí đặc biệt quan trọng về quốc phòng, an ninh, là tuyến phòng thủ phía Đông Bắc của Tổ quốc.

b) Địa hình, địa mạo

Uông Bí nằm trong dải cánh cung Đông Triều – Móng Cái, chạy dài theo hướng Tây – Đông; kiến tạo địa hình thấp dần từ Bắc xuống Nam. Phía Bắc cao nhất là núi Yên Tử với độ cao 1.068m, núi Bảo Đài cao 875m, phía Nam thấp nhất là vùng bãi bồi, trũng ngập nước ven sông Đá Bạc. Thành phố Uông Bí với

2/3 diện tích là đồi núi dốc nghiêng từ phía Bắc xuống phía Nam và được phân tách thành 3 vùng rõ rệt:

Vùng cao: chiếm 65,04% tổng diện tích tự nhiên của thành phố, bao gồm các xã Thượng Yên Công, phường Vàng Danh và phần diện tích nằm ở phía Bắc Quốc lộ 18A thuộc các phường Nam Khê, Bắc Sơn, Thanh Sơn, Quang Trung, Trung Vương và xã Phương Đông.

Vùng thung lũng: nằm giữa dãy núi cao phía Bắc và dãy núi thấp phía Nam có địa hình thấp, chạy dọc theo đường 18B từ Năm Mẫu đến Vành Danh thuộc xã Thượng Yên Công và phường Vàng Danh có diện tích rất nhỏ, chiếm 1,2% diện tích tự nhiên thành phố.

Vùng Thấp: bao gồm các xã, phường nằm ở phía Nam Quốc lộ 18A như xã Phương Nam, Phương Đông, phường Nam Khê, phường Quang Trung, Trung Vương, xã Diên Công. Vùng này địa hình bằng phẳng, chủ yếu là các cánh đồng phù sa ven sông có độ dốc cấp I ($0 \div 80$) nằm xen giữa các kênh rạch, ruộng canh tác ở độ cao từ $1 \div 5$ m so với mặt nước biển với diện tích 7.700 ha chiếm 26,90% diện tích tự nhiên thành phố.

c) Khí hậu

Uông Bí có chế độ khí hậu đa dạng, vừa mang tính chất miền núi vừa mang tính chất miền duyên hải. Nhiệt độ trung bình trong năm $22,2^{\circ}\text{C}$. Mùa hè nhiệt độ trung bình từ $28 - 30^{\circ}\text{C}$. Mùa đông nhiệt độ trung bình từ $17 - 20^{\circ}\text{C}$. Tổng lượng mưa trung bình năm là 1.600mm, cao nhất là 2.200mm. Độ ẩm trung bình năm là 81%, cao nhất 89,3%, thấp nhất 50,8%.

d) Thủy văn

Thành phố chịu ảnh hưởng trực tiếp chế độ nhật triều vịnh Bắc Bộ, biên độ giao thông thủy triều trung bình 0,6m. Thành phố có 3 con sông chảy qua là sông Bá Bạc, Sông Uông, Sông Sinh. Hệ thống sông suối phần lớn là sông nhỏ, diện tích lưu vực hẹp, nguồn nước và lưu lượng không đáng kể.

e) Địa chất

Cấu tạo địa chất công trình (qua số liệu thăm dò địa chất, cũng như thăm dò nước ngầm của các ngành liên quan) khu vực thành phố Uông Bí có điều

kiện thuận lợi để xây dựng và phát triển đô thị, ít phải gia cố nền móng khi xây dựng công trình.

2.1.3. Điều kiện kinh tế – xã hội

a) Diện tích tự nhiên

Tổng diện tích đất tự nhiên là 25.630,77 ha. Trong đó đất nội thành là 17.623,5 ha (có 2650,83 ha đất XD đô thị), đất ngoại thị là 8.007,27 ha. Bao gồm:

- Đất ở đô thị: 737,42ha;
- Đất ở nông thôn: 51,61 ha;
- Đất chuyên dùng: 2.831,27 ha;
- Đất tôn giáo, tín ngưỡng: 21,19 ha;
- Đất nghĩa địa, nghĩa trang: 57,18 ha;
- Đất sông suối, mặt nước chuyên dùng: 2.069,79 ha;
- Đất nông nghiệp: 17.620,1 ha;
- Đất chưa sử dụng: 2.242,21 ha.

b) Dân số

Quy mô dân số: Quy mô dân số của thành phố Uông Bí đến 31/12/2012 là 174.678 người (bao gồm cả dân số thường trú và dân số quy đổi). Trong đó dân số nội thành là 167.049 người, chiếm 95,6% tổng dân số toàn thành phố; dân số ngoại thành là 7.629 người, chiếm 4,4%.

Bảng 2.1. Diện tích, dân số thực tế thường trú thành phố Uông Bí phân theo đơn vị hành chính năm 2013

Stt	Tên đơn vị hành chính	Diện tích Tự nhiên (ha)	Dân số thực tế thường trú (người)	Số thôn, khu
Khu vực nội thành:		17.623,5	106.763	63
1	Phường Nam Khê	748,50	9.598	5
2	Phường Trung Vương	352,67	8.494	7
3	Phường Quang Trung	1.404,88	20.410	12
4	Phường Bắc Sơn	2.744,93	6.846	9
5	Phường Vàng Danh	5.415,91	14.580	12
6	Phường Thanh Sơn	945,71	13.631	11
7	Phường Yên Thanh	1.441,05	8.060	7
8	Xã Phương Nam	2.172,49	12.670	14
9	Xã Phương Đông	2.397,81	12.474	12
Khu vực ngoại thành:		8.007,27	7.539	37
10	Xã Điền Công	1.246,00	1899	3
11	Xã Thượng Yên Công	6.767,27	5.640	8
Tổng số toàn thành phố:		25.630,77	114.302	100

(Nguồn: Sở Văn hóa – Thông tin thành phố Uông Bí, Quảng Ninh)

Cơ cấu dân số thay đổi theo hướng tỷ lệ dân số nội thị ngày một tăng, tỷ lệ dân số ngoại thị giảm dần.

Mức tăng dân số năm 2012 là 1,9% (trong đó tăng tự nhiên là 1,13%, tăng cơ học là 0,77%).

Bảng 2.2. Cơ cấu dân số thành phố qua các năm (từ 2009-2012)*Đvt: người*

Năm	Dân số			Tỷ lệ dân cư (%)	
	Tổng số	Dân số nội thành	Dân số ngoại thành	Nội thành	Ngoại thành
2010	161.458	129.863	31.595	80,4	19,6
2011	171.422	163.912	7.510	95,6	4,4
2012	174.678	167.049	7.629	95,6	4,4

(Nguồn: Sở Văn hóa – Thông tin thành phố Uông Bí, Quảng Ninh)

Mật độ dân số khu vực xây dựng đô thị: 6.931 người/km².

c) Cơ cấu lao động

Số lao động làm việc trong ngành kinh tế quốc dân: 52.918 người.

Trong đó:

- Lao động phi nông nghiệp: 48.650 người.
- Lao động nông nghiệp: 4268 người.
- Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp: 91,9%.

Bảng 2.3. Lao động thành phố năm 2009-2012

Lao động trong tuổi làm việc	Người	2009	2010	2011	2012
		48.680	50.568	51.664	52.918
Lao động nông nghiệp	Người	4.500	4.418	4.346	4.268
Lao động phi nông nghiệp	Người	44.180	46.150	47.318	48.650
Tỷ lệ lao động phi nông nghiệp nội thị	%	90,7	91,2	91,5	91,9

(Nguồn: Sở Văn hóa – Thông tin thành phố Uông Bí, Quảng Ninh)

Thành phố Uông Bí có lợi thế là trung tâm công nghiệp, du lịch, y tế và đào tạo phía Tây của tỉnh. Trên địa bàn thành phố lực lượng lao động kỹ thuật được đào tạo cơ bản trên đại học, đại học, cao đẳng, trung học chuyên nghiệp và công nhân kỹ thuật.

d) Đơn vị hành chính

Thành phố Uông Bí có 11 đơn vị hành chính gồm 7 phường: Nam Khê, Trung Vương, Quang Trung, Bắc Sơn, Vàng Danh, Thanh Sơn, Yên Thanh và 4 xã: Phương Nam, Phương Đông, Điền Công, Thượng Yên Công. Với tổng số thôn, khu là: 100

e) Chức năng đô thị

Uông Bí là trung tâm công nghiệp, du lịch, y tế và đào tạo phía Tây của tỉnh Quảng Ninh. Ngoài ra còn là trung tâm Phật giáo lớn – Thiên phái Trúc Lâm Việt Nam. Bên cạnh chức năng tổng hợp của một đô thị phía Tây của Tỉnh, thành phố còn là trung tâm thương mại – dịch vụ – du lịch của Tỉnh và vùng liên tỉnh, Thành phố là hạt nhân thúc đẩy quá trình đô thị hoá của tỉnh Quảng Ninh.

2.1.4. Đánh giá chung

Nằm ở phía Tây Quảng Ninh, thành phố Uông Bí có vị trí chiến lược rất quan trọng để phát triển kinh tế – xã hội, an ninh – quốc phòng trong khu vực. Đặc biệt, thành phố Uông Bí nằm trong tam giác động lực phát triển miền Bắc là Hà Nội – Hải Phòng – Quảng Ninh và là đô thị chuyên ngành công nghiệp năng lượng trong Vùng duyên hải Bắc Bộ.

Thành phố Uông Bí cũng được xác định là đô thị trung tâm về công nghiệp, dịch vụ, du lịch, y tế và đào tạo của tỉnh Quảng Ninh; nơi đây có di tích lịch sử và danh lam thắng cảnh Yên Tử là trung tâm Phật giáo – Thiên phái Trúc lâm Việt Nam. Di tích này đã được Nhà nước xếp hạng là di tích quốc gia đặc biệt, đồng thời có điều kiện phát triển tất cả các loại hình giao thông thúc đẩy trung chuyển hàng hóa.

Năm 2008, Uông Bí được công nhận là đô thị loại III, từ đó thành phố ngày càng phát triển nhanh chóng theo hướng hiện đại, đời sống dân cư đô thị ngày càng được nâng cao. Mức tăng trưởng kinh tế trung bình của thành phố

giai đoạn 2010 - 2012 đạt 13%/năm. Thu nhập bình quân đầu người của trong năm 2012 đạt 55,36 triệu đồng/năm. Ngoài ra, các chỉ tiêu kinh tế – xã hội khác của Uông Bí đều đạt, vượt tiêu chí đô thị loại II. Đặc biệt là trong đó có không ít chỉ tiêu cơ bản Uông Bí thực hiện vượt từ 2 đến 3 lần so với chuẩn.

Được công nhận là đô thị loại III, Thành phố Uông Bí nằm trong số ít địa phương trong cả nước được “nâng hạng” trước thời hạn và điều này phù hợp với định hướng Quy hoạch tổng thể phát triển hệ thống đô thị Việt Nam, Quy hoạch Vùng duyên hải Bắc bộ và Quy hoạch Vùng tỉnh, cũng như định hướng phát triển kinh tế xã hội của tỉnh Quảng Ninh.

Hiện nay, khách du lịch đến Uông Bí không chỉ được về vùng đất Phật giáo linh thiêng của cả nước, Yên Tử; được chiêm bái tượng Phật hoàng Trần Nhân Tông lần đầu tiên được thực hiện bằng kỹ thuật đúc nguyên khối và tại chỗ, mà còn được đắm mình trong không gian của những lễ hội cổ và tận hưởng cảnh sắc, không khí của các thắng cảnh.

Thành phố tập trung đầu tư phát triển 2 loại hình: du lịch tâm linh và du lịch sinh thái tại Yên Tử, Ba Vàng, Hang Son, Lũng Xanh và Hồ Yên trung. Lượng khách tham quan du lịch về Uông Bí tăng nhanh từ 37 vạn lượt khách năm 2005 lên 2,1 triệu lượt khách năm 2009; tốc độ tăng bình quân là 57,7%/năm. Uông Bí là đơn vị hành chính đô thị miền núi có vai trò của một đô thị quan trọng nằm trong trục đô thị Móng Cái – Cẩm Phả – Hạ Long – Uông Bí và là động lực phát triển kinh tế – xã hội khu vực miền Tây của Tỉnh, góp phần thúc đẩy đưa tỉnh Quảng Ninh cơ bản trở thành tỉnh công nghiệp theo hướng hiện đại vào năm 2015.

2.2. Khái quát về chùa Ba Vàng

2.2.1. Vị trí địa lý và cảnh quan môi trường chùa Ba Vàng

“Hội tụ” là địa hình tụ khí của “linh căn” trời đất, sự cân bằng âm dương tạo ra thế địa linh có Thanh long (Rồng châu), Bạch Hổ (Hổ phục). Sư Tổ Trúc Lâm Ma Ha Sa Môn Tuệ Bích Phổ Giác Thiền sư đã chọn chùa Ba Vàng, đó là kho báu Phật – Pháp – Tăng điểm hội tụ tâm linh, để xây chùa. Một điểm hội tụ

hi hữu, một nơi vượng tiến tu tập giải thoát trên con đường ngắn nhất tới Niết Bàn.

Chùa Ba Vàng có tên chữ là Bảo Quang Tự. Theo từ điển Hán Việt: “Bảo” có nghĩa là vật quý hay bảo bối. “Quang” có nghĩa là ánh sáng. “Bảo Quang” là ánh sáng quý báu. Bảo Quang tự là chùa có ánh sáng quý. Chùa được xây dựng vào năm Ất Dậu, triều vua Lê Dụ Tông tức năm 1676.

Chùa Ba Vàng tọa lạc ở lưng chừng núi dãy Thành Đăng, dân gian thường gọi là núi Ba Vàng. Theo từ điển Hán Việt: “Thành” có nghĩa là thành tựu, thành đạt; “Đăng” có nghĩa là vô thượng Chính đẳng chính giác. “Thành Đăng” có nghĩa là thành Phật”. Chùa thuộc xã Thượng Mỗ Công, Bí Giàng, huyện Hưng Yên, tỉnh Quảng Yên; nay thuộc địa phận tổ 17B, khu 5 phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh.

Chùa Ba Vàng được xây dựng cách khu du lịch sinh thái Lũng Xanh khoảng 1 km. Chính nguồn nước từ núi Ba Vàng chảy ra đã tạo nên Lũng Xanh – một điểm du lịch hấp dẫn của Uông Bí. Chùa có thể “tọa sơn, đạp thủy”, phía sau tựa lưng vào núi, trông ra phía trước là dòng sông Đá Bạc, hai bên là rừng thông xanh ngút bạt ngàn. Đến với chùa Ba Vàng, ta như được đắm chìm trong khung cảnh nên thơ, trữ tình mà vẫn cảm nhận được không khí linh thiêng của chốn đạo thiền nhà Phật.

Khu vực chùa Ba Vàng tọa lạc trên một khu đất bằng phẳng, theo thể phong thủy tuyệt đẹp “tọa sơn, đạp thủy” – tựa lưng vào núi, trông xa xa phía trước là sông Đá Bạc, hai bên phải trái là các dãy núi nhỏ xanh muốt rừng thông chạy lúp xúp ra biển theo thể “tả thanh long, hữu bạch hổ”. Địa thế này tạo cho Ba Vàng một khung cảnh hữu tình nên thơ mà vẫn toát lên sự linh thiêng, tụ khí của chốn thiền nhà Phật.

Chùa có mạch phong thủy bắt nguồn từ chùa Đồng (Yên Tử) với độ cao 1080m và địa hình cứ hạ đoạn tạo thành thể Thanh Long, Bạch Hổ, có mặt bằng để tu tạo thành chùa cảnh tri ân Phật Tổ.

Từ chùa Đồng với độ cao 800m xuống tới chùa Lân (Thiền Viện Trúc Lâm Yên Tử), độ cao 80m, khoảng cách 1400m (theo đường chim bay). Chín

con suối “Cửu Long uốn khúc” tạo thành cảnh phong thủy hữu tình, thông reo chim hót và bạt ngàn rừng trúc xanh tươi. Địa hình, thế núi và dòng suối tọa theo hướng Bắc Nam cứ thấp dần. Từ chùa Lân về Ba Vàng khoảng 3000m (đường chim bay), thế đất bằng phẳng. Nhưng khi về tới Uông Bí, thế núi lại chuyển sang hướng Đông Tây và vọt lên 550m, đó là núi Ba Vàng (Thành Đăng Sơn).

Thế núi nằm ngang: hướng Đông là dãy núi Bình Hương (tức Thanh Long), hướng tây là dãy núi Vành Cóc (tức Bạch Hổ). Từ Cửu Long tạo thành nhị Long, hai con suối vòng quanh Lũng Xanh về chân núi Thành Đăng. Từ thế núi độ cao 80m (chùa Lân) đột khởi, chắn ngang thành dãy Ba Vàng, độ cao vượt khỏi chùa Lân 470m. Từ đỉnh cao Thành Đăng hạ đoạn thành Tam Cấp: cấp I: 550m, cấp II: 340m, cấp III: 200m (so với mực nước biển). Cấp III là điểm bằng phẳng, rộng hàng hecta, Sư tổ đã chọn nơi hội tụ này để xây chùa vào năm 1780.

Bảo Quang tự, hướng Bắc nơi Đại hùng Bảo Điện tọa lưng, trước mặt là hướng Nam tượng trưng cho trí tuệ bùng sáng, lại có dòng sông Bạch Đằng như một dải lụa không lồ uốn khúc, ngày ngày thủy triều lên xuống chứng tỏ sự truyền thừa trí tuệ phát triển không ngừng.

Hướng Đông có “Thanh Long” tọa địa. Thanh Long (rồng châu) với thế động, mạnh mẽ, dương tính, phù hợp với bản chất của chư tăng. Hướng Tây có dãy núi Vành Cóc (Bạch Hổ) tượng trưng cho sự trầm tĩnh, kiên định, âm tính, đó là bản chất của Chư Ni.

Bảo Quang Tự tọa lạc nơi hội tụ hi hữu của linh căn trời đất “Địa đã linh tất sinh nhân kiệt”. Nhân kiệt đã xuất hiện tại đây từ quá khứ: Sư Tổ Tuệ Bích (“bức tường thành trí tuệ”) để hôm nay người đời kế tục, hoằng truyền Phật pháp, một minh sư đầy đủ từ bi, trí tuệ – một sức hút mãnh liệt: Đại Đức Thích Trúc Thái Minh.

2.2.2. Lịch sử hình thành và phát triển của chùa Ba Vàng

Vào thời Trần (thế kỷ thứ 13) vua Trần Nhân Tông rời bỏ cung vàng điện ngọc về non xanh Yên Tử tu hành, là người sáng lập ra thiền phái Trúc Lâm Yên

Tử – một dòng thiền Việt Nam. Chùa Ba Vàng là sơn môn thuộc Trúc Lâm Yên Tử. Từ thế kỷ 13 đến thế kỷ 21, trải qua 800 năm, chùa Ba Vàng đã qua một lần khai sơn lập tự và 4 lần trùng tu.

Căn cứ vào khảo cổ đã khai quật từ lòng đất tại nền chùa những viên ngói đất nung hình lòng máng màu phốt hồng, kích thước 30 x 15 cm, mũi ngói giống hình chiếc hài. Những viên gạch đất nung nát nền có kích thước 40 x 40cm. Toàn bộ viên gạch được trang trí một bông hoa bốn cánh (một loại hoa văn đời Trần). Tất cả các viên ngói, viên gạch, mảnh sành tìm thấy đều mang nét văn hóa đời Trần. Điều này chứng tỏ vào đời Trần, nơi đây đã từng tồn tại một ngôi chùa, nhưng không có lý lịch cụ thể về sự tồn tại và ngôi chùa.

Năm 1400, Hồ Quý Ly nhiếp chính được 6 năm. Từ năm 1406 đến 1706 là thời kỳ lịch sử Việt Nam có nhiều biến động. Quân Minh trở lại đô hộ nước ta 20 năm, cuộc khởi nghĩa Lam Sơn giành lại sự độc lập cho nước ta năm 1427. Sau đó, lịch sử Việt Nam lại càng đen tối bởi cuộc nội chiến Nam – Bắc triều, Trịnh – Nguyễn phân tranh, vua Lê chúa Trịnh đã đẩy lùi lịch sử Việt Nam hàng trăm năm. Do nội chiến liên miên, hao người tốn của đã khiến nhân dân khủng hoảng niềm tin với nhà nước phong kiến, họ khao khát đón nhận trở lại ánh sáng từ Phật Giáo. Nhưng nhà cầm quyền phong kiến đã đề cao đạo Lão, đạo Khổng, ít chú ý đến đạo Phật. Chính lúc này, Đại Thiên Tuệ Bích đã xây dựng nên Bảo Quang Tự (1706) thắp sáng niềm tin, nối lại dòng thiền Trúc Lâm sau 300 năm gián đoạn. Song do thời gian và các cuộc đấu tranh tàn phá ngôi chùa đã lui vào dĩ vãng, chỉ còn lại rừng cây bao phủ.

Một sự tình cờ năm 1987, một lão nông địa phương đã phát hiện ra những phế tích còn lại của ngôi chùa. Các nhà nghiên cứu, khảo cổ đã vào cuộc và thu thập được những hiện vật lịch sử có giá trị như: cây Hương đá (thiên đài trụ) được tạc bằng đá nguyên khối. Cây hương hình chữ nhật với kích thước cao 1m45, rộng 0,29m, dày 0,25m, trên đỉnh của cây hương là hình bát sen; Bia đá được làm vào thời Lê Dụ Tông (1706), kích thước cao 0,70m, rộng 0,45m, dày 0,14m dựng trên đế rùa cao 0,40m, dày 0,94m, rộng 0,70m (Đây là lần trùng tu thứ 2). Sau khi xác định đây là ngôi chùa mang dấu ấn đời Trần, Thị ủy, Ủy ban

Nhân dân, Hội đồng Nhân dân thành phố Uông Bí thể theo nguyện vọng của nhân dân (1988) cho phép trùng tu lại bằng gỗ (lần trùng tu thứ 3).

Sau 5 năm (1993), ngôi chùa bị xuống cấp nặng nề. Ban tôn tạo đã trùng tu lại bằng gạch, ngói, xi măng với diện tích 55m² gồm 3 gian tiền đường, cửa vòm, một gian tự điện; 2 bên cửa giữa đắp nổi câu đối bằng chữ Hán “Thành Đăng Sơn thắng cảnh vạn lưu danh; Bảo Quang Tự thiền môn thiên thu hương hỏa”.

Chính giữa tiền đường treo bảo cái bằng vải. Bên trái tiền đường (ngoại hiên) treo một quả chuông nặng 20kg. Ban thờ chính hướng Nam ghé Tây gồm 4 cấp: cấp cao nhất 2m20, cấp thấp nhất 1m. Cấp 1 thờ Tam Thế Phật; cấp 2 thờ Di Đà Tam Tôn; cấp 3 thờ Ngọc Hoàng, Nam Tào, Bắc Đẩu; cấp 4 thờ tòa Cửu Long.

Nhà Mẫu thờ cạnh Thượng Điện theo hướng Nam, diện tích 8,32m² (nhà cấp 4); Miếu Sơn Thần 11m65; Giếng Thần sâu 2,50m đường kính 1,78m, mức nước 1m. Các công trình khác: nhà ở, trai đường lợp bằng ngói xi măng, xung quanh bao bằng cốt ép rộng khoảng 20m². Tổng diện tích công trình là 94,97m². Đây là lần trùng tu thứ 3.

Do chưa có sư Trụ Trì nên Bảo Quang Tự chỉ dừng lại ở đó, đường lên chùa là lối mòn rậm rạp, điện thấp sáng và nước sinh hoạt đều không có. Tất cả các công trình nhà cấp 4 qua 14 năm đã bị dột nát và hư hỏng.

Là ngôi chùa đã được xếp hạng di tích lịch sử của tỉnh Quảng Ninh, là truyền thừa của phái Trúc Lâm Yên Tử lại có diện tích đất 123,81 ha, là khu sinh thái sơn thủy hữu tình có “rừng châu, hồ phục”, chẳng lẽ lại để Bảo Quang tự trở thành phế tích? Đó là trần trở của chính quyền, mặt trận, nhân dân Uông Bí.

Vì vậy tới năm 2007, chính quyền địa phương đã tha thiết thỉnh cầu Đại Đức Thích Trúc Thái Minh – nguyên là trưởng ban Tri khách Thiền Viện Trúc Lâm Yên Tử về trụ trì chùa Ba Vàng căn cứ quyết định bổ nhiệm số 115 ngày 25 tháng 8 năm 2006. Đại đức cùng các đệ tử, du khách thập phương đã đóng góp công sức tiến hành trùng tu ngôi chùa. Và chính quyền, mặt trận, nhân dân Uông Bí đã long trọng cử hành lễ Nhập tự vào năm 2007 (đây là lần trùng tu thứ

4). Đây cũng là dấu mốc quan trọng trong sự đổi thay nhiệm màu của chùa Ba Vàng.

Từ hai bàn tay trắng, lại đơn phương độc mã, Đại đức đã tiếp nhận một cơ đồ vô vàn khó khăn. Nhưng nhờ sự gia trì của Phật pháp, sự gia hộ của sư tổ, và đặc biệt là phát huy nội lực của Đại đức “Hãy thấp đuốc lên mà đi” lại được Phật tử thập phương, bách gia trăm họ, được chính quyền mặt trận Ưng Bí tận tình giúp đỡ, Đại đức cùng địa phương đã biến không thành có.

Tháng 7 năm 2010, được sự đồng ý của giáo hội Phật Giáo Việt Nam và Ủy ban Nhân dân thành phố Ưng Bí, chùa Ba Vàng chính thức được khởi công trùng tu xây dựng. Lần trùng thứ 4 này có quy mô, hiện đại. Giai đoạn 1 với diện tích 21,8 ha và tổng kinh phí là 500 tỷ đồng (trên tổng số 123,8 ha với tổng mức đầu tư 1000 tỷ đồng) được huy động từ lòng hảo tâm của các tăng ni, Phật tử, doanh nghiệp và các nhà hảo tâm từ khắp nơi.

Ngày 8 và 9 tháng 3 năm 2014 (tức ngày 8, 9 tháng 2 năm Giáp Ngọ) nhà chùa đã tổ chức đại lễ khánh thành chùa Ba Vàng sau hơn 3 năm xây dựng công trình và được công nhận là ngôi chùa có chính điện lớn nhất Việt Nam.

Hiện nay, một con đường bê tông rộng 8m dài gần 3km do thành phố Ưng Bí đầu tư đã được xây dựng nối Chùa với khu vực trung tâm thành phố thay cho con đường rừng gồ gề, đá sỏi trước đây. Điện cũng đã về đến Chùa thắp sáng cả một vùng đồi núi Thành Đăng, qua sự mách bảo của người dân, nguồn nước mát trong lành từ đỉnh núi Thành Đăng cách chùa vài km cũng đã được dẫn về phục vụ nhu cầu sinh hoạt của nhà chùa. Trên khoảng đất phía Tây của chùa cũ, nhà chùa cũng đã cho dựng lên một đại giảng đường – đây là nơi thường xuyên diễn ra các hoạt động Phật sự và hoằng dương chính pháp, tổ chức các đại lễ kết hợp quy y cho các Phật tử. Các khóa tu bát quan trai được tổ chức đều đặn hàng tháng, ngoài các hoạt động Phật giáo nhà chùa cùng các Phật tử cũng tích cực tham gia các hoạt động xã hội khác trong đó phải kể đến những chuyến cứu trợ đồng bào bị bão lụt ở miền Trung, những người có hoàn cảnh khó khăn.

Càng ngày các tín đồ Phật tử cùng du khách thập phương biết và đến với ngôi chùa càng đông. Có những dịp lễ trọng hàng ngàn du khách và Phật tử đã nô nức tụ hội về đây tham dự các hoạt động của buổi lễ. Với tư tưởng Đạo pháp hòa quang đồng trần, trần hòa với đời, mọi hoạt động Phật sự của chùa Ba Vàng đều hướng tới phổ độ chúng sinh, xây dựng ngôi chùa hiện hữu gắn liền với tạo dựng đức tin chân chính, thấp sáng lên niềm tin với Phật pháp.

Chùa Ba Vàng được xây dựng khang trang như hôm nay có một phần công lao rất lớn của Đại Đức Thích Trúc Thái Minh – trụ trì chùa. Gần 10 năm gắn bó với chùa Ba Vàng, khi chùa mới chỉ có vài gian nhà cấp bốn, sư thầy Thái Minh đã bền bỉ xây dựng, đề xuất với các cấp, chính quyền quy hoạch chùa, thiết chế trùng tu, tôn tạo, vận động xã hội hóa vật chất, kinh phí tôn tạo lại chùa.

2.3. Các giá trị tiêu biểu của chùa Ba Vàng

2.3.1. Giá trị lịch sử

a) Những giai thoại về chùa Ba Vàng

Nằm sâu trên ngọn núi Ba Vàng, ngôi cổ tự sau những biến cố sóng gió của thời gian, tưởng chừng như chỉ còn những phế tích tàn lụi. Nhưng mỗi tình duyên thiên định đã khéo léo sắp đặt để giờ đây, ngôi chùa trở thành một địa chỉ hành hương, một điểm đến du lịch tâm linh hấp dẫn với vô vàn những câu chuyện kỳ lạ xung quanh.

** Chuyện đàn bò phệ tích ngàn năm*

Tích kể rằng: Như một sự tình cờ và hữu duyên, chùa Ba Vàng được phát hiện như một điển tích. Năm 1987, một lão nông địa phương bị mất một đàn bò. Lão lang thang khắp vùng để tìm kiếm, trong lòng luôn cầu trời, khẩn phật xin cứu giúp. Đêm đến lão nông nằm mơ thấy một ông cụ râu tóc bạc phơ hiện ra và nói: “Con cứ lên núi Ba Vàng khắc tìm thấy đàn bò”.

Dù bán tín bán nghi nhưng do tiếc của, lão quyết tâm theo đường mòn leo dốc khi đến độ cao lại có mặt bằng trải rộng, do vấp ngã, lão đã phát hiện ra những bậc thềm tam cấp bằng gạch. Lão về loan tin để dân làng biết. Cũng chính từ lúc này, đàn bò trở về nhà không thiếu một con. Do sự ngẫu nhiên linh

ứng nên dân làng nô nức hội tụ về đây và tìm ra những vật quý như cây hương đá, đỉnh hình bát sen, bia đá... Sự phát hiện của lão nông, các nhà nghiên cứu, nhà khoa học đã vào cuộc tìm hiểu gốc tích của công trình này.

** Giếng thần và những sự trùng lặp kỳ lạ*

Kể từ khi được phát hiện vào năm 1987, ngôi chùa vẫn bình lặng chứng kiến những đổi thay của thời gian, không gian. Trong suốt khoảng lặng đó, Bảo Quang Tự không hề có bất cứ một vị trụ trì nào. Cứ thế, con đường lên núi ngày càng một rậm rạp, những trùng tu ngày nào của chính quyền dần dần bị xuống cấp. Bảo Quang Tự như một ngôi chùa hoang vắng, lạnh lẽo.

Năm 2007, chính quyền địa phương đã tha thiết thỉnh cầu Đại Đức Thích Trúc Thái Minh – lúc đó đang là trưởng ban Tri khách Thiền viện Trúc Lâm Yên Tử về trụ trì chùa này.

Đứng trước ngôi chùa hoang tàn, xuống cấp, Đại Đức Thích Trúc Minh bỗng thấy trong lòng dâng lên một cảm giác rất kỳ lạ. Kỳ lạ hơn chiếc giếng trong khuôn viên chùa trước đây khô cạn bỗng đầy ắp nước trở lại. Cho là điềm báo, Đại Đức Thích Trúc Thái Minh quyết tâm gây dựng lại ngôi chùa, hành hương Phật pháp, Phổ độ chúng sinh. Hành trang của Đại Đức chỉ là hai bàn tay trắng lại đơn phương độc mã nhưng trong lòng của vị trụ trì trẻ tuổi này luôn có một niềm tin mãnh liệt vào sự gia trì của Phật pháp, sự gia hộ của Sư tổ. Trong tâm niệm của Đại Đức luôn vang vọng một câu nói: “Hãy đốt đuốc lên mà đi”.

Sự kiện chùa Ba Vàng đã diễn ra gần một thiên niên kỷ, qua 4 lần trùng tu. Tuy ở mỗi thời đại khác nhau nhưng lại có những trùng lặp vô cùng ý nghĩa. Trùng tu lần 1 là thời kỳ Phật Giáo là Quốc giáo. Trùng tu lần 2 đã nối dòng truyền thừa phái Trúc Lâm Yên Tử sau 300 năm gián đoạn. Trùng tu lần 4 (khánh thành 9/3/2014) cũng là lần đánh dấu sự nối lại truyền thừa dòng thiền Trúc Lâm Yên Tử cũng sau 300 năm gián đoạn.

Tên Chùa, pháp danh sư tổ, pháp danh Đại đức trụ trì Thích Trúc Thái Minh tuy âm ngữ khác nhau nhưng lại cùng một khái niệm “trí tuệ không ngừng tỏa sáng”. Sư tổ Tuệ Bích đã hoàn thành ngôi Bảo Quang Tự khi ngài 48 tuổi, Đại đức Thích Trúc Thái Minh khánh thành Đại Hùng Bảo Điện chùa Ba Vàng

cũng vào năm 48 tuổi. Do duyên sinh, duyên hợp của Sư Tổ và Đại Đức, một linh khí hòa hợp hỗ trợ qua lại tuyệt vời và hy hữu.

Những hiện tượng tâm linh trùng lặp chứng tỏ sự nhiệm màu của Phật pháp. Chắc chắn điểm hội tụ Thành Đăng sơn, chùa Ba Vàng sẽ ấp ủ những thành quả, thành công, thành đạt, thành Phật.

“Phổ độ quần sinh thoát khổ duyên

Quảng khai phương tiện lưu khoa giáo”.

b) Lịch sử Sư Tổ chùa Ba Vàng

Cuộc đời và sự nghiệp Sư Tổ chùa Ba Vàng chỉ lưu lại qua văn bia quá sơ sài. Nhưng căn cứ vào nhân truyền trong dân gian, thời đại, cuộc đời và sự nghiệp của Sư Tổ, chúng ta có thể khẳng định Sư Tổ là một Đại Thiên sư đức cao vọng trọng.

Pháp danh của ngài là Trúc Lâm Ma Ha Sa Môn Tuệ Bích Phổ Giác. Ngài sinh vào ngày 06 tháng 01 năm Mậu Tuất (1658) vào thời vua Lê Hiền Tông. Ngài là hậu duệ của Tam Tổ Trúc Lâm Yên Tử.

Sinh ra và lớn lên trong thời kỳ Lê diệt, sau 230 năm nhà Lê trị vì đất nước. Nhà Lê là đỉnh cao của chế độ phong kiến tập quyền. Nhà cầm quyền phong kiến coi trọng Khổng giáo (Quân – Thần – Phụ – Tử) để củng cố địa vị ngai vàng của mình mà đã coi nhẹ và đã đẩy Phật giáo xuống hàng thứ hai, sau đạo Khổng.

Trong thời gian 100 năm, Sư Tổ đã chứng kiến biết bao thăng trầm biến cố lịch sử: Nội chiến Nam – Bắc triều giữa Lê – Mạc. Rồi chúa Trịnh ra đời giương cao ngọn cờ “Phù Lê diệt Mạc” nhằm biến vua Lê thành bù nhìn. Tấn tòng Vua Lê – chúa Trịnh kéo dài hàng trăm năm đã đẩy lùi lịch sử Việt Nam vào con đường tăm tối. Chính lúc hoàn cảnh xã hội vô cùng nghiệt ngã, dòng Thiền Trúc Lâm Yên Tử đã bị thất truyền sau 300 năm sự xuất hiện của Sư Tổ như một ngọn đèn thắp sáng những ngày đêm u tối. Ngài ra đời và đi tìm những chân lý mà mình phải đi. Ngài đã xác định, là người con Phật phải ly gia cắt ái khinh thân tìm về non thiêng Yên Tử xả thân cầu đạo giải thoát và Ngài đã thành tựu sở nguyện khi được làm đệ tử của dòng Thiền Trúc Lâm Yên Tử nối mạng

mạch Phật pháp do chư Tổ truyền trao. Một đêm lúc tọa thiền, Ngài hướng tâm quán chiếu nhân duyên phổ độ chúng sinh. Núi Thành Đăng dù chưa một lần đặt chân nhưng Ngài đã quán xét thấy nơi đây là nơi hội tụ của linh căn trời đất, có rồng châu hổ phục, lại cách xa dân, có thể dựng một thảo am để tu.

Để thực hiện lý tưởng thiêng liêng, một mình Sư Tổ đã băng ngàn, vượt suối, qua đèo về Thành Đăng khi ngài 40 tuổi và thời vua Lê Dụ Tông, Ngài đã sống lặng lẽ một mình mượn cây cỏ trong rừng để dựng thành am tu tập. Ngài sống chủ yếu bằng rau quả của núi rừng Ba Vàng; uống nước suối, giếng Sơn Thần. Xong thân tướng và sức vóc Ngài vẫn phương phi cường tráng, đôi mắt ngài vẫn ngời ngời sáng.

Với việc tự nhiên tại núi rừng hoang vắng xuất hiện một thảo am và một người đầy lòng từ bi đức độ, ngày đêm lặng lẽ tọa thiền. Sự ngạc nhiên được truyền khắp vùng Ưông Bí “tại núi rừng Ba Vàng có một vị tiên xuất hiện”. Lúc đầu chỉ là những người tiều phu, là những người đi tìm dược liệu được tiếp xúc với Ngài, được Ngài cho ẩn trú khi gặp những cơn mưa rào bất chợt. Nhưng do tiếng lành đồn xa. Sau một thời gian, dân khắp miền kéo đến một đông. Ngài đã dạy cho dân biết cách chữa bệnh, cách chế biến thuốc. Nhiều con bệnh hiểm nghèo đã được ngài cứu thoát. Chính vì thế nhân dân địa phương đã tôn Ngài là một vị Ân Sư cứu nhân độ thế, nên Ngài được nhân dân địa phương cúng ngài lương thực, thực phẩm để cảm tạ ân đức. Ngài đã hóa độ cho tất cả mọi người, những người cô đơn có hoàn cảnh khó khăn và ngẫu nhiên tại đây thành một đạo tràng tu Phật pháp. Sư Tổ còn kết hợp với Tam Giáo đồng nguyên giữa Nho Giáo, Khổng Giáo, Phật Giáo để tùy thuận tác duyên cho tất cả các đối tượng thuộc hạ căn, trung căn, thượng căn. Chính vì thế nhiều Phật tử, nhiều tầng lớp xã hội, nhiều đẳng cấp đã hăng tâm, hăng sản cùng Sư Tổ Phật để trùng ti Bảo Quang tự vào thời vua Lê Dụ Tông (1705) khi Sư Tổ tròn 48 tuổi.

Năm mươi hai năm tại đây Ngài đã cứu đời, tiếp Tăng độ chúng. Nhiều vị Thiền Tăng đã trưởng thành tại đây và tỏa đi độ chúng ở mọi miền đất nước. Những người thợ đá ở nhiều nơi vì chịu ơn Ngài cứu giúp nên đã khắc nên bia

đá, rùa đá để lưu lại hậu thế cho đến ngày nay. Mặc dù do sự bức bách của xã hội, chính quyền đương thời, Ngài chỉ âm thầm lặng lẽ:

*“Thế chiến quốc, thế xuân thu,
Gặp thời thế, thế thời phải thế.
Ai công hầu, ai khanh, ai tướng,
Dưới trần ai, ai dễ, biết ai”.*

Tại núi rừng hoang vắng này tuy Ngài ít biết đến ai, nhưng những người thiết tha cầu đạo không ai là không biết đến Ngài. Chính vì thế, dòng Thiền Trúc Lâm Yên Tử không những được nối mạng mạch mà càng ngày càng phát triển rực rỡ tại Thành Đăng Sơn.

Rồi bỗng một đêm trời u ám, mưa to, gió lớn, sấm chớp rền vang như rung chuyển núi rừng Ba Vàng. Dưới chân núi nhiều nhà dân bị sụp đổ, nhưng ai ai cũng thấp thỏm và cầu nguyện mong thảo am Sư Tổ tu hành được an toàn.

Sáng sớm hôm sau trời còn mù mịt, cây đổ ngổn ngang, suối nước ào ào, đất đá chắn đường nhưng từng đoàn người đã kéo lên chùa để thăm Sư Tổ. Mọi người hết sức ngỡ ngàng vì ánh sáng kỳ lạ như hào quang tỏa sáng, khói hương nghi ngút như những làn mây bay lượn càng tôn thêm vẻ uy nghi, tráng lệ của Bảo Quang tự.

Tại gian giữa chánh điện, Sư Tổ đang tọa thiền trên sập gỗ sơn son thếp vàng. Chư đệ tử cùng tọa thiền quanh Sư Tổ theo hình chữ U. Không khí và âm thanh tụng niệm xa gần như khác với mọi lần, một âm thanh tha thiết, mang đượm một nỗi thâm trầm da diết. Và kỳ lạ thay, tất cả chư đệ tử Tăng – Tục đều chít khăn tang.

Khi dân làng hội tụ về chùa khá đông, một thầy Tăng trang nghiêm trầm lặng báo tin rằng: Sư Tổ đã an nhiên về cõi Niết Bàn “Thường – Lạc – Ngã – Tịnh” vào giờ Tý sao Khuê bùng sáng nhằm ngày 23 tháng 08 năm Đinh Sửu, đời Vua Lê Hiến Tông. Ngài trụ thế 100 tuổi. Không nén nổi xúc động, nhiều người dân đã òa lên những tiếng khóc nức nở, một số khác thì chí thành cung kính ngũ thể đầu địa đánh lễ tri ân đức Sư Tổ.

Ngài đã lặng lẽ ra đi, an nhiên thị tịch không một lời di chúc. Nhưng Ngài đã để lại muôn vàn ân đức cho thế gian. Đặc biệt là những di sản vật thể vô cùng quý giá: Bia đá, rùa đá, cây hương,...

Tuy hai thế hệ, hai thời đại khác nhau hàng 300 năm nhưng nhân duyên đã định. Giác Linh Sư Tổ như thâm nhủ Đại Đức Thích Trúc Thái Minh cũng là hậu duệ của Tam Tổ Trúc Lâm, tiếp nối và phụng hành Phật sự của Như Lai tại núi Ba Vàng để giương cao đuốc trí tuệ Phật pháp, Thiên phái Trúc Lâm Yên Tử sau 300 năm bị gián đoạn.

Chân lý vô thường của đạo Phật là một quy luật khách quan “đến là ngẫu nhiên, đi là tất nhiên” cho nên “tùy duyên mà bất biến, bất biến mà tùy duyên”.

Một sự tùy duyên, tác duyên trùng lặp hi hữu trong lịch sử và vô cùng trân quý như ước nguyện của Sư Tổ đã ấp ủ từ quá khứ 300 năm về trước, để hôm nay thành hiện thực sau 300 năm:

*“Từ trong hiện thực hôm nay,
Ba trăm năm trước gieo duyên tháng ngày
Ba trăm năm sau lại trao tay,
Hữu duyên tái ngộ đắm say lòng người”.*

c) Những câu chuyện về Đại đức trụ trì Thích Trúc Thái Minh

Những trần trở về bản chất của sự sống, cái chết và niềm tin vào Phật pháp đã đưa đường chỉ lối cho Đại đức Thích Trúc Thái Minh đến một hành trình mà có lẽ khi bước chân vào cửa Phật, ông cũng không bao giờ nghĩ đến. Đó là hành trình của niềm tin, hành trình đem giáo lý của nhà Phật đến với mọi người.

Cách đây chưa lâu, vào năm 2007, đúng 20 năm sau khi ngôi chùa cổ trên núi Ba Vàng được phát hiện bởi một sự tình cờ hay nói đúng hơn là duyên trời định để một lão nông tìm ra cả một phế tích được xây dựng từ thế kỷ thứ 13.

Hoang tàn, đổ nát, điêu hiu, những từ ấy có lẽ cũng không lột tả được hết sự bi thảm của ngôi chùa cổ nằm lặng yên trên núi Ba Vàng. Ngôi chùa ấy, được người ta gọi là Bảo Quang Tự, nghĩa là ánh sáng quý báu. Thế nhưng, khung cảnh ấy, sự đổ nát ấy hình như chẳng tương xứng với cái tên đẹp đẽ.

Như một sự tình cờ, cũng trong năm 2007, Trưởng Ban Tri khách của Thiền Viện Trúc Lâm là Đại Đức Thích Trúc Thái Minh nghe phật tử và huynh đệ đồng tu kể về một ngôi chùa cổ nằm trong quần thể dãy Yên Tử linh thiêng. Ngôi chùa mà dù nhân dân trong vùng có tha thiết cầu xin thế nào, cũng chẳng một nhà sư nào chịu về trụ trì. Đơn giản, bởi nó quá xuống cấp, quá heo hút và đường lên chùa thì gian nan, gập ghềnh.

Giữa núi rừng Yên Tử, nhìn ngôi chùa đổ nát, những huynh đệ đồng tu và cả những người dân bản địa có nằm mơ cũng không ngờ được Đại Đức Thích Trúc Thái Minh lại mỉm cười và nói: “Thầy thích ngôi chùa này”. Dân chúng trong vùng vui mừng, phấn khích bao nhiêu thì những huynh đệ đồng tu lại ngược lại, họ lo lắng bởi ngôi chùa này vừa xa lắc lơ lại chẳng có phật tử. Đại đức Thích Trúc Thái Minh mỉm cười nói: “Thầy sẽ ở đây, có thể sẽ chết ở đây cùng chùa”.

Cuộc đời của Đại đức Thích Trúc Thái Minh có thể được gói gọn trong một chữ duyên với nhà Phật. Sinh năm 1967 tại làng Sen, thôn Ngọc Quan, xã Lâm Thao, huyện Lương Tài, tỉnh Bắc Ninh, từ thời thơ ấu, Đại đức đã gắn liền với tiếng chuông mõ, câu kinh bài kệ của bà nội. Cứ thế, những năm tháng trôi qua bình lặng, cậu bé ngày nào đã trở thành giảng viên trường Đại học Kinh tế Quốc dân. Ngày lễ đám ngõ, những mơ ước về một tương lai rộng mở với vợ đẹp, con ngoan, công việc ổn định trải ra trước mắt. Thế nhưng, từ cái chết bất ngờ của người chị họ, khiến cho thầy không khỏi bàng hoàng trước sự vô thường của kiếp nhân sinh. Những câu hỏi đau đầu về bản chất thực sự của sự sống cứ lớn dần lên và nặng trĩu. “Chết là thế nào?”, “Mình sống để làm gì?”, “Chết là còn hay hết?”, “Mình là gì?”, “Liệu, cõi đời này là cõi tạm? Để người ta tu nhân, tích phước báu, sẵn sàng cho một vòng luân hồi, cho một kiếp sau thanh thản, vô ưu?”. Trước những khúc mắc quá lớn lao của cuộc sống, người giảng viên trẻ tuổi quyết tâm rũ bỏ tất cả, gửi thân nơi cửa phật để bắt đầu một hành trình đi tìm chân lý của cuộc đời, tìm sự thanh thản trong tâm hồn.

Cuộc đời bình lặng của người giảng viên Vũ Minh Hiếu chính thức khép lại vào năm 1998 để mở ra một cánh cửa mới, một cuộc sống mới, một chặng

đường mới gắn liền với pháp danh Thích Trúc Minh Thái. Quảng đường 16 năm xa rời cuộc sống trần tục để hòa mình vào giáo lý của Phật pháp, khai mở những khúc mắc của tâm hồn và cứu giúp những mảnh đời bất hạnh tuy chưa thể nói là dài nhưng chặng đường đó cũng lắm chông gai, gặp ghềnh, thử thách lòng tin, ý chí và cả nghị lực của Đại đức Thích Trúc Thái Minh.

Trong suốt những năm tháng khó khăn, cơ cực, thiếu thốn trăm bề, câu nói “Hãy cứ thấp đuốc lên mà đi” luôn luôn ở trong tâm trí Đại đức Thích Trúc Thái Minh để giờ đây, ngắm nhìn thành quả và công sức gây dựng của mình, của bà con Phật tử, ông không khỏi bồi ngùi và xúc động.

Nhiều người biết đến Đại đức Thích Trúc Thái Minh với tư cách là một vị trụ trì có công sức gây dựng một ngôi chùa bề thế, kế tục dòng truyền thừa Trúc Lâm Yên Tử sau 300 năm gián đoạn nhưng lại ít người hiểu được hành trình của ông nói riêng và Phật tử chùa Ba Vàng nói chung trong công tác xã hội, cứu khổ cứu nạn.

“Cơ duyên xảo hợp” hay “Đức Phật đã cứu sống anh ta”. Đó là những chia sẻ của Đại đức Thích Trúc Thái Minh khi đề cập đến trường hợp của tử tù Phạm Xuân Cường, người đã bị tuyên án tử hình vì tội giết người đã được ông cứu sống.

Ngược dòng trở lại tháng 1/2011, khi Phạm Xuân Cường chỉ còn ngồi đợi thi hành án. Dịp tết âm lịch, Đại đức Thích Trúc Thái Minh có ghé qua nói chuyện, thăm và tặng quà Tết cho một số phạm nhân tại Trại Tạm giam Công an tỉnh Quảng Ninh. Khi thấy Đại đức, Phạm Xuân Cường đã lấy từ chỗ nằm ra một cuốn kinh Phật và xin được nhà sư chỉ dạy cách tụng niệm. Cảm kích trước tấm lòng hướng đến Phật, cho dù sự sống của Cường chẳng còn được bao lâu, Đại đức đã đồng ý cho quy y tam bảo. Từ đây, một mảnh đời khôn khổ, một gia đình li tán trải ra trước mắt Đại đức qua lời kể của Cường. Trước khi Đại đức rời đi, Cường òa khóc: “Thầy ơi! Hoàn cảnh gia đình con tan nát hết rồi. Con ân hận lắm! Con còn một đứa em gái. Nó bơ vơ giữa đời. Thầy làm ơn, làm phúc cứu giúp em con...”. Cường vốn sinh ra trong một gia đình khá giả nhưng năm 2004, vì những mâu thuẫn lớn, người cha do không kìm chế đã xuống tay sát hại vợ.

Quá bàng hoàng và ân hận, ông đã nhảy lầu tự tử nhưng bất thành. Sau 8 tháng chữa trị, người cha lĩnh án 14 năm tù. Mẹ chết, cha đi tù, hai anh em Cường chỉ biết nương tựa vào nhau mà mưu sinh qua ngày. Cường mở một cửa hiệu sửa chữa xe máy, tự nuôi bản thân, nuôi em ăn học và cả người cha lâm lữ đang thi hành bản án mà ông phải trả. Những tương sống gió sẽ qua đi khi em gái Cường trở thành giáo viên, còn bản thân công việc sửa chữa xe máy ngày càng phát đạt, nào ngờ trong một xích mích, Cường lỡ tay giết người. Án phạt tử hình giáng xuống cũng là lúc cô em gái của Cường mất việc làm...

“Phải cứu vớt anh ta”, những ý nghĩ đó xuất hiện khi Đại đức Thích Trúc Thái Minh nghe xong câu chuyện. Thế rồi, Đại đức cùng với một người bạn là luật sư không quản ngại khó khăn, chứng minh được rằng án tử với Cường là quá nặng tay. Khi Phạm Xuân Cường sẵn sàng đối mặt với cái chết cũng là lúc Văn phòng Chủ tịch nước ký lệnh ân xá, giảm án tử hình xuống chung thân. Đằng sau bản án đó, là niềm tin vô bờ của Đại đức vào người tử tù kia, rằng anh ta không đáng chết và hành trình đầy khó khăn và vất vả của ông để đưa lá đơn kêu cứu lên Chủ tịch nước.

Hay như câu chuyện của cậu bé mang khối u ác tính trên khuôn mặt, Lê Trung Tuấn. Năm 2013, dư luận không khỏi bàng hoàng khi chứng kiến một cậu bé khôi ngô bỗng dung mọc lên một khối u che lấp hết khuôn mặt. Gia đình cậu bé chạy vạy khắp nơi để chữa trị căn bệnh quái ác. “Vô phương cứu chữa, nếu mổ sẽ tử vong” đó là kết luận của những bệnh viện, nơi Tuấn và gia đình tìm đến. Khi niềm tin vào cuộc sống của Tuấn và gia đình lung lay dũ dội cũng là lúc Đại đức Thích Trúc Thái Minh phát tâm cứu giúp mảnh đời bất hạnh này.

Trong suốt một thời gian dài, Tuấn và bố lưu lại chùa, hằng ngày tu tập, tụng kinh niệm Phật theo hướng dẫn của Đại đức Thích Trúc Thái Minh Phương pháp tu tập, dưỡng tâm, dưỡng thể của nhà Phật đã phát huy tác dụng, đem lại niềm tin cho Tuấn và gia đình. Khối u trên mặt em có chiều hướng nhỏ đi, không còn gây nguy hại đến tính mạng như lúc trước. Khi đưa trở lại bệnh viện, các bác sỹ rất bất ngờ vì sự chuyển biến kỳ lạ này, họ kết luận Tuấn đã có thể mổ được. Những nhà hảo tâm trên khắp đất nước đã quyên góp để Tuấn tiến

hành phẫu thuật dưới đôi tay của vị bác sỹ nổi tiếng thế giới, người mệnh danh là “Đôi tay vàng”. Ca mổ thành công. Mọi người đều vui mừng khôn siết còn Đại đức Thích Trúc Thái Minh, ông lặng lẽ theo dõi và mỉm cười hạnh phúc khi biết tin em Tuấn đã qua khỏi.

Tuấn và Cường, chỉ là hai ví dụ nhỏ trong hành trình đi tìm một chân lý đúng đắn của Đại đức Thích Trúc Thái Minh, người đã từ bỏ tất cả để một lòng phụng sự đức phật, truyền bá giáo lý đúng đắn đến cho mọi người.

Nhiều người nghĩ rằng nếu như Đại đức không lựa chọn con đường này, có thể giờ đây đã có một gia đình yên ấm và trở thành một thương gia thành đạt? Đại đức chia sẻ: “Những vọng tưởng thế tục đối với người tu hành có thể có, nhất là đối với những ai mới bước chân vào cửa Phật. Tu hành giống như hành trình leo núi, càng lên cao, càng khó nhọc và phải bỏ lại những thứ không cần thiết sau lưng. Nói cách khác, đầu óc con người như một cái kho có giới hạn, nếu mình bỏ nhiều thứ gì vào thì những vật dụng khác sẽ phải mang ra. Người xuất gia, tu hành đem kinh kệ, Phật pháp vào trí óc thì những vọng tưởng thế tục sẽ tự nhiên bật ra ngoài, chỉ một lòng phụng sự đức phật, truyền bá giáo lý đúng đắn”.

Bắt đầu từ hai bàn tay trắng và một ngôi chùa cũ nát, không ai có thể ngờ được chùa Ba Vàng lại có thể khang trang và rộng rãi như ngày nay. Đó là cả một hành trình dài vượt qua bao khó khăn, gian khổ, thử thách lòng tin, sự kiên nhẫn. “Hãy cứ đốt đuốc lên mà đi” và hãy cứ tin tưởng rồi mọi thứ sẽ khai mở dần dần. Thành quả sẽ đến nếu mỗi người trong chúng ta đều làm việc thiện, tu nhân, tích phước báu.

Tất cả hành động của Thầy thực sự đã làm toát lên được tấm lòng từ bi, chân thật của Người với toàn thể đại chúng chùa Ba Vàng, và với công trình hoằng dương Phật pháp, phổ độ chúng sinh. Thầy mong mỗi từ mảnh đất hoang vu xưa, ngôi chùa mới sẽ nhanh chóng hoàn thiện về cơ sở vật chất để thêm có nơi ăn, chốn nghỉ cho Phật tử được tu học, được đến gần với sự giác ngộ, giải thoát.

Chặng đường Thầy đã đi qua đầy những chông gai, thử thách; nhưng cũng chính những năm tháng ấy đã tôi rèn cho con người này hôm nay: có ý chí, có bản lĩnh và lòng từ bi rộng lớn với hết thảy chúng sinh. Thầy là tấm gương sáng cho những người đã, đang và sẽ đi theo con đường chân lý, tìm cầu sự giải thoát luôn noi theo và lấy những hạnh nguyện, việc làm của Người làm hành trang trên con đường tu học.

d) Những mốc son quan trọng về chùa Ba Vàng

** Lễ bổ nhiệm Trụ trì*

Do nhu cầu của nhân dân, Phật tử thành phố Uông Bí, được sự chuẩn y của chính quyền thành phố Uông Bí, được sự đồng thuận của Hòa Thượng Thích Thanh Từ, Viện chủ Thiền Viện Trúc Lâm Đà Lạt ký quyết định số 115 ngày 25 tháng 8 năm 2006 bổ nhiệm Đại Đức Thích Trúc Thái Minh trụ trì chùa Ba Vàng thành phố Uông Bí, Quảng Ninh.

** Lễ động thổ*

Ngày 11 tháng 07 năm 2010 tại chùa Ba Vàng (Bảo Quang tự), phường Quang Trung – thành phố Uông Bí – tỉnh Quảng Ninh đã long trọng tổ chức lễ động thổ khởi công xây dựng chùa Ba Vàng.

Chứng minh và tham dự buổi lễ có Hòa thượng Thích Tham Sam – phó pháp chủ kiêm chánh thư ký Hội đồng Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam, Hòa thượng Chi chộp – Viện trưởng phái Mật Tông Đạt Ma – Tây Tạng; Hòa thượng Thích Trí Tịnh – thành viên Hội đồng Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam; Hòa thượng Thích Minh Tông – Phó ban Tăng sự Trung ương Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam ; Hòa thượng Thích Minh Nghĩa – Ủy viên Đoàn Giảng sư Ban Hoằng Pháp Trung ương Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam, cùng các chư tôn đức Ủy viên Hội đồng Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam, thường trực Ban Tăng Sự Phật giáo các tỉnh phía Bắc và Tăng Ni trụ trì các tổ đình. Tu viện trong và ngoài tỉnh cùng về tham dự.

Về phía chính quyền có ông Nguyễn Hồng Quân – Phó Bí Thư Tỉnh Ủy – Chủ tịch Hội đồng Nhân dân tỉnh Quảng Ninh; bà Đỗ Thị Hoàng – Phó Bí thư Tỉnh ủy tỉnh Quảng Ninh; ông Bùi Viết Thìn – Phó Chủ tịch Ủy ban Mặt trận

Tổ quốc tỉnh cùng đại diện lãnh đạo các cơ quan ban ngành chức năng, chính quyền sở tại và hàng nghìn tín đồ Phật tử cùng về tham dự.

** Lễ đúc Đại hồng chung*

Với sự phát tâm vô lượng của Phật tử mười phương và các nghệ nhân đúc đồng, ngày 20/10 năm Kỷ Sửu (2009) đã hoàn thành quả đại hồng chung nặng 3.360kg và đưa vào lầu chuông. Và ngày 10/12 năm Kỷ Sửu, Thầy Trụ trì đã khai thanh, tiếng đại hồng chung vang vọng cả núi rừng Ba Vàng trước sự hoan hỷ của Chư Tăng và hàng nghìn Phật tử.!

2.3.2. Giá trị kiến trúc - mỹ thuật

a) Kiến trúc ngôi chùa cổ

Chùa Ba Vàng – tên cổ là Bảo Quang Tự, hàm ý vàng ánh sáng (của chùa) tỏa ra bốn phía. Chùa được xây dựng vào năm Ất Dậu, triều vua Lê Dụ Tông tức năm 1676 với quy mô bề thế. Tuy nhiên trải qua thời gian, mưa nắng và biến động của lịch sử mà chùa đã dần dần đổ nát dần tới hoang phế.

Vào năm 1988, chùa được trùng tu lại bằng gỗ và đến năm 1993 thì được xây dựng lại bằng xi măng với diện tích 55 m², với bố cục chữ “Đình” gồm ba gian tiền đường và một gian thượng điện, ngoài ra còn có nhà thờ Mẫu, miếu Sơn Thần, đặc biệt là giếng nước cổ có từ lâu đời. Hiện vật đáng chú ý nhất của chùa Ba Vàng còn sót lại tới hôm nay là một số di vật bằng đá bao gồm: 1 bia đá, 2 con rùa đá và một cây hương bằng đá. Theo dòng chảy của thời gian, chữ Hán trên bia đá và cây hương đá đã mòn, rất khó đọc. Tuy nhiên qua cách trình bày, có thể thấy đây là bia ghi tên tuổi của một nhà sư từng trụ trì nơi đây và xá lỵ của ông được đặt trong một tháp mộ nào đó của chùa. Riêng cây hương đá, phần lớn chữ ở mặt bia đã bị phai mờ, chỉ còn một số chữ lớn giáp đầu bia ghi các chữ: Thành Đăng Sơn, Bảo Quang Tự, Thiên Đài Trụ. Nghĩa là trụ đài đá, dòng chữ trên tấm bia đá đặt trên lưng rùa đã xác định di tích chùa được phục dựng vào triều vua Lê Dụ Tông tức là vào năm Ất Dậu 1706. Do Ma ha sa môn Tuệ Tích Phổ Giác – một vị thiền đại sư, người đã thắp sáng niềm tin nối lại dòng Thiền Trúc Lâm Yên Tử sau hơn 300 năm gián đoạn do biến động của lịch sử và chiến tranh. Nhận thấy đây là ngôi chùa có giá trị về mặt lịch sử, tâm linh

cũng như giá trị văn hóa, Ủy ban Nhân dân thị xã Uông Bí nay là thành phố Uông Bí đã vận động nhân dân phát tâm công đức tu tạo lại chùa. Năm 1993 chùa được xây dựng lại bằng gạch ngói thay cho ngôi chùa gỗ trước do đã bị xuống cấp nặng nề. Hai bên cửa đắp nổi hai dòng chữ Hán: “Thành Đăng Sơn thắng cảnh vạn đại lưu danh. Bảo Quang Tự thiên môn thiên thu hương hỏa.”

b) Kiến trúc ngôi chùa hiện nay

Hơn 3 năm xây dựng Chùa Ba Vàng, đến nay chùa đã hoàn thiện một số hạng mục như: Ngôi đại hùng bảo điện, lầu chuông, lầu trống, hành lang La Hán, hồ bán nguyệt, chùa Một Cột, tượng Phật Quan Thế Âm Bồ Tát, Nhà bảo tàng, thư viện, khu nhà Tăng, thiền đường, công tam quan nội và một số công trình phụ trên diện tích 21,818 ha. Với tổng kinh phí xây dựng tính đến thời điểm này là hơn 400 tỷ đồng trên tổng kinh phí xây dựng toàn bộ các hạng mục công trình kiến thiết, xây dựng chùa Ba Vàng là 500 tỷ đồng.

** Cổng tam quan ngoại.*

Ấn tượng đầu tiên với du khách khi tới chùa Ba Vàng là cổng Tam Quan ngoại dưới chân núi, được làm bằng đá với bốn cột vững chắc luôn mở rộng đón chào. Nơi đây du khách sẽ thấy được tượng đài Đức Đại Từ Đại Bi Quan Thế Âm Bồ Tát từ trên cao đang dõi mắt xuống trần gian, lắng tai nghe những khổ đau của chúng sanh để thị hiện ban vui cứu khổ.

** Cổng Tam Quan nội*

Trước khi vào lễ Phật, khách phải qua cổng Tam quan. Tam quan có kiến trúc ba cửa, nằm ở phía trước cổng chùa, bao gồm Trung quan ở giữa, bên trái là Không quan (cửa Không), bên phải là Giả quan (cửa Sắc), tạo nên ba lối đi vào, lối giữa to, hai lối hai bên nhỏ. Tam quan chùa Ba Vàng được xây dựng theo kiểu chông giường. Cổng giữa xây dựng với ba mái cong, hai cổng bên với hai mái. Mái lợp ngói ống màu đỏ, tiền bẩy, hậu bẩy, các đầu đao của mái Tam quan cong như hình đuôi chim phượng. Bên trên Tam quan có mái nhỏ có treo một chiếc chuông, xung quang chuông có những bài thơ chữ Hán. Khách bước qua Tam quan vào đất chùa, cõi tục và cõi trần như đã được phân chia. Trước khi vào tới khu vực chùa, khách phải qua một khoảng sân rộng 10.000 m². Đứng

dưới sân, khách có thể nhìn thấy bao quát được không gian cũng như quang cảnh của chùa.

** Hồ Bán Nguyệt, chùa Một Cột và hệ thống đài phun nước*

Hồ Bán Nguyệt là một hình ảnh thường thấy ở bất cứ ngôi chùa nào ở Bắc Bộ. Có vai trò giải quyết vấn đề nước hay vi khí hậu trong khuôn viên chùa, ngoài ra còn được coi là cửa ngõ của cõi Thủy phủ, nói lên sự mong cầu hồng ân của Phật pháp thấm nhuần xuống cõi thủy.

Thăm quan hồ Bán Nguyệt với biểu tượng chùa Một Cột, là một trong những công trình tiêu biểu của kinh thành Thăng Long được lấy nguyên mẫu của ngôi chùa chính ở Hà Nội. Với đôi bàn tay khéo léo, tài hoa của các nghệ nhân chùa như một đóa sen nổi trên mặt nước, các nét cong, mềm mại của mái, các nét khỏe khoắn của cột và nét gấp khúc của các con sơn trụ cột chống xung quanh đã tạo nên sự hài hòa với những vầng sáng tối ẩn hiện lung linh trong không gian tĩnh tại tôn nghiêm.

Ngôi chùa Một Cột – biểu tượng cho văn hóa tâm linh Phật Giáo dân tộc đã được xây dựng như một bản sao tại chùa Ba Vàng mang đến cho ngôi chùa một nét đẹp của hồn thiêng đất nước. Lấy chùa Một Cột làm trung tâm, hai bên là hai hệ thống phun nước đối xứng, tạo hình đài sen nổi giữa mặt hồ. Có thể nói đây là hệ thống đài phun nước nghệ thuật, nhạc nước độc đáo tại chùa Ba Vàng. Mỗi khu du khách thưởng lãm là một lần nhắc đến những truyền thống vẻ vang của dân tộc. Để tự nhắc nhở mình phải cố gắng sống xứng đáng với công lao dựng nước và giữ nước của cha ông mình.

** Tượng Phật Quan Thế Âm Bồ Tát*

Sau khi đi những bước thanh thoi trên những bậc đá dẫn lên vị trí đặt tượng đài Quan Âm. Tượng Phật Quan Thế Âm Bồ Tát tọa lạc tại vị trí đắc địa. Tượng bằng đá hoa cương với chiều cao trên 9,5 m, nặng hơn 6,5 tấn, lưng tựa vào dãy núi Thành Đăng, mặt hướng ra dòng sông lịch sử Bạch Đằng, một tay tượng Phật Bà bắt ấn tam muội, tay kia cầm bình nước cam lồ. Từng chi tiết như vạt áo cà sa, nét mặt của tượng đều rất an nhiên, tinh tế, sống động đem đến cho du khách chiêm ngưỡng một tâm trạng thực sự bình yên như gột sạch mọi lo

toan đời thường. Đêm về ở dưới chân tượng nhìn ra xa chúng ta có thể thấy xa xa là dòng sông Bạch Đằng, một thành phố Uông Bí về đêm như một dải sáng ngân hà, ngàn sao lấp lánh. Một không gian rộng lớn bao la như lòng người được được mở rộng thêm ra, bao buồn phiền, giận hờn tan biến để lại một sự khoan khoái, an vui, một tâm nguyện muốn yêu thương và sống hòa hợp với mọi người.

** Hành lang La Hán*

Bước đến cổng Tam Quan theo hành lang có chiều dài 130m và chiều cao giảm dần theo độ dốc của sườn núi là hai gian La Hán được tạo bằng đá nguyên khối. Hai bên hành lang gồm 18 bức tượng La Hán. Mỗi vị La Hán là hiện thân của các vị lý lộ ái độ của con người. Các vị La Hán được khắc họa nét mặt biểu hiện cảm xúc riêng, có tư thế đứng, ngồi khác nhau trên một con thú cũng khác nhau. Tất cả các tượng đều được chế tác một cách tinh tế, thể hiện được cái hồn trong từng nét tạc tượng.

Chạy dọc theo hành lang La Hán là 18 bức tranh chạm khắc đá. Tất cả đều miêu tả cảnh sinh hoạt đời sống của con người, hoa lá và chạm khắc bốn loài cây tiêu biểu cho Phật pháp đó là tùng, trúc, cúc, mai. Sự kết hợp giữa các tượng La Hán và các bức tranh đã tạo nên hai hành lang chạy dài, đẹp trong kiến trúc và tinh tế về nghệ thuật.

** Giếng thần*

Theo các di chỉ khảo cổ từ ngôi chùa cổ, chùa Ba Vàng (Uông Bí, Quảng Ninh), có nguồn gốc từ đời Trần (thế kỷ XIII), là thời kỳ sùng hưng của Phật giáo Việt Nam, khi mà Phật giáo được coi là quốc giáo. Ngôi chùa xưa bị chiến tranh xâm lược, duy chỉ có Giếng Thần là bất biến.

Du khách tham quan chùa Ba Vàng không thể không đến giếng thần, uống một ngụm nước để tận hưởng hương vị mát lành, thơm thảo của dòng nước được bắt nguồn từ lòng sơn thần do một chuyến hành trình khám phá. Giếng thần sâu 2,50m, đường kính 1,78 m. Mặc dù ở độ cao hơn 340m so với mặt nước biển song mức nước luôn ổn định ở mức 2m. Mưa không đầy hơn và mùa khô cũng không cạn hơn.

Từ năm 2007, Đại đức Thích Trúc Thái Minh được bổ nhiệm về nhận chùa, bắt đầu trùng tu ngôi Tam Bảo, Giếng Thần cũng nằm trong khuôn viên được chăm sóc, tu bổ lại.

Giếng Thần không rõ ai đặt tên nhưng cái tên này cũng thật xứng với nó. Tương truyền vào giữa đêm giao thừa, ai uống được một ngụm nước giếng thần sẽ được hưởng một năm an vui, hạnh phúc. Hoặc như trong dân gian có truyền tụng rằng: nước Giếng có khả năng chữa được bệnh tật, thậm chí cả những bệnh nan y. Chính vì vậy, cứ mỗi lần Đại lễ, du khách từ mọi miền đất nước, từ miền ngược tới miền xuôi, từ đồng bằng tới vùng biển, từ thành thị tới nông thôn về chùa lễ Phật chẳng ai quên ghé thăm Giếng thần, xin một gum nước thiêng cho chính mình, cũng như mang về cho người thân. Người người mang theo chai lọ lớn nhỏ, xếp hàng dài để xin nước, rồi khoan khoái nhâm nhi tận hưởng những giọt nước tinh khiết đến lạ thường...

Để giữ gìn khu Giếng thần thiêng liêng luôn được thanh tịnh và trang nghiêm nhà chùa đã đề ra một số quy định như sau:

- Điều 1: Không tự ý múc nước mà không hỏi Quý thầy.
- Điều 2: Nước Giếng thần chỉ dùng để uống hoặc rửa tay và mặt. Không được dùng nước để rửa chân.
- Điều 3: Không thả tiền xuống Giếng.
- Điều 4: Không ngồi lên thành Giếng.
- Điều 5: Không chen lấn, xô đẩy nhau khi lấy nước.
- Điều 6: Không xả rác và có ý thức giữ gìn vệ sinh.

Trải qua bao sóng gió, chiến tranh thiên tai ngôi chùa cổ hiện nay không còn song giếng thần vẫn bất biến và trường tồn theo thời gian.

** Đại hùng bảo điện*

Chùa Ba Vàng ngày nay được xây dựng khang trang với hàng chục công trình lớn nhỏ. Song quy mô và hoành tráng nhất phải kể đến là tòa “Đại hùng bảo điện”.

Đại hùng bảo điện như một cái ngai khổng lồ, lưng tựa hướng Bắc, nơi có ngọn núi cao nhất, lớn nhất, vững chãi nhất. Hai bên trái - phải là hai ngọn núi

thấp dần, tượng trưng cho hai tay ngài. Tay trái là hướng đông - thanh long (nội viện tăng), tay phải là hướng tây - bạch hổ (nội viện ni).

Chùa có kiến trúc hai tầng, quy mô rộng hơn 4000 m², là một trong những tòa bái đường lớn nhất miền Bắc. Nét nổi bật của đại hùng bảo điện là toàn bộ kiến trúc cột, kèo, vì, mái, xà đều bằng bê tông cốt thép nhưng được sơn giả gỗ nên chùa vẫn mang dáng dấp thuần Việt. Các đầu mái đao được đắp các con hàng tứ linh theo kinh nghiệm dân gian đó là long, ly, quy, phượng. Các bức tượng giáp mái là các bức tranh vẽ khổ lớn mô phỏng cuộc đời của Thích Ca Mâu Ni từ khi mới sinh, xuất gia, đắc đạo, truyền giáo cho đến khi nhập niết bàn. Tác giả của các bức tranh này là các họa sĩ đến từ 3 miền Bắc - Trung - Nam. Cùng với đó là hệ thống tượng pháp đều được làm bằng gỗ có kích thước to lớn, đó là các tượng Tam thế, Quan Âm, Ông Thiện, Ông Ác đều cao từ trên 2 m trở nên trong đó có tượng A Di Đà là một trong những tượng Phật gỗ lớn nhất miền Bắc.

Ngôi đại hùng bảo điện, nơi trung tâm hài hòa, điểm hội tụ tâm linh, một điểm sáng của trí tuệ không ngừng phát triển bởi địa thế cân bằng âm dương, có Rồng châu Hồ phục.

Phía trước chính điện là khoảng sân rộng mênh mông có thể chứa đến hàng chục nghìn người, nơi du khách thập phương có thể tập trung ngồi nghe giảng Phật pháp, cùng thiền, lắng nghe âm thanh linh thiêng từ tiếng chuông chùa, tiếng cầu kinh, tiếng gõ mõ. Buổi tối chùa Ba Vàng trở nên lung linh huyền ảo. Chính vì thế khách thập phương lưu lại chùa vào buổi tối cũng là cách thưởng ngoạn, chiêm ngưỡng vẻ đẹp riêng có ở chùa Ba Vàng.

** Nhà thờ Tổ*

Ngôi nhà tổ trong mỗi ngôi chùa chính là nơi để thờ tự các vị tổ sư trong Phật giáo, trong tông môn cũng như những vị thầy trụ trì đã niên tịch để hàng hậu học thể hiện niềm tôn kính và tri ân đó. Mỗi ngày được chiêm bái tôn tượng chư vị Thầy Tổ chúng đệ tử lại được nhắc nhở đến công hạnh của quý Ngài học đạo tiến tu giữ gìn và truyền trao mạch Phật pháp cho thế hệ tương lai làm lợi lạc cho quần sinh.

Khởi công vào trung tuần tháng 11 năm 2013. Sau gần 5 tháng xây dựng ngôi nhà Tổ chùa Ba Vàng thành phố Uông Bí – Quảng Ninh đang dần được hoàn thiện. Dù rất quyết tâm để hoàn thành kịp đại lễ khánh thành ngôi Đại Hùng bảo điện vừa diễn ra 9/3/2014, nhưng vì lý do khách quan về nhân lực, thời tiết mưa gió và kinh phí nên đã phải kéo dài hơn dự kiến. Hiện nay, công trình quan trọng này đã hoàn tất việc đổ bê tông khung tòa nhà và đang dán ngói. Mỗi ngày có trên 50 công nhân miệt mài làm việc để hoàn tất trong thời gian tới như kế hoạch đã dự kiến.

Sau khi hoàn thành, tầng hai của công trình lớn gần 1000m² này sẽ được trang nghiêm làm nơi thờ tự chư vị Tổ Sư – Tam Tổ Trúc Lâm là ngài Sơ Tổ Phật Hoàng Trần Nhân Tông, Nhị Tổ Pháp Loa, Tam Tổ Huyền Quang và đặc biệt là Tổ Sư Ma Ha Sa Môn Tuệ Bích Phổ Giác Thiên Sư, người đã khai sơn lập tự cho một chùa Ba Vàng – Bảo Quang Tự linh thiêng là nơi hoằng dương chính Pháp để Phật tử và nhân dân về nương nhờ tu học với diện tích xây dựng là 1500m², diện tích sử dụng là 1200m².

Tầng một của ngôi nhà tổ có diện tích 600m² sẽ là Đại Giảng Đường nơi Tăng Ni lãnh thọ những lời giáo huấn từ quý Thầy. Từ đây mà mạng mạch Phật pháp được truyền trao qua từng thế hệ đến mãi muôn đời sau.

Tọa lạc ngay sau ngôi chính điện, tựa lưng vào núi Ba Vàng với rừng thông xanh vi vút. Công trình trọng yếu này cũng sẽ là một thắng cảnh tâm linh thiêng liêng và an lành để khách hành hương và Phật tử về Chùa “Trước thì lễ Phật sau thì lễ Tổ” được vẹn toàn công đức.

** Lầu chuông, lầu trống*

Lầu chuông, lầu trống được kiến trúc kiểu hai tầng mái, xây dựng bằng bê tông cốt thép giả gỗ, hình dáng phỏng theo các gác chuông của ngôi chùa ở đồng bằng Bắc Bộ. Hai công trình này có tầng kiến trúc rất cân đối, tỷ lệ hợp lý giữa các bờ nóc, bờ thẳng, bờ mềm, độ vươn của bờ nóc gác đao được hài hòa trong tổng thể kiến trúc. Độ thu giữa các tầng, cự ly dẫn giữa các cột chuẩn xác, khỏe về lực, đẹp về dáng, phản ánh trình độ khoa học khá cao của người thợ thủ công điêu luyện tay nghề.

Trên lầu chuông có treo một quả đại hồng chung nặng 3.360kg. Trên chuông có tạc khắc những bài thơ cho thấy ý niệm thiêng liêng “Đại giác” của đức phật truyền lại cho chúng sinh.

“Muốn thấy thập phương tất cả Phật

Muốn bạn vô tận công đức tạc

Muốn Phật chúng sinh tất cả khổ

Phải nên mau Phật bỏ đề tâm”.

Trên lầu trống có một chiếc trống liền một khối, làm nguyên từ một cây gỗ lớn, gọt đẽo rất kỹ thuật, âm thanh của chiếc trống vang đồng trầm hùng và được công nhận là chiếc trống lớn nhất miền Bắc.

Có thể nói lầu chuông, lầu trống ở chùa Ba Vàng được thiết kế vừa nguy nga, bền vững, hợp thành một cấu trúc đồng nhất với toàn bộ công trình của chùa, mang dấu ấn của ngôi chùa Việt Nam.

** Nội Viện Tăng – Ni*

Khu nội viện Tăng – Ni là nơi để chuyên tâm tu học của một Tăng đoàn gồm 124 vị Tăng Ni đang tu học tại chùa. Khu nội viện Tăng có diện tích là 4.440m², khu nội viện Ni có diện tích 4.200m². Hai khu nội viện được xây dựng khá khang trang và khoa học với đầy đủ các tiện nghi sinh hoạt cho các Tăng, Ni. Khu nội viện được chia thành nhiều phòng, được các Tăng, Ni dọn dẹp sạch sẽ, sắp xếp rất ngăn nắp. Đặc biệt hơn là ở khu nội viện Tăng, ở trước cửa còn có sân bóng nhỏ để các Tăng rèn luyện sức khỏe, vui chơi giải trí sau mỗi giờ học đạo. Ở mỗi nội viện đều có nội quy, quy chế riêng. Các Tăng, Ni luôn tự giác thực hiện, tạo nên một môi trường sống lành mạnh, an vui mà tĩnh tâm, thanh tịnh.

c) Hệ thống tượng trong chùa

** Tượng Tam Tôn Thế Phật*

“Tam Tôn Thế Phật” tức là tượng các vị Phật của ba thời gian: Quá khứ, Hiện tại và Vị lai. Bên trái là Hiện tại thế, bên phải là Vị lai thế, ở giữa là Quá khứ thế. Tên đầy đủ là Tam tam thiên Phật (ba nghìn vị Phật thời quá khứ hiện tại tương lai). Trong đó, Thiên (ngàn) là con số phiếm chỉ không đếm được. Ba

vị Phật này chỉ là đại biểu cho vô số Phật trong mọi thời gian và không gian theo quan niệm của Phật giáo Đại Thừa.

Tượng Tam Thế ở đây làm khá giống nhau, đặt ở sát vách gian thờ chính của gian giữa tòa Đại Hùng bảo điện. Ba pho tượng Tam Thế cao 3,3 m, rộng 2,1 m, nặng 700 kg.

Pho tượng ở giữa đang ở tư thế thiền định, với hai tay chồng ngửa lên nhau, đặt trên lòng đùi. Tóc trên đầu kết hình quăn ốc, mặt bầu, mi cong, mũi thẳng. Mặt tượng nhìn xuống, miệng ngậm, tay trái dài và lớn, có đeo hoa tai hình bông sen nở, cổ có một ngấn. Tượng mặc áo cà sa trùm qua vai và tay tạo thành nhiều lớp chảy xuống đùi, tượng ngồi trên đài sen, gồm có bốn lớp cánh sen ngửa và một lớp cánh sen úp.

Pho tượng bên trái: có hình thức và kích thước giống pho tượng ở giữa. Tay đặt ở tư thế thuyết pháp, tay phải đặt lên đùi phải, tay trái giơ ngửa ra phía trước, ngón cái gấp vào ngón út đeo nhẫn, ngón trỏ và ngón giữa đưa lên cao gần sát mũi, ống tay áo buông từ cánh tay trái xuống chảy trên lòng đùi phải. Bộ tượng về cơ bản giống pho tượng ở giữa.

Pho tượng bên phải: cũng giống như hai pho tượng kể trên, chỉ có một vài chi tiết khác ở phần trang trí ở thế tay kết ấn và trang trí trên bệ.

Nhìn chung, bộ tượng Tam thế ở chùa Ba Vàng vẫn được làm theo nguyên tắc tượng Phật, vẫn mang nhiều nét kế thừa của phong cách tạc tượng của giai đoạn trước đó.

** Tượng Đức Phật Dược sư*

Đức Phật Dược Sư là 1 trong 3 vị “Hoành Tam Thế Phật” gồm có đức Phật Thích Ca Mâu Ni ngồi chính giữa, bên phải là đức Phật A Di Đà, bên trái là đức Phật Dược Sư. Hoành Tam Thế Phật là biểu thị niềm tin của Phật pháp vô biên, ý muốn nói phía Đông nơi mặt trời mọc, tượng trưng cho sự sinh trưởng, phát triển của vạn vật, lấy thế giới Tịnh Lưu Ly ở phương Đông làm biểu tượng cho sinh trưởng; còn phương Tây là hướng mặt trời lặn, tượng trưng cho sự trở về của vạn vật. Ba vị cùng đứng một chỗ, tức bao dung tất cả sự an lành.

Đức Phật Dược Sư được đặt ở cấp thứ tư ở chính điện, tay trái cầm bình bát, trong đó chứa đầy cam lộ, còn ngón cái và ngón trỏ của tay phải cầm thuốc; hoặc cầm bánh xe pháp luân, tượng trưng cho Phật pháp luôn xoay chuyển như bánh xe không dừng.

Bên trái của đức Dược Sư có Bồ tát Nhật Quang, còn gọi là Bồ tát Trừ Cái Chướng, tay cầm mặt trời tượng trưng cho ánh sáng; bên phải Ngài là Bồ tát Nguyệt Quang, còn gọi là Bồ tát Hư Không Tạng, tay cầm mặt trăng tượng trưng cho sự mát mẻ, trong sáng. Cả ba Ngài được tôn làm “Đông Phương Tam Thánh” và “Dược Sư Tam Tôn”. Dụ ý, mặt trời, mặt trăng đều mọc ở hướng Đông, dùng ánh sáng đó chiếu khắp chúng sinh, khiến chúng sinh được an vui, giải thoát.

Thế giới của đức Phật Dược Sư cũng được gọi là “thế giới Cực Lạc” vì các cá nhân và đoàn thể tại đây luôn sống trong sự an lành và siêng làm việc thiện ích, dưới sự hướng dẫn của Phật và Bồ-tát. Cõi Phật Dược Sư còn gọi là “Tịnh Độ” ở phương Đông về địa lý, và thanh tịnh như ngọc lưu ly. Hình ảnh của “ngọc lưu ly” trong sáng, gợi cho chúng ta về một “cái gương” phản chiếu, theo tinh thần “tâm tịnh thì cõi Phật tịnh.”

** Tượng Quan Âm nghìn mắt nghìn tay*

Người Việt Nam coi Quan Âm là nữ thần cứu khổ cứu nạn, có thể giúp nhân dân, đặc biệt là phụ nữ và trẻ em, vượt qua các tật bệnh, tai ương. Tín ngưỡng này có thể đã kết hợp với các nữ thần có nguồn gốc dân gian.

Quan Thế Âm Bồ Tát (theo tiếng Phạn là Avalokitesvara, nghĩa là người lắng nghe những tiếng kêu than ở đời để giang tay cứu giúp). Quan Âm hiện sinh của lòng từ bi, hỷ xả, công đức vô lượng. Phật bà có tới 39 thân giáp và hàng trăm hóa thân khi cứu độ người đời. Tượng Quan Âm nghìn mắt nghìn tay, với ý nghĩa Phật bà có nghìn phép biến hóa như nghìn con mắt, nghìn cánh tay để theo dõi, cứu vớt muôn loài. Với đủ hạnh nguyện thành Phật, Quan Âm từ bi chưa đi vào cõi Niết bàn, mà quay lại dân gian để cứu vớt người trần. Đây là ý tưởng của nhân dân về một người tốt, đức độ, dám hy sinh thân mình để giúp đỡ, cứu vớt người khác.

Tượng làm bằng gỗ mít – một thứ gỗ mềm, dẻo, ít nứt và bền lâu, được đặt ở ban thờ riêng, gian bên cạnh ban thờ chính. Tượng nặng 500kg, trên đầu tượng Phật là Đức A Di Đà, A Di Đà đã từng làm phép thuật chấp lại đầu cho Phật Bà khi Phật Bà lo nghĩ quá nhiều cho dân chúng đến nỗi đầu bị nổ tung thành nhiều mảnh nhỏ. Vì thế tạo thành 11 mặt Phật, 42 cánh tay để trần mềm mại như muốn ôm cả thế giới bao la, trên đó được gắn 952 cánh tay nhỏ tạo thành vòng mở rộng từ 6 đến 14 lớp, ở giữa mỗi lòng có một con mắt mi dài, đen láy. Với ngàn con mắt và ngàn cánh tay, Phật Bà đã nhìn thấu cả vũ trụ, nhìn thấu những cõi xa xăm diệt tà, cứu đời, giúp đạo. Phật Bà đang ngồi hành đạo, tư thế ung dung. Phật mặc áo cà sa rủ xuống phủ muôn loài, thiên phục.

Tượng được thể hiện trong dáng nữ, khuôn mặt dịu hiền, mắt nhìn xuống, miệng hơi mỉm cười, mũi dọc dừa, dài tai to dài, hoa tai hình bông sen. Từ khuôn mặt nhìn chính diện ở hai bên có 2 khuôn mặt nữa (thể hiện tam thế) và trên mũi có 3 tầng đầu (3 tầng trời), với tổng cộng 8 khuôn mặt khác nhau, trên chóp nơi cao nhất của tượng là bức tượng A- di- đà (cõi Niết bàn). Tượng Phật bà có một đôi tay chấp trước ngực theo kiểu liên hoa hợp trướng và một đôi tay đặt lên đùi theo kiểu thiền định. Ngoài hai đôi tay này trên thân tượng, ở lưng, sườn bả vai tỏa ra 19 đôi tay ở các tư thế ban phép. Các cánh tay đều để trần, đeo vòng hạt minh châu. Phía sau thân tượng có 789 cánh tay nhỏ xếp vòng tròn đồng tâm và đặt so le ở từng lớp tạo nên những vòng hào quang. Trên đỉnh vòng tròn là con chim ca lừng tần già (chim thiên đường). Phật bà ngồi ở thế kiết già, chân xếp bằng thư thái trên tòa sen nổi bông bênh trên mặt biển. Đài sen là một bông hoa ở rực rỡ, phần cao nhất là nhụy với những đường kẻ ngắn song hành, phía dưới là 4 tầng cánh hồng xen kẽ mảnh khai.

Pho tượng được chia thành nhiều bậc. Mỗi tầng đều có ý nghĩa riêng, tượng ứng với các cõi: từ tòa sen trở nên là vô sắc giới, nơi có các thiên thần, từ tòa sen trở xuống là sắc giới - chốn dân gian con người, xuống nữa là dục giới - chứa đựng những ham muốn, dục vọng của loài ma quỷ. Hình ảnh tòa sen nổi trên mặt biển thể hiện sự phổ độ rộng khắp của Phật pháp. Với những ai đứng

trước hình tượng Quan Âm đều cảm thấy ấm lòng như có bàn tay mẹ bao bọc, đỡ đần, tâm hồn trở nên bình yên và trong sáng hơn.

** Tượng Hộ Pháp*

Trong Đại Hùng bảo điện có hai tượng Hộ Pháp có kích thước lớn được đặt trên bệ cao. Tượng Hộ Pháp là thiên thần bảo vệ Phật pháp, mặc giáp trụ, cầm vũ khí, đứng trên lưng chúa sơn lâm, biểu tượng cho sức mạnh. Đặc điểm của pho tượng này là cứng rắn, khỏe khoắn, cường tráng. Tượng này đắp bằng đất nện, phủ sơn, với kích thước lớn, đầu gần chạm mái. Vì vậy mà trong ngôn ngữ người Việt Nam có thành ngữ “To như Hộ Pháp”

Hai nhân vật này được nhân dân gọi là Ông Thiện và Ông Ác. Bên trái là Ông Thiện, khuyến khích làm điều thiện, bên phải là Ông Ác có nghĩa là trừng trị điều ác. Hai ông này hình thức khá giống nhau về kích thước, tạo dáng và phong cách tượng cũng giống nhau.

** Tượng các vị La Hán*

La Hán là do chữ Phạn A La Hán là những bậc đã tu đến chỗ không sinh, không tử, không có gì phải học nữa, cho nên có nghĩa là vô học, hay là vô sinh và lại có nghĩa là sát tặc, tức là nói giết được cái giặc phiền não.

Nằm sát hai dãy tường là 18 vị La Hán (A-la-hat-Arhat). Đó là:

1. La Hán Ba Tiêu
2. La Hán Bồ Đại
3. La Hán Cử Bát
4. La Hán Hàng Long
5. La Hán Khai Tâm
6. La Hán Kháng Môn
7. La Hán Khánh Hỷ
8. La Hán Khoái Nhĩ
9. La Hán Kỵ Tượng
10. La Hán Phục Hồ
11. La Hán Quá Giang
12. La Hán Thác Tháp

13. La Hán Thám Thủ

14. La Hán Tiểu Sư

15. La Hán Tĩnh Tọa

16. La Hán Tọa Lộc

17. La Hán Trầm Tư

18. La Hán Trường Mi

Mỗi người một vẻ, vượt 9 cỗi lên tu niết bàn. Kích thước tượng không lớn, tượng được làm bằng đá nguyên khối. Tất cả các pho tượng này đều được tạo dáng tự nhiên, sinh động, thể hiện rõ tính cách của mỗi người. Các nét mặt không bị cường điệu một cách quá đáng, mang đậm nét chân dung.

** Tượng Phật Thích Ca sơ sinh*

Được đặt ở lớp thứ 5, bên dưới cấp Phật Dược sư, cao 2,8m, rộng 2,05m. Tượng này theo điển tích nói khi Đức Thích Ca Mâu Ni mới phóng sinh, có 9 con Rồng xuống phun nước cho ngài tắm, đoạn ngài đi 7 bước, tay tả chỉ lên trời, tay hữu chỉ xuống đất mà nói rằng: “Thiên thượng, thiên hạ duy ngã độc tôn - Trên trời, dưới đất, chỉ có ta là hơn cả”. Bởi vậy tượng Cửu Long làm 9 con rồng vây bọc chung quanh một pho tượng nhỏ đang một tay chỉ lên trời một tay chỉ xuống đất, đó là tượng Bồ Đề Thích Ca Mâu Ni Phật lúc sơ sanh. Bên tả tượng Cửu Long có tượng Đế Thích ngồi, mặc áo, đội mũ Hoàng đế, bên hữu có tượng Đại Phạm Thiên cùng một kiểu như pho tượng Đế Thích, đó là theo di điển nói: Hai vị Đại Thiên Vương này chủ tể ở cõi Sa – bà – thế – giới và lúc nào cũng hộ trì đức Thánh Ca khi Ngài chưa thành Phật.

Tượng Thích Ca Sơ Sinh vừa giàu tính Phật Giáo, vừa đậm chất tạo hình. Tượng được tạo hình một chú bé cởi trần, quần khố với tay trái chỉ lên trời, tay phải chỉ xuống đất, tọa lạc trên đài sen, thân tượng tròn đầy, khối căng tròn, đầu tròn, chán cao, đôi mắt dài đang khép, vẻ mặt như đang suy tưởng với đầy đủ các quý tướng. Với cách tạo hình như vậy vừa giản dị, trang nghiêm, vừa thoát tục. Tượng hàm chứa tính Phật Giáo sâu sắc và người nghệ sĩ tạo hình là người không chỉ giỏi về nghề mà còn là người rất am tường về đạo Phật.

Cùng với một tương quan giàu tính Phật Giáo ấy, tòa Cửu Long chùa Ba Vàng cũng đã được tạo tác rất đẹp. Với 9 con rồng uốn khúc, ẩn hiện trong mây, cùng với các tầng trời đã mở ra với các chư Phật, chư thiên mừng rỡ, hoan hỉ chào đón sự ra đời của đức Phật được chạm trổ hết sức tinh vi, sống động. Tòa Cửu Long được làm từ chất liệu bằng gỗ, kỹ thuật chạm khắc công phu, tinh vi chuẩn xác về đường nét, độ nông sâu, hình tượng tinh giản điển hình, sắp xếp hình, cảnh chính phụ, to nhỏ hợp lý, không tìm thấy một lỗi nào dù rất nhỏ. Từ bàn tay điêu luyện về nghề, am hiểu về đạo Phật, gắn bó với cuộc đời của các nhà điêu khắc Phật Giáo đã tạo lên một tòa Cửu Long, một tác phẩm nghệ thuật có giá trị to lớn cho muôn đời sau.

** Tượng Phật A Di Đà*

Tượng Phật A Di Đà được tạo hình trong tư thế ngồi kiết già, để lộ đôi bàn chân lên lòng đùi. Tượng cao 2,6m, tạc bằng gỗ mít, tôn thờ ở Thiên Đường khu tăng xá. Tượng được tạc theo một khối tam giác đóng kín, 2 khuỷu tay hơi khuynh ra rồi thu vào trong lòng, kết ấn Tam muội, tạo cho toàn thân đăng đối qua trục đối xứng. Mặt tượng hình trái xoan, rất phù hợp với thân hình thon nhỏ, thanh thoát, mắt hé mở, chòm đầu có nhục khối nhô lên, tóc xoắn, tai dài, cổ cao ba ngón, vai rộng, thân dỏng, thế ngồi hơi dướn mình ra trước, chân ngồi xếp bằng kiểu kiết già, trông rất uyển chuyển nhưng lại vững vàng. Thân Phật mặc áo khoác, xếp thành những nếp nhẹ nhàng buông xõa, nếp áo chảy nuốt để tạo nhịp dọc trang trí cho toàn khối điêu khắc. Phật A Di Đà ngồi trên bệ đá tòa sen, nên cái đẹp vốn có của pho tượng lại được nhân lên bởi một bệ đá được trang trí tinh mỹ. Bệ sen là một đóa hoa nở rộ với hai tầng cánh. Tầng trên chạm đôi rồng theo lối đục nông, mỏng, trái lại bệ bát giác được trang trí phủ kín bề mặt, với phong cách chạm nổi. Mặt bên của cả hai tầng đều có nhiều hình rồng giỡn đuôi nhau, trên một dây mây lửa. Lần đầu tiên, ta thấy tượng Phật đeo hoa tai hình bông sen rủ xuống. Điều này cho thấy nghệ nhân chạm khắc đã kỳ công tạo nên nhiều yếu tố trang trí chi tiết nhằm mô tả năng lượng màu nhiệm của Đức Phật Giáo chủ ở cõi Cực lạc.

** Tượng Phật Thích Ca Mâu Ni*

Tượng Phật Thích Ca tọa thiền ở trước ngôi Đại Hùng Bảo Điện, cao khoảng 4,5m (tính cả đài sen), nặng khoảng hơn 2 tấn. Tượng ngự trên đài sen, hai tay bắt ấn Tam muội, đôi mắt khép lại 3/4. Phật ngự trên đài sen có một ý nghĩa tượng trưng siêu thực. Bởi vì hoa sen được biểu thị cho đức tánh thanh tịnh và giải thoát. Đôi mắt đức Phật nhắm chiều nhìn xuống thể hiện sự quan sát nội tâm, theo dõi trần gian, mọi hành động của chúng sanh để ban phúc hay giáng họa. Vì thế, khi nhìn lên đôi mắt đức Phật chúng ta có thể nhận biết được mọi hành vi, việc làm của mình là đúng hay sai, để quan sát lại bản thân, để luyện lọc tâm tánh và sửa đổi hành động của mình. Chung quanh tượng Phật tỏa ra nhưng hào quang sáng chiếu để tiêu biểu ánh sáng trí tuệ của Phật lúc nào cũng soi sáng thế gian.

Tượng Phật Thích Ca được làm theo kiểu chùa Vĩnh Nghiêm – Bắc Giang và tạc trong thời gian 2 năm. Có thể nói, tượng Phật Thích Ca là một trong những pho tượng gỗ lớn nhất Miền Bắc.

** Tượng Tam Tổ Trúc Lâm*

Phật Giáo Việt Nam thực sự thống nhất và mang tính dân tộc là ở thời Trần với dòng thiền Trúc Lâm. Bộ tượng gồm Điều Ngự Trần Nhân Tông (1258 – 1308), thiền sư Pháp Loa (1284 – 1330) và thiền sư Huyền Quang (1254 – 1334) được tạc thờ ở Nhà Tổ. Trần Nhân Tông được đặt ở giữa, bên trái là Pháp Loa, bên phải là Huyền Quang. Đây là trật tự được thời Nguyễn rất coi trọng, lấy giữa làm trọng tâm rồi tỏa sáng hai bên theo nguyên tắc tả trước hữu sau. Cả ba pho tượng đều ngồi thiền, lấy vạt áo phủ kín bàn chân. Tượng giữa để hở cánh tay phải, khoác hờ áo cà sa. Hai tượng bên đều mặc áo cà sa với nhiều lớp cổ áo thực thà không rời. Tượng Trần Nhân Tông và Huyền Quang (bên phải) đều kết ấn Tam muội ở trong lòng, còn tượng Pháp Loa (bên trái) để tự nhiên trên đùi trên tư thế bấm độn. Cả ba tượng đều mang dáng nhà sư đầu cạo trọc, mặt trái xoan, dáng người thanh tao, nhưng rất ít nét riêng mang chất chân dung, hai pho tượng bên khuôn mặt khuôn mặt hao hao giống nhau, riêng pho tượng ở giữa khuôn mặt xương xương khác đi một chút. Những tượng này tuy là

các Tổ của dòng thiền Trúc Lâm, song hoàn toàn cũng như các Tổ chùa phổ biến trong Nhà Tổ của nhiều chùa khác.

** Quan Thế Âm Bồ Tát*

Quan Thế Âm, nghĩa là quan sát tiếng kêu than của chúng sanh trong thế giới để độ cho họ thoát khổ.

Tượng làm bằng đá hoa cương với chiều cao trên 9,5m, nặng hơn 6,5 tấn. Tượng Ngài hình người nữ đứng trên hoa sen, tay mặt bắt ấn tam muội là tượng trưng cho đức phổ độ chúng sanh. Tay trái cầm bình thanh tịnh, trong bình đựng nước cam lồ, tượng trưng cho tâm từ bi. Chỉ có cành dương liễu mới có khả năng mang nước cam lồ tưới mát cho chúng sanh. Từng chi tiết, vạt áo cà sa, nét mặt của tượng đều rất an nhiên, tĩnh tề, sống động, đem đến cho du khách chiêm ngưỡng một tâm trạng thực sự bình yên, như gột sạch mọi lo toan đời thường. Bồ Tát Quan Âm là hiện thân của đức từ bi, muốn nói lên tình thương chân thành thiết tha nhất trong con người, không tình thương nào qua tình mẹ thương con. Đức Quan Thế Âm như một người mẹ hiền của nhân loại hay tất cả chúng sanh, người mẹ lúc nào cũng lắng nghe tiếng nấc nở từ cõi lòng của đàn con đại đang chìm trong bể khổ mênh mông, để đến xoa dịu, cứu thoát, khiến mọi khổ não đều được tiêu tan. Không những thế Quan Thế Âm còn là hiện thân của hai đức tánh căn bản là nhẫn nhục và từ bi cao cả khôn lường. Qua đó, ta thấy sự lễ bái mới thật sự hữu ích và cần thiết vô cùng.

** Tượng Đức Di Lặc*

Tượng Đức Di Lặc được đặt ở trước cửa Trai Đường. Bức tượng hình một vị Hòa Thượng mập mạp, miệng cười toe toét, mặc áo phơi ngực, bày ra cái bụng to tướng. Tượng được làm bằng gỗ mít, đục khoét rất công phu, tỉ mỉ, thể hiện rất rõ được cái thần của Đức Di Lặc. Tượng này cũng được gọi là tượng Bồ Tát Di Lặc.

Di Lặc Bồ Tát là hiện thân của đức tánh hỷ xả, lấy đức hỷ xả làm chánh yếu, nên pho tượng Ngài lúc nào nơi miệng cũng nở nụ cười hỷ hả. Thờ tượng đức Di Lặc hay lễ bái ngài, chúng ta phải nhớ tới hạnh hỷ xả để giải thoát mọi khổ đau. Có hạnh hỷ xả là có giải thoát, có an vui. Hỷ xả là thần dược trị lành

mọi bệnh chắp trước của chúng sanh. Cho nên, nụ cười của Đức Di Lặc là nụ cười muôn thuở, không bao giờ biến đổi.

** Tượng tổ sư Bồ Đề Đạt Ma*

Pho tượng tổ sư Bồ Đề Đạt Ma được đặt gần cây Bồ Đề trong khu vườn của chùa. Tượng cao 2,5m, chỗ rộng nhất 1,6m, chỗ hẹp nhất 0,8m. Tượng rất dữ dằn với hình dáng mũi cao, tóc quăn, râu rậm, lông mày xéch ngược, vàng trán nhăn nhú, đôi mắt to sáng như đang soi rọi vào cõi u tối, phiền não.

Con mắt ngài rất lạ, khác với các tượng Phật có con mắt hiền từ nhưng con mắt của ngài trông chừng chừng dữ dằn. Sở dĩ ngài có mắt như vậy bởi tổ sư Bồ Đề Đạt Ma là người chưa đạt tới sự viên mãn, chưa thành Phật, mới gần đến viên mãn, gần đến mà chưa đến nên đó là giai đoạn cố gắng tối đa, giai đoạn chót rất khó khăn, phải nỗ lực như người leo núi sắp lên tới đỉnh nên ngó chừng mắt lên chứ không phải người dữ”.

Ngài mặc ba lớp áo màu nâu, quần dài ống rộng bó gọn, các nếp nhăn của trang phục được gợi tả khéo léo và tinh tế. Trên cổ ngài đeo một vòng tràng hạt lớn, phía sau lại kèm theo một chiếc nón rất đặc trưng của Việt Nam. Chiếc gậy của ngài được “cải biên” gần giống chiếc đòn gánh quen thuộc của người nhân dân với một bên là túi càn khôn và một bên là hòm kinh tạng già. Chuỗi tràng hạt lớn chính là sự thể hiện con đường thiền bằng hành, với trí thông minh và giác ngộ cách niệms Phật, tay lần chuỗi hạt để có thể diệt trừ phiền não, thoát trí được tính tuyệt vời của mình. Bồ Đề kết nghiệm mà đắc được thắng quả vô thượng. Như vậy, việc tạo tác tượng Bồ Đề mà còn để tưởng nhớ, biết ơn đến vị sư tổ đã vượt muôn nẻo đường truyền bá đạo pháp, khai sáng Phật Giáo Việt Nam, thường tự coi là thuộc phái Thiền nên ở hầu khắp các chùa đều thờ vị sư tổ này. Pho tượng nói lên tinh thần của sư tổ chứ không phải để xem chơi, tượng không chỉ đơn thuần là mỹ thuật mà còn ẩn chứa những triết lý.

d) Nghệ thuật trang trí

Nghệ thuật trang trí ở chùa Ba Vàng rất phong phú, sinh động, chính vì sự đa dạng của các mảng trang trí này đã góp phần tạo nên sự nổi tiếng của chùa Ba

Vàng. Trang trí được thể hiện ở mọi nơi, ở các kiến trúc, hệ mái và trên các đồ thờ,...

Khác với kiến trúc các ngôi chùa khác, đa số đều có kết cấu chịu lực bằng gỗ thì chùa Ba Vàng lại mang một nét khác biệt đó là toàn bộ kiến trúc cột, mái, xà, kèo, vì đều bằng bê tông cốt thép nhưng được sơn giả gỗ nên chùa vẫn mang dáng dấp thuần Việt.

Về hệ mái: Mái chùa có hình những mái đao con vút, lợp ngói mũi hài dày nặng, tường không cao, trông ngôi chùa chịu sức nặng nề của mái nhưng nhờ có những đầu đao nên vẫn có nét lượn cong vươn lên tạo nên sự hài hòa vừa vững vàng vừa thanh thoát. Mái chùa dốc phẳng, hai tàu đao cài vào nhau, tạo độ cong cho mái đao. Góc mái của chùa được tạo thành bởi sự giao nhau của hai tàu đao đan cài vào nhau, được uốn cong bởi sự xếp cong tàu đao. Mái chùa làm theo phương pháp “Tàu đao đá mái”. Tàu đao là đòn tay hình chữ nhật, bên trên có một mảnh ván mỏng gọi là mái đỡ hàng ngói cuối cùng. Mái được làm theo kiến trúc vì - kẻ - bẩy, bẩy góc nên không xòe ra quá rộng. Các đầu mái đao được đắp các con hàng tứ linh, theo kinh nghiệm dân gian đó là long, ly, quy, phượng.

Chùa Ba Vàng có hệ thống các mảng chạm khắc rất đẹp và độc đáo thể hiện ở các công trình kiến trúc chùa. Bản thân những hình dáng góc cạnh, hình khối lồi lõm, các bộ vì kèo đã là những trang trí hình khối đẹp mắt. Ở đây, những người thợ, nghệ nhân xây dựng chùa đã trạm trổ các phù điêu, hoa văn, tranh vẽ để tô điểm cho kiến trúc, nâng công trình lên mức nghệ thuật. Các ván, long, câu đối đều được trang trí với các hình ảnh như chim, phượng, hoa sen, pháp luân, hoa văn sông nước và hoa lá,... các hoa văn được bố cục cân xứng, tạo nên một cảnh trọn vẹn, sinh động, gọi cho khách hành hương những cảm giác trang nghiêm khi vào lễ Phật.

Nghệ thuật trang trí tập trung nhất ở ngôi Đại Hùng Bảo Điện và nổi bật hơn cả. Xung quanh chính điện có 22 cột chống, được cấu tạo theo kiểu “Đầu cán cân, chân quân cờ”, càng lên cao càng thon nhỏ lại, các đế cột đều được trang trí hoa văn là hình ảnh của hoa sen, biểu tượng của sự thanh khiết và tiềm

năng đạt đến Phật tính của con người. Trên tường của chính điện được trang trí 43 bức tranh vẽ miêu tả cuộc đời Phật đạo. Tất cả các bức tranh đều được các nghệ nhân vẽ một cách công phu và thống nhất với nhau, thể hiện một cách chân thực nhất về cuộc đời của Đức Phật Thích Ca. Các hình ảnh trang trí ở đây sống động và tươi vui, hàm chứa ý nghĩa Phật Giáo và đặc biệt là mang đậm tính chất nghệ thuật thiền, tập trung vào đề tài thiên nhiên phong phú.

Nét đặc sắc riêng có ở chùa Ba Vàng, tạo nên sự khác biệt với các ngôi chùa khác ở Bắc Bộ, đó là kiến trúc bằng bê tông giả gỗ đạt tới trình độ nghệ thuật. Nếu chỉ nhìn thoáng qua thì khó có thể nhận biết được. Nghệ thuật trang trí rất tinh xảo, các chi tiết, hoa văn không vì thế mà mất đi vẻ mềm mại, tự nhiên. Điều này, đã làm cho chùa Ba Vàng có sức hút kỳ lạ đối với du khách và trở thành điểm du lịch văn hóa nổi tiếng, hấp dẫn.

e) Cảnh quan môi trường chùa

Với tâm nguyện xây dựng một điểm đến du lịch tâm linh lành mạnh, nghiêm túc, Ban trụ trì chùa Ba Vàng đã bố trí tại mỗi nhịp nghỉ trên đường lên chùa có thùng để nhận rác. Bãi đỗ xe cho Phật tử đến thăm cũng hoàn toàn miễn phí. Khách thập phương khi đến chùa sẽ được đãi cơm chay, ăn nghỉ miễn phí tại chùa, các vật phẩm cúng dường cũng được nhà chùa chuẩn bị với tinh thần tùy tâm không bán.

Thầy Thích Bảo Tiến cho biết: “Việc kinh doanh duy nhất được cho phép tại chùa là chụp ảnh (nhằm phục vụ nhu cầu lưu giữ lại hình ảnh của khách thập phương) nhưng các thợ ảnh phải đăng ký hoạt động, giá tiền với ban quản lý để được cấp thẻ và hoạt động theo đúng sự quản lý của nhà chùa”.

2.3.3. Giá trị tâm linh

a) Lễ hội chùa Ba Vàng

Hoa cúc là một loài hoa đặc trưng vào mùa thu, tượng trưng sắc màu vàng y áo của quý thầy tu hành, đồng thời cũng biểu hiện cho sự giải thoát khỏi sự đau khổ, phiền muộn của thế gian. Không chỉ có vậy, hoa cúc còn biểu tượng cho tháng thứ chín mỗi năm, nó mang ý nghĩa niềm vui và hạnh phúc, cho sự tồn tại lâu dài. Vì vậy, tình yêu, thành công, may mắn, hay bất cứ những gì mong

uớc được lâu bền đề được tăng cường bằng cách trưng bày những bông hoa mùa thu thắm sắc này. Khi được kết hợp với bất cứ biểu tượng trường thọ nào như thông hoặc tre, hay mai, ý nghĩa trường thọ nhân lên đáng kể. Hoa cúc được xếp vào loại tứ quý (Mai, Lan, Trúc, Cúc). Người thời xưa yêu hoa cúc vì nó là loài hoa đẹp: “Diệp bất ly chi, hoa vô lạc địa”. Lá hoa cúc không bao giờ rụng khỏi cành, dù đã heo quắt. Hoa cúc không chịu rụng, dù cho khô héo vẫn bám lấy cành như người quân tử suốt đời không chịu rời xa lý tưởng của mình.

Với ý nghĩa như vậy, hoa cúc đã gắn liền với danh thắng Yên Tử cũng như văn hóa đời Trần và được Tam Tổ Huyền Quang dành nhiều sự quan tâm yêu thích, đại đức Thích Trúc Thái Minh – trụ trì chùa Ba Vàng và các đệ tử Phật môn, và người dân yêu chính pháp, yêu văn hóa truyền thống của dân tộc mong muốn được xây dựng một lễ hội hoa cúc chùa Ba Vàng, nhằm khôi phục lại một nét đẹp truyền thống văn hóa dân tộc Việt. Đây là lần đầu tiên lễ hội được tổ chức và sẽ tạo nên một sinh hoạt văn hóa tâm linh hàng năm về sau. Lễ hội hoa cúc đã trở thành một điểm nhấn về lễ hội văn hóa của chùa Ba Vàng nói riêng và khu danh thắng Yên Tử nói chung.

Hưởng ứng Đại lễ 50 năm kỷ niệm thành lập tỉnh Quảng Ninh, chùa Ba Vàng đã tổ chức lễ hội hoa cúc với mong muốn xây dựng một lễ hội thường niên vào dịp tết Trùng Dương, nhằm tôn vinh những giá trị truyền thống của dân tộc. Theo truyền thống ngày 9 tháng 9 âm lịch hàng năm là ngày tết Trùng Dương (hay còn gọi là tết Trùng Cửu), ngày tết của Hoa Cúc, lấy lại sự lặp lại của hai con số 9 để nói về sự trường thọ. Ở Việt Nam ngày nay, tết Trùng Dương còn ít người biết đến, nhưng xưa kia đây là một tập tục khá phổ biến, mang nhiều nét đẹp văn hóa, mà nguồn gốc tập tục này được coi là những chuyện thần thoại.

Có nhiều điển tích về ngày Tết này:

- Đòi Hậu Hán (25 - 250) có Hoàng Cảnh, người huyện Nhữ Nam, theo học đạo tiên với Phí Trường Phòng. Một hôm Trường Phòng bảo Cảnh: “Ngày 9/9 tới đây, gia đình nhà ngươi gặp phải tai nạn. Vậy đến ngày đó, ngươi lên đem cả nhà lên núi cao, tay đeo túi đỏ, đựng hột thù du (một loại tiêu), uống

rượu hoa cúc, tôi trở về, may ra tránh khỏi tai nạn”. Hoàng Cảnh vâng theo lời thầy. Quả thực đến tối trở về thì thấy gà, vịt, heo, chó trong nhà bị dịch chết hết.

Vì tích trên, nên về sau hàng năm, đến 9/9, người ta bỏ nhà tạm lên núi, lánh nạn... Lâu đời thành tục gọi là Tết Trùng Cửu. Sau dần thay đổi tính chất, Tết Trùng Cửu dành riêng cho tao nhân mạt khách lên núi làm thơ.

- Sách “Phong Thổ Ký” lại chép: Cuối đời nhà Hạ (2205 – 1818 TCN), vua Kiệt dâm bạo tàn ác. Thượng đế muốn răn nhà vua nên giáng một trận thủy tai, làm nhà cửa khắp nơi bị chìm xuống biển nước, nhân dân chết đuối, thây nổi đầy sông. Nạn thủy tai đó nhằm ngày 9/9. Vì vậy, mỗi năm đến ngày này nhân dân lo sợ, già trẻ, gái trai đều đua nhau quây thực phẩm lên núi cao để lánh nạn... Tục ấy thành lệ.

- Đời Hán Vương Đế (176 – 156 TCN), vua cho dựng một đài cao 30 trượng ở trong cung, mỗi năm tới ngày 9/9, nhà vua cùng Vương Hậu, Vương Tử, Cung Phi đem nhau lên đài ở cho qua hết ngày ấy. Sau đến đời nhà Đường (618 – 907) ngày 9/9 thành ngày lễ tết gọi là Trùng Cửu. Các văn thi sĩ mang bầu rượu, túi thơ cùng nhau lên núi cao say sưa ngâm vịnh.

Sở dĩ chùa Ba Vàng tổ chức ngày Tết này gắn với hình ảnh hoa cúc bởi đây là loài hoa luôn gắn liền với danh thắng Yên Tử và các Thiền Viện Trúc Lâm. Hoa cúc là hình ảnh gắn với biểu tượng văn hóa Phật Giáo thời nhà Trần. Trong thơ ca của Tam Tổ Trúc Lâm, hình ảnh hoa cúc trở nên thi vị với triết lý nhân sinh sâu sắc:

“Năm cuối giữa rừng không có lịch

Nhìn hoa cúc nở biết Trùng Dương”.

Theo Đại Đức Thích Trúc Thái Minh, trụ trì chùa Ba Vàng, cho biết: “Hoa cúc từ lâu được coi là loài hoa nói về sự thủy chung, bình dị và tình nghĩa. Hình ảnh hoa cúc gắn với bộ tứ bình, bốn loài cây quý trong tự nhiên nói lên phẩm giá của con người, đó là tùng – trúc – cúc – mai. Đặc biệt, bốn loại cây này đã từng xuất hiện tại vùng núi thiêng Yên Tử, đây là một thánh địa Phật Giáo Việt Nam, nơi đã sinh ra dòng Thiền Phái Trúc Lâm do Phật Hoàng Trần Nhân Tông sáng lập, với sự tiếp nối của tôn giả Pháp Loa và tôn giả Huyền

Quang. Đáng tiếc do thời tiết và khí hậu thay đổi nên bóng dáng của hoa cúc trên núi rừng Yên Tử không còn nữa. Nhưng dấu tích của hoa cúc ở văn hóa thời Trần thì lại rất in đậm, hoa cúc đã trở thành biểu tượng của văn hóa nhà Trần”.

Đại đức Thích Trúc Thái Minh cùng các Phật tử và những người tâm huyết với văn hóa truyền thống dân tộc từ lâu nay đã mong muốn được khôi phục lại nhưng nét đẹp trong ngày tết Trùng Dương với tên gọi lễ hội Hoa Cúc chùa Ba Vàng nhằm khôi phục lại một nét đẹp truyền thống văn hóa dân tộc và tôn vinh hình ảnh một biểu tượng của văn hóa Phật Giáo Trúc Lâm.

Trước đây, lễ hội này đã tồn tại lâu đời tại một vài ngôi chùa nhỏ nhưng không được tổ chức một cách chính thức như một lễ hội. Ý tưởng phục dựng lễ hội Hoa Cúc với quy mô lớn tại chùa Ba Vàng là một ý tưởng độc đáo, mang đậm giá trị văn hóa tâm linh, tôn vinh những giá trị văn hóa tín ngưỡng và lễ hội truyền thống dân tộc.

Theo kế hoạch, lễ hội Hoa Cúc chùa Ba Vàng được tổ chức vào đúng “ngày Trùng Cửu 9/9 âm lịch” tức ngày 13/10 dương lịch, nhưng do cả nước tổ chức Quốc tang đưa tiễn Đại tướng Võ Nguyên Giáp nên được lùi lại một tuần và diễn ra vào ngày 18/10. Tại lễ hội, ban tổ chức, các chư tăng chùa Ba Vàng đã cất công sưu tập 80 loài hoa cúc của các miền đất nước để tổ chức sắp đặt nhiều không gian khác nhau trong khuôn viên chùa để du khách thập phương có dịp thưởng lãm.

Dựa trên nét văn hóa vốn có lễ hội Hoa Cúc đã mô phỏng lại những nét văn hóa truyền thống của dân tộc; trình diễn thư pháp dựa trên 5 chủ đề: Chân – Hành – Thảo – Triện – Lệ, bài thơ Hoa Cúc của Tam Tổ Huyền Quang, triển lãm thư pháp các bài thơ thiền của Tam Tổ Trúc Lâm, tăng ni và Phật tử còn được thưởng thức trà hoa cúc do các nghệ nhân pha chế theo thú trà đạo Trung Hoa... hình ảnh gánh hàng rong bày biện các món quà quê dân giã của đồng bằng Bắc Bộ: bỏng ngô, khoai mì luộc, sắn luộc, chè lam,... mô phỏng công việc rất đỗi cổ xưa qua những đôi quang gánh trên vai của người chị, người mẹ. Lễ hội có nhiều hoạt động phong phú mang ý nghĩa tâm linh như nghi thức hành thiền lấy nước từ giếng thần về chính điện dâng cúng Phật, lục cúng, cầu quốc

thái dân an,... Đây là một trong những nghi thức vô cùng thiêng liêng trong lễ hội Hoa Cúc thể hiện sự tôn kính của Chư Tôn Tăng Ni Phật Tử trước sự vi diệu của thiên nhiên ban phát cho mảnh đất địa linh nằm trong quần thể danh thắng Yên Tử. Bên cạnh đó là các hoạt động văn hóa Việt Nam truyền thống mang tinh thần Phật pháp như: hoạt động biểu diễn và tặng thư pháp, chiếu chèo – tuồng, cổ sên đình, ngâm thơ thiền. Trình diễn các điệu múa Phật Giáo, thiền trà và nghe giảng pháp, cuộc thi cắm hoa cúc mùa thu giữa các nghệ nhân và bản nội Phật tử,... Tất cả được diễn ra trong không khí trang trọng và lòng thành kính về nơi cõi Phật. Đây là lần đầu tiên chương trình về loài hoa cúc có từ thời Trần được phục dựng nhằm tôn vinh nét đẹp trong văn hóa dân tộc Việt Nam được đông đảo nhân dân hưởng ứng tham gia.

Ngày hội Hoa Cúc tại chùa Ba Vàng thực sự là một nét đẹp văn hóa mang ý nghĩa sâu sắc và thú vị của mỗi một màu hoa khác nhau. Hoa cúc là sự thủy chung son sắc của người với người, là loài hoa của niềm hân hoan, vui vẻ nhưng cũng là niềm động viên, an ủi, sưởi ấm lòng người những lúc mệt mỏi hay yếu mềm. Việc phục dựng lại lễ hội Hoa Cúc không chỉ mang ý nghĩa văn hóa truyền thống đồng thời còn khơi gợi lại những màu sắc văn hóa Phật Giáo đặc biệt là văn hóa truyền thống của Trúc Lâm Tam Tổ. Hy vọng rằng chùa Ba Vàng có thể xây dựng được những lễ hội Hoa Cúc về sau – một lễ hội truyền thống rất lâu đời của dân tộc mang ý nghĩa của sự trường thọ – thanh liêm – chính trực. Qua đó, xiển dương được những màu sắc văn hóa Phật Giáo và văn hóa truyền thống của dân tộc.

b) Thời khóa và sinh hoạt chùa Ba Vàng

** Thời khóa hàng ngày*

Chùa Ba Vàng là ngôi nhà tâm linh của tứ chúng đồng tu, với số lượng gần 200 người. Tu để học, học để tu. Có thời khóa sinh hoạt nghiêm mật, bắt đầu từ 3h30 cho đến 10h tối.

Buổi Sáng :

3h30': Thức Chúng

3h45' : Công Phu Khuya

6h00': Tiểu Thực

7h15': Lao Tác

10h30': Xả Lao Tác

Buổi Trưa:

11h00': Thọ Trai

12h30': Chỉ Tĩnh

Buổi Chiều :

13h45': Thức Chúng

14h00': Học

16h30': Nghỉ Học

17h15 : Cảnh Sách

Buổi Tối:

18h00': Hô Chuông Trống

18h30': Sám Hối

19h10': Toạ Thiền

20h15': Xả Thiền

21h15' : Viết Sổ Kiểm Tâm và Niệm Phật Lâm Thụy

22h00': Lâm Thụy

** Thời khóa hàng tháng*

Thỉnh nguyện – Bồ Tát : Ngày 15 và 30 (hoặc 29) vào lúc 3h45.

Ngoài ra vào ngày mùng 8 âm lịch hàng tháng có một ngày tu Bát Quan Trai; Tối 14 và 29 hoặc 30 âm có Lễ Sám hối và nghe pháp dành cho các Phật tử thập phương về tham dự. Hiện nay, tại chùa Ba Vàng đang có trên 50 đạo tràng niệm Phật sinh hoạt.

** Sinh hoạt của các Tăng, Ni*

Chùa đang tiếp tục xây dựng và hoàn thiện một số công trình, nhưng chỉ lao tác vào buổi sáng, buổi chiều đại chúng được Thầy dạy học kinh, học luật, học thiền, học sử hay học chữ Hán. Hàng ngày các Tăng, Ni đều phải tham gia công phu thời khóa theo đúng quy định của chùa. Nhưng theo thường lệ, cứ sáng chủ nhật, đại chúng được nghỉ công phu thời khóa, thay thế vào đó bằng buổi

tập thể dục toàn chúng. Chính là để tăng trưởng tinh thần lạc hòa trong chúng và hóa giải những nội kết lâu ngày của mỗi các nhân. Một buổi tập thể dục bề ngoài tưởng như đơn sơ nhưng thực chất lại là kiểm chứng về “thân – khẩu – ý” của đại chúng có hòa hợp, hòa đồng để “đồng thanh tương ứng, đồng khí tương cầu” không?

Một buổi sinh hoạt tập thể vui tươi, thoải mái, lành mạnh, tưởng như đời thường nhưng rất đạo. Đó chính là sự kiểm chứng “thân động nhưng tâm bất động, động ngoài mà tĩnh trong”, cũng là một pháp Thiền tập. Kết thúc buổi tập, toàn đại chúng nối vòng tay lớn, cùng cất tiếng theo bài hát “Nối vòng tay lớn” và “Niềm an vui”. Đại chúng được cầm tay nhau như truyền cho nhau sức mạnh, truyền cho nhau sự hòa đồng, hòa hợp của Tăng đoàn. Một Tăng đoàn “trẻ – khỏe – trí – tuệ” đầy hứa hẹn trong tương lai.

c) Hoạt động của chùa Ba Vàng

Tuy đang trong quá trình trùng tu, xây dựng, song chùa Ba Vàng đã và đang đẩy mạnh nhiều hoạt động thiết thực cho cộng đồng và xã hội mang đậm tính nhân văn và văn hóa truyền thống dân tộc. Một trong những hoạt động đó phải kể đến việc nỗ lực truyền bá chính đạo, bài trừ mê tín dị đoan (không đốt vàng mã, không xóc thẻ, không xem bói, không buôn bán trong khuôn viên chùa, không cho xoa tiền vào đầu tượng...), tổ chức các công tác thiện nguyện, đào tạo tu dưỡng đức – trí cho tăng ni, Phật tử cả nước. Để chùa Ba Vàng được hiển tại theo chính nghĩa của mình, nhà chùa đã bắt tay xây dựng một điểm đến du lịch, tu hành “phi thương mại”. Từ đường vào đến cổng chùa đều thể hiện sự trang nghiêm, uy nghi không có cảnh xô bồ, hàng quán.

Ngay từ khi nhập tự, nhà chùa đã bắt tay ngay vào các hoạt động Phật sự vì lợi ích của dân. Từ năm 2010, các khóa tu bát quan trai được tổ chức thường kỳ mỗi tháng một lần vào ngày mùng 8 âm lịch, số lượng các Phật tử về tham dự khóa tu mỗi tháng đều tăng lên. Cùng với các hoạt động bên trong khu vực nội tự, chùa Ba Vàng còn tổ chức cho các tăng ni, Phật tử đi làm từ thiện, đến các nhà dưỡng lão, trung tâm bảo trợ trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt, trại tù lần 14, một số huyện nghèo trong tỉnh Quảng Ninh; thăm hỏi và tặng quà cho các bệnh

nhân ở trại phong Chí Linh (Hải Dương), cầu siêu và phát quà cho xóm tâm thần ở huyện Phú Lộc (Thừa Thiên-Huế)... Tháng 12 năm 2012, Ban văn hóa chùa Ba Vàng phối hợp với các Phật tử ở Hà Nội, Quảng Ninh tổ chức lễ ra mắt Câu lạc bộ Thiện nguyện Hương Từ Tâm với mục đích kêu gọi lòng trắc ẩn, khơi dậy tâm từ ái, đánh thức lòng yêu thương của cộng đồng đến với những mảnh đời thiếu may mắn, là cầu nối giữa những nhà hảo tâm với những người có hoàn cảnh đặc biệt (ốm đau chữa bệnh tại chùa)... Vào các khóa an cư kết hạ, nhà chùa tổ chức đi cúng dường tùy hỷ các trường hạ ở Thái Bình, Phú Thọ...

Đại đức Thích Trúc Thái Minh, trụ trì chùa Ba Vàng cho biết: “Trong thời gian tới, ngoài công tác phật sự, chùa Ba Vàng sẽ đẩy mạnh các chương trình thiện nguyện, giúp đỡ những hoàn cảnh khó khăn trên mọi miền tổ quốc theo giáo lý của nhà phật”.

2.4. Khả năng khai thác và phục vụ du lịch của chùa Ba Vàng

2.4.1. Nguồn khách

Trong 4 tháng đầu năm 2014 thành phố Uông Bí đã đón gần 1,95 triệu lượt khách du lịch. Theo nhận định của các nhà chuyên môn, xét tổng thể, du lịch Uông Bí đang “được” trên nhiều phương diện.

Với hệ thống di tích chùa tháp trên địa bàn dày đặc và có giá trị lịch sử văn hóa lớn, loại hình du lịch chủ đạo của Uông Bí vẫn là du lịch văn hóa, du lịch tâm linh, khách du lịch đến với thành phố Uông Bí chủ yếu là khách hành hương lễ Phật, tham dự các lễ hội đình chùa. Từ đầu năm đến nay, tại Uông Bí diễn ra hàng chục lễ hội đền chùa lớn nhỏ, song công tác tổ chức cũng như đảm bảo các hoạt động, an ninh trật tự, vệ sinh môi trường, phục vụ đều tốt.

Chùa Ba Vàng, cùng với sự đầu tư các công trình kiến trúc, hiện chùa đang là điểm nhấn ấn tượng của thành phố Uông Bí. Từ đầu năm tới nay đã thu hút gần 450.000 lượt khách. Lượng khách đến chùa chủ yếu là khách du lịch nội địa, khách nước ngoài còn khiêm tốn. Chủ yếu là khách địa phương và các tỉnh lân cận như Hà Nội, Hải Phòng,... Theo định hướng đây sẽ là điểm du lịch văn hóa phát triển, có kết nối chặt chẽ với điểm du lịch chùa Yên Tử.

2.4.2. Cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật

Việc phục vụ cho du lịch thành phố Uông Bí nói chung và cho khu chùa Ba Vàng nói riêng, đòi hỏi những yêu cầu về cơ sở vật chất kỹ thuật cũng như cơ sở hạ tầng để đảm bảo khả năng phục vụ khách du lịch.

Đến với thành phố Uông Bí và với di tích chùa Ba Vàng, hiện nay trên cơ sở quy hoạch tổng thể để phát triển du lịch văn hóa đã được Ủy ban Nhân dân tỉnh phê duyệt căn cứ vào nhu cầu của khách du lịch, các nhà đầu tư trong và ngoài tỉnh, thành phố đã tập trung đầu tư vào phát triển du lịch. Nhằm đẩy mạnh phát triển du lịch tỉnh, thành phố Uông Bí đang tập trung xây dựng, hoàn thiện không gian du lịch chung nhằm gắn kết các điểm du lịch trên địa bàn, hình thành sản phẩm du lịch chất lượng theo hướng phát triển du lịch văn hóa, lịch sử, tâm linh, kết hợp với du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, nhằm tạo ra những nét độc đáo, xứng đáng là một trong bốn trung tâm phát triển du lịch trọng điểm của Quảng Ninh. Song song với việc quy hoạch các khu, tuyến, điểm du lịch nhằm thúc đẩy phát triển du lịch, thành phố đã tập trung đầu tư, xây dựng các thiết chế văn hóa, cơ sở hạ tầng, thi công xây dựng, trùng tu tôn tạo các di tích, phục vụ nhân dân và khách du lịch. Trong số đó, tiêu biểu hơn cả là di tích chùa Ba Vàng.

Cùng với đó, hệ thống khách sạn, nhà nghỉ cũng được đầu tư, hiện trên địa bàn thành phố có 133 cơ sở lưu trú với hơn 1.000 phòng nghỉ được đầu tư trang thiết bị cơ bản đảm bảo phục vụ du khách. Đồng thời, tiếp tục thực hiện các dự án như: trung tâm dịch vụ văn hóa thể thao, hồ công viên, trung tâm thương mại cầu Sến, Quang Trung, Nam Khê, phát triển hệ thống nhà hàng dịch vụ mua sắm, ăn uống đạt tiêu chuẩn cho khu vực thôn Nam Mẫu (xã Thượng Yên Công), ngã ba Dốc Đỏ, xây dựng hệ thống cơ sở lưu trú, trong đó có khách sạn cao cấp, khu nghỉ dưỡng thuộc khu vực hồ Yên Trung.

Riêng đối với chùa Ba Vàng, hiện nay đã và đang trở thành một trong những công trình Phật Giáo lớn của Việt Nam, ngày càng trở nên hấp dẫn du khách trong và ngoài nước. Trong chiến lược kinh tế bền vững mà thành phố xác định đó là xây dựng Uông Bí trở thành điểm du lịch văn hóa nổi tiếng trong và ngoài nước. Việc xây dựng chùa Ba Vàng trở thành vệ tinh, được kết nối với

khu di tích lịch sử danh thắng Yên Tử cũng được thành phố quan tâm, đầu tư tôn tạo hàng loạt công trình về hạ tầng cơ sở đã được triển khai. Trong đó phải kể đến hệ thống đường giao thông: tuyến đường lên chùa Quang Trung – Ba Vàng, Thanh Sơn - Ba Vàng, điện chiếu sáng được đầu tư, xây dựng và mở rộng như tuyến điện Quang Trung – Ba Vàng. Hiện nay, thành phố cũng đang tích cực khẩn trương trong việc thiết kế, vận động các hộ dân tích cực tham gia ủng hộ công tác giải phóng mặt bằng tuyến đường giao thông từ phường Thanh Sơn vào chùa Ba Vàng, để công trình được hoàn thiện, tạo điều kiện cho khách du lịch về văn cảnh chùa. Cùng với đó, công tác tuyên truyền về những giá trị lịch sử và văn hóa của chùa Ba Vàng cũng được quảng bá tới đông đảo du khách thập phương trong và ngoài nước góp phần bảo tồn và phát huy các giá trị của di tích chùa Ba Vàng.

2.4.3. Hiện trạng tổ chức quản lý

Mặc dù đang trong thời gian hoàn thiện một số công trình nhưng chùa Ba Vàng có một cơ cấu quản lý khá chặt chẽ. Thông qua cơ cấu, mỗi ban ngành đều có chức năng, nhiệm vụ khác nhau, với chuyên môn nghiệp vụ khác nhau nhưng lại đồng bộ và thống nhất. Mỗi bộ phận phải đảm nhiệm được công việc của mình theo chuyên ngành. Các quý thầy được phát huy triệt để các sở trường sẵn có cùng những khả năng tiềm ẩn. Mỗi thầy tùy sở trường, chuyên môn, chuyên ngành của mình được nhận một công việc phù hợp.

Hiện nay chùa Ba Vàng có gần 20 tiểu ban như ban trị sự, ban thư ký, ban đời sống, ban y tế, ban văn hóa, ban cây cảnh... các ban đều phối hợp rất nhịp nhàng nên các hoạt động Phật sự được triển khai nhanh chóng và hiệu quả cao. Đi sâu vào tìm hiểu các ban của chùa Ba Vàng cụ thể như sau:

**** Ban Tri khách***

Ban Tri khách do sư ông Bảo Thành, sư bác Trí Thụ đảm nhiệm. Là những người đầu tiên tiếp xúc với quý khách, quý Phật tử xa gần, để qua đó phần nào thấu hiểu được tâm tư, nguyện vọng của mọi người. Ban Tri khách của chùa rất tinh tế và tạo ấn tượng tốt cho Phật tử, nhất là những người đầu tiên

đến chùa; gieo được duyên lành với Phật pháp và tạo cho khách thập phương sanh tâm hỷ lạc mỗi khi đến chùa.

** Ban Văn hóa*

Sư ông Bảo Thành và sư ông Bảo Tiến được luân phiên làm trưởng ban phụ trách ban Văn hóa. Các sư ông đã được đào tạo từ Học viện Phật giáo Việt Nam tại thành phố Hồ Chí Minh và các sư bác là sinh viên mới ra trường, có sư đã tốt nghiệp tới ba trường đại học danh tiếng của Việt Nam. Có sư lúc xuất gia đương là Phó hiệu trưởng một trường trung học phổ thông chuyên của một tỉnh. Ban Văn hóa có trách nhiệm đưa tin hàng ngày về các hoạt động Phật sự tại chùa để đăng lên website và kênh Radio Online nhằm đáp ứng nhu cầu của Phật tử cũng như độc giả trong và ngoài nước.

Ban Văn hóa còn ấn tống, phát hành kinh sách, băng đĩa về các bài giảng pháp của Thầy trụ trì, các khóa học, các ngày đại lễ,... bài ảnh nhanh, kịp thời, nóng sốt của các vị lãnh đạo cấp cao, Chư Tôn Hòa Thượng, Thượng Tọa trong Ban trị sự Trung Ương Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam, Hòa Thượng Thích Thanh Nhiễu – Phó Chủ tịch Hội đồng Trị Sự Trung Ương Giáo Hội Phật Giáo Việt Nam và các Đại Sư có uy tín lớn trên thế giới như Ngài Minling Khenchen Ripoche đời thứ IX – Hiệu trưởng trường Đại học Phật giáo Nyingma Ấn Độ; Ngài Dhughe Ripoche – Trụ trì Tu viện Bairoling Nepal; Đại lão Hòa Thượng Yoshimizu Daichi – nguyên Hội trưởng Hội Phật Giáo Tịnh Độ Tông Nhật Bản,... trong những lần về thăm chùa. Ban Văn hóa làm việc vô cùng khẩn trương và bắt nhịp cùng thời đại.

** Ban Thị Giả*

Trưởng ban Thị Giả do sư ông Bảo Tiến và sư chú Bảo Tịnh phó ban. Ban Thị Giả lo toan từng chiếc bàn chải đánh răng, cái khăn mặt, từng chai nước lọc,... và những phương tiện cần thiết của chuyến đi vô cùng chu đáo. Không những thế ban Thị Giả còn vinh dự được thay mặt cho Sư Phụ cũng như đại chúng phục vụ các quý Trưởng Lão, khách Tăng mỗi lần các vị về thăm chùa. Ban Thị Giả luôn cố gắng tu hành, học tập và rèn luyện để có đầy đủ kiến thức,

trí tuệ và nội điển cũng như ngoại điển để góp phần vào công tác hoằng pháp của chùa.

** Ban Nước*

Sư ông Thích Trúc Bảo Chính – trưởng ban, sư bác Thích Trúc Bảo Ân – phó ban, cùng các sư bác trong ban dù là học sinh mới tốt nghiệp chương trình phổ thông trung học, nhưng với lòng nhiệt huyết của tuổi 20 và ý chí mãnh liệt của người con Phật, các sư vẫn luôn cố gắng để đảm bảo việc cung cấp hàng trăm khối nước mỗi ngày cho sinh hoạt của gần hai trăm Tăng ni, Phật tử cùng công trường xây dựng và phòng cháy 123.8 ha rừng (nước dùng tại chùa là nguồn nước lấy từ chân núi Bình Hương, cách chùa hơn 3km đường rừng.)

** Ban Điện*

Ban Điện do sư ông Bảo Độ – từng là kỹ sư điện chịu trách nhiệm. Sư ông cùng các cư sĩ trong ban quản lý cũng như mở rộng hệ thống điện thấp sáng, điện trang trí, điện truyền thanh, phục vụ xây dựng và sinh hoạt... Mạng lưới điện tại chùa giống như một thị trấn nhỏ. Các sư trong ban luôn lo lắng, đề cao trách nhiệm để đảm bảo sự an toàn về điện ngày cũng như đêm.

** Ban Tri Khố*

Ban Tri Khố là trọng tài phân phối lương thực, thực phẩm, đòi hỏi sự công bằng tuyệt đối. Theo chu kỳ 6 tháng, các sư trong chùa thường luân phiên nhau làm trưởng ban, phục vụ đại chúng. Nhiệm vụ của ban là “lo cơm dẻo, canh ngọt”, đảm bảo sức khỏe cho đại chúng học tập, lao động. Có những ngày phục vụ cho các khóa tu, đại lễ lên tới hàng nghìn người. Các sư trong ban từ 3h sáng tới 11h đêm tất bật ngược xuôi để lo từng ngụm nước, miếng cơm, từng sản phẩm do tay mình chế biến như đậu phụ, bánh rán, chè sầu riêng,... những sản phẩm này không những đẹp về hình thức mà còn rất phong phú về nội dung.

** Ban Vườn*

Ban vườn do sư cô Thích Nữ Diệu Phương làm trưởng ban, một người vừa lao động giỏi, lại vừa có tâm hồn thơ lai láng. Trong ban còn có sư cô Diệu Chơn, Diệu Duyên tuy tuổi đời đã ngoài “bát tuế” nhưng bằng tâm huyết muốn phụng sự đại chúng, bởi vậy hàng ngày các sư cô vẫn hăng say đào, cuốc, vun,

xới chăm sóc từng gốc cây, gốc rau tại chùa. Với bao công sức để cải tạo đất trồng đồi trọc, loại bỏ đá sỏi, bón thêm các chất màu mỡ để các loại cây rau, cây ăn quả,... mỗi ngày một tươi tốt. Mỗi lần sau bữa ăn, được thưởng thức những múi cam, múi bòng, quả chuối, miếng thanh long ruột đỏ..., ai mà quên được công lao đội nắng, đội mưa, bàn tay chai đá của từng thành viên trong ban vườn.

** Ban xây dựng*

Sư ông Bảo Thắng – trưởng ban, một sư ông trẻ 26 tuổi. Hàng loạt các công trình như dàn hàng ngang cùng tiến nhờ một phần không nhỏ vào sự tháo vát, năng động của các sư ông, sư bác trong ban, dẫn đầu là sư ông Bảo Thắng. Cả công trình xây dựng hàng nghìn tỷ đồng luôn sôi động mà lặng lẽ hình thành. Chính vì thế chủ thầu các công trình vô cùng nể phục, mệnh danh cho ông là một “công trình sư không qua trường lớp”. Không qua đào tạo, không bằng cấp, không học vị, học hàm về lĩnh vực xây dựng mà chỉ huy cả một “đội quân tinh nhuệ”, thế mới là điều kỳ lạ mà mọi người phải ngỡ ngàng.

Và một cánh tay phải, cánh tay đắc lực được Thầy trụ trì giao trách nhiệm giám sát tổng công trình đó là Phật tử Phạm Văn Đan quê tại Nam Trực – Nam Định, nguyên Giám đốc công ty than, Giám đốc nhà máy xi măng Lam Trạch, Phó Giám đốc nhà máy cơ khí. Là kỹ sư từng quản lý các công trình xây dựng của các xí nghiệp, đã từng quản lý hàng nghìn lao động, là một người có bề dày kinh nghiệm. Lại có thêm cộng sự là các kỹ sư trẻ như: Phật tử Duy Sơn (Thái Bình), Văn Hùng (Nam Định), thợ xây dựng lành nghề Trần Văn Bền (Phụ thân của Sư Bác Bảo Chân) đã từng giám sát nhiều công trình xây dựng tâm linh ở Huế. Chính vì đội ngũ kỹ thuật tâm huyết giúp đỡ, nên mỗi lần các sư trong Ban vắng mặt vì Phật sự, hoằng pháp độ sinh, các sư cũng rất yên lòng, bởi các công trình vẫn như một guồng máy luôn luôn vận hành ổn định, không một giây phút ngừng nghỉ.

** Ban cơ giới*

Tạo được mặt bằng tổng thể để xây dựng theo quy hoạch trên quy mô lớn như thế là một việc làm vô cùng gian khó. Việc đó đòi hỏi đội quân cơ giới phải là “đội quân tinh nhuệ tiên phong” khai phá địa hình. Trong số những người lính

tiên phong đó có hai sư bác Thích Trúc Bảo Cần và Thích Trúc Bảo Năng (là hai anh em ruột). Sư bác Trí Bản cũng là một trụ thủ đắc lực của ban. Do nhu cầu xây dựng, các sư, các Phật tử và những người cộng sự không quản nắng cháy mưa bùn, ngày đêm lăn lộn với đất, cát, đá, sỏi, xi măng, sắt thép,... Và thêm một tay lái đã từng bươn chải trong Nam ngoài Bắc đó là Phật tử Nguyễn Quang Minh người được mệnh danh “anh hùng xa lộ” với tấm bằng F, loại bằng cao nhất điều khiển tất cả các loại cơ giới từ thô sơ đến hiện đại. Phật tử Quang Minh, Trí Bản đã cùng các sư chưa một lần để các nhà thầu phải chờ việc, hoặc nhờ việc vì thiếu nguyên vật liệu.

** Ban tài chính kế toán*

Sư bác Thích Trí Dũng – nguyên là một chuyên viên thuộc Bộ Tài chính, là người có kinh nghiệm uyên thâm về quản lý tiền. Sư bác Thích Trúc Bảo Giác một vị sư trẻ chưa đến 30 tuổi, đã tốt nghiệp 3 bằng đại học. Với sự cộng tác của sư huynh Thích Trúc Bảo Trí là một trong tám đệ tử đầu tiên của Thầy, tuy tuổi đời mới 21 nhưng lại là một sư huynh lớn trong Tăng đoàn. Trẻ tuổi, ít nói, ít giao tiếp nhưng vô cùng cẩn thận và chín chắn mỗi khi xuất quỹ. Ba huynh đệ là những tay hòm chìa khóa của Tài chính kế toán của một công trình xây dựng hàng ngàn tỷ đồng. Các sư luôn kết hợp với Ban Xây dựng để giám sát các công trình, giám sát công lao động. Để chi tiêu chính xác, tiết kiệm, trung thực, không để thất thoát một hào lẻ, mà người đời vẫn tưởng là “tiền chùa”.

** Ban cây cảnh*

Khách vãng lai và Phật tử xa gần mỗi lần về thăm chùa thường lặng người ngắm cảnh, ngắm các cây thế. Cây trên đôn, trên các loại chậu đủ hình dáng, kích cỡ để khoe được thế, dáng và thách thức với thời gian hàng trăm năm. Đó chính là nhờ sư ông Thích Trúc Tử Nguyên – trưởng ban cây cảnh và công sức của các thành viên đã tạo nên màu xanh mượt, rung rinh trong nắng sớm, làm tăng thêm vẻ đẹp, cảnh quan ngôi chùa. Đặc biệt phải nói tới bàn tay vàng “thổi hồn” vào cây – hoa đá của ông “Lý Qùy” – phụ thân của sư ông Tử Nguyên. Nhân mùa Phật Đản 2013, ban cây cảnh đã tiếp nhận 2 cây đại, 2 cây bồ đề từ Campuchia với độ tuổi gần một thiên niên kỷ. Không bao lâu nữa, cây bồ đề sẽ

vườn cảnh trở lại , tỏa bóng hàng chục mét tạo cảnh quan, bóng mát, tạo sự che chở cho ngôi chùa.

** Ban May*

Y phục cũng là thể hiện một phong cách sống. Y phục của người tu hành khác với y phục của người thế gian: vừa trang nghiêm trong nghi lễ, vừa phù hợp với lao động, sinh hoạt. Chính vì thế đòi hỏi nhà “tạo mốt” Thích Nữ Diệu An – trưởng ban May, và các thành viên càng phải tư duy và cắt may cho phù hợp. Sự phù hợp thích nghi với đại chúng còn thể hiện màu sắc và hỷ vọng vị giải thoát. Cho nên càng đòi hỏi tay nghề và tâm trong sáng, thanh tịnh vì Chính pháp mà phục vụ quần sinh.

** Ban cơ điện*

Trưởng ban cơ điện là sư bác Thích Trí Nhuận đã ngoài 70 tuổi và là kỹ sư cơ khí được đào tạo tại Liên bang Xô Viết, cùng các thành viên trong ban càng phải cố gắng để máy móc được hồi sinh nhanh chóng phục vụ công trường. Những ngày hè nóng lực, hàng trăm chiếc quạt tại phòng làm việc, thư viện, thiền đường, giảng đường,... cần được sử chữa, bảo dưỡng nhưng các sư luôn cố gắng đáp ứng, phục vụ không một chút ngần ngại tính toán.

** Ban bảo vệ*

Những ngày đại lễ, hoặc các khóa học trong tháng, các đạo tràng thường vân tập về chùa, có khi lên tới hàng ngàn người. Ai ai cũng yên tâm tụ tập, không còn băn khoăn về xe cộ, đồ dùng tu nhân,... vì trưởng ban bảo vệ là sư ông Huệ Pháp và phó là Phật tử Văn Quyển cũng như các thành viên trong ban Bảo vệ đã chu đáo lo toan không còn cảnh nhăm lẩn, hoặc mất mát. Đặc biệt trong dịp tết Nguyên Đán năm Quý Tỵ, có những hôm số lượng xe máy lên tới cả vạn chiếc nhưng không có trường hợp nào bị nhăm lẩn hay mất mát.

** Ban Y tế*

Ban Y tế do sư cô Thích Nữ Diệu Nhân làm trưởng ban, cùng các Phật tử cộng sự giúp đỡ đại chúng khi yếu đau bằng một số phương pháp: điện châm, bấm huyệt, xông hơi kết hợp với nền y học hiện đại. Ban Y tế luôn tạo điều kiện kết hợp với Bệnh viện quốc tế Việt Nam – Thụy Điển để giải quyết các trường

hợp cấp cứu, hoặc điều trị tại bệnh viện. Ban Y tế đã ân cần chăm bệnh nhân đúng như lời Bác Hồ dạy “Lương y như từ mẫu”. Chính vì sự chu đáo ấy, cho nên những người không may bị bệnh khi được tiếp xúc với Ban Y tế ai ai cũng an tâm, tưởng như mình đã khỏi bệnh.

** Ban lái xe*

Ban lái xe do Phật tử Đức Phúc là trưởng ban luôn luôn thường trực tại chùa. Là người gần gũi thân cận với Thầy trụ trì cũng như quý Thầy. Mỗi khi có việc đột xuất, hoặc làm Phật sự tại các nơi, Đức Phúc đã sẵn sàng làm nhiệm vụ bất chấp thời gian ngày cũng như đêm. Ngoài ra hàng tháng vào các khóa lễ thọ Bát quan trai giới, Tam Quy Ngũ Giới,... Đức Phúc đã đưa đón Phật tử từ đạo tràng về chùa.

** Ban Mộc*

Ban Mộc do chú Trần Việt vừa làm trưởng ban, vừa làm nhân viên. Chú biết rất rõ lý lịch từng cái đơn, từng cái tủ, từng cánh cửa của từng phòng nghỉ trong chùa. Mỗi lần sửa chữa chú đều vui vẻ nhận lời, chưa một lần từ chối.

** Ban Vệ sinh môi trường*

Khách xa gần về chùa sau khi lễ Phật, mỗi lần dạo cảnh quan đường đi, sân Chánh Điện, sân Nhà Tổ, hành lang,... khó mà tìm thấy những rác rưởi vung roi. Những thùng đựng rác cũng sạch bóng như chùi. Đó là nhờ công sức của trưởng ban Vệ sinh môi trường – sư cô Tâm Anh, cùng các sư cô và cư sĩ, những lao động cần mẫn, chu đáo không nề hà:

“Ai về, ai đến, ai đi

Sân chùa, cổng rãnh, đường đi mịn màng

Lòng ơi, lòng những hân hoan

Nhà tu đâu quản thế gian “mỉm cười”.

** Ban Hương đăng*

Các sư cô Diệu Hiền, Tâm Hân, Tâm Châu là những người thay hoa, trang trí các lọ hoa từng ngày như tạo dáng, tạo hồn cho những bông hoa, thành kính dâng cúng Phật. Đó là lòng quy hướng về Đức Từ Phụ của ban Hương đăng.

** Ban nghi lễ*

Ban Nghi lễ do sư ông Bảo Pháp làm trưởng ban, luôn cố gắng sắp xếp lịch hợp lý để đáp ứng kịp thời cho mọi đối tượng xa cũng như gần. Ngoài việc chu tất về các nghi thức lễ, ban còn giáo hóa để giúp cho các gia chủ hiểu, hướng về chánh tín và tăng trưởng Bồ đề tâm

** Ban đời sống*

Trưởng ban đời sống là sư ông Bảo Tiến – người từng được đào tạo tại Học viện Phật giáo thành phố Hồ Chí Minh. Một trưởng ban trẻ nhưng dí dỏm, rất gần gũi đại chúng. Ông lo lắng làm sao để đáp ứng được đầy đủ cả về vật chất và tinh thần cho mọi người. Đó chính là lý do khiến mọi người luôn tôn kính sư ông.

** Ban Thư ký*

Ban Thư ký thường soạn thảo các công văn, hoặc triển khai các chỉ thị của các cấp chính quyền, tôn giáo. Sư ông Bảo Tú, với tư cách là người chịu trách nhiệm chính trong mảng này luôn phải lo toan việc đối nội, đối ngoại, hòa hợp thấu tình đạt lý.

** Ban Giáo Thọ*

Người chịu trách nhiệm nặng nề của ban Giáo Thọ là sư ông Thích Quảng Ánh – một đồng tu với Thầy Trụ trì học tại Thiền Viện Trúc Lâm Đà Lạt, và các “con lớn” của mình (Bảo Tuệ, Bảo Thành, Bảo Pháp, Bảo Tiến, Bảo Thắng, Bảo Việt). Ban luôn cố gắng lắng nghe những tâm tư nguyện vọng trong tăng đoàn để trình lên Thầy Trụ trì, để có chương trình học và hành cụ thể trong từng giai đoạn, thích hợp với từng hoàn cảnh.

** Ban Thư viện*

Kiến thức của nhân loại mênh mông như đại dương mà kiến thức của chúng ta chỉ là giọt nước trong đại dương ấy. Muốn giọt nước của mỗi cá nhân được hòa nhập trong biển cả, loài người đã đúc kết trong quá trình lịch sử thành những bài học. Mỗi người muốn phát triển trí tuệ, ngoài học tập tại trường, ngoài xã hội, một kiến thức có sẵn trong sách vở, đó là Thư viện chùa.

Sư ông Trí Tấn là người được giao trọng trách quản lý “kho tàng tri thức” – một một lão thành vừa uyên thâm về đời ở tuổi 80, vừa uyên thâm về đạo, tuy già nhưng trí tuệ rất trẻ với trách nhiệm trưởng ban Thư viện.

Sự hoạt động của các ban tuy khác nhau về việc làm nhưng lại chung một mục đích: đó là Tăng đoàn hòa hợp, thanh tịnh. Sự hòa hợp với ý nghĩa sâu sắc mà Đức Phật đã dạy.

Sự hoạt động của chùa Ba Vàng là sự đồng nhất giữa kho học và giáo lý Phật Đà. “Nếu có một tôn giáo nào đồng hành được với khoa học hiện đại, thì đó sẽ là Phật giáo. Phật giáo không cần xét lại quan điểm của mình để cập nhật hóa những khám phá khoa học mới của khoa học. Phật giáo không cần phải từ bỏ những quan điểm của mình theo xu hướng khoa học vì Phật giáo bao trùm cả khoa học cũng như vượt qua khoa học. Tột đỉnh của khoa học chỉ là bước đầu của Phật pháp” (Albert Einstein) và động lực của hoạt động Phật sự chính là do một nhà khoa học sáng lập. Một nhà tu hành, một Thiền Tăng, một bậc minh sư, một người Thầy vô cùng khả kính: Đại Đức Thích Trúc Thái Minh.

Tuy nhiên, hoạt động của bộ phận thuyết minh viên tại điểm chưa được diễn ra. Nhưng trong thời gian tới thì cơ cấu tổ chức của chùa Ba Vàng sẽ đi vào hoạt động có quy mô hơn khi chương trình được hoàn tất. Với công tác quản lý ngày càng chặt chẽ, khoa học, sự đầu tư đúng hướng, có trọng điểm và thiện chí xúc tiến đầu tư của thành phố Uông Bí. Những động thái tích cực này sẽ thúc đẩy khả năng khai thác các giá trị của chùa Ba Vàng phát triển và trở thành điểm du lịch văn hóa lớn của thành phố Uông Bí nói riêng và của cả nước nói chung.

2.5. Đánh giá chung

2.5.1. Thuận lợi

Khu di tích chùa Ba Vàng là một trong những dự án đang khai thác với tiềm năng du lịch của thành phố Uông Bí tỉnh Quảng Ninh cộng thêm những lợi thế góp phần thúc đẩy việc khai thác đạt được những hiệu quả. Trước hết phải kể đến hệ thống khách sạn, nhà hàng, cơ sở hạ tầng tiên tiến, đa dạng, nhiều thành phần, đáp ứng được khả năng kinh doanh có chất lượng và hiệu quả, phục vụ nhu cầu ăn uống, nghỉ ngơi của du khách và các nhu cầu khác. Mặc dù mới

được khánh thành và đưa vào khai thác nhưng chùa Ba Vàng cũng có khá nhiều thuận lợi cả về mặt chủ quan lẫn khách quan.

Với vị trí địa lý cách đường quốc lộ 18A đi Hạ Long – Móng Cái khoảng 45km và cách khu du lịch sinh thái Lũng Xanh 1km, tính chất liên vùng cũng tạo điều kiện thuận lợi cho việc thực hiện các tour du lịch từ các tỉnh thành, tạo ra sự đa dạng và phong phú của sản phẩm du lịch như các chương trình tìm về cội nguồn văn hóa, các tour du lịch tâm linh, lễ hội,... không những thu hút được khách du lịch trong nước mà còn thu hút đông đảo được du khách nước ngoài đối với chùa Ba Vàng nói riêng và thành phố Uông Bí nói chung.

Trong những năm gần đây, nhờ chính sách đổi mới, mở cửa của Đảng và Nhà nước, tạo điều kiện cho ngành du lịch phát triển. Cấp nguồn vốn đầu tư, tôn tạo di tích, tổ chức nhiều chương trình hoạt động có lợi cho du lịch phát triển cũng như tạo điều kiện cho việc xuất nhập cảnh cho khách du lịch nước ngoài đến tham quan, tìm hiểu nét văn hóa, lịch sử của nước nhà. Đặc biệt trong thời gian vừa qua đã diễn ra hội nghị Quốc tế du lịch tâm linh vì sự phát triển bền vững. Ông Nguyễn Văn Tuấn – Tổng cục trưởng Tổng cục Du lịch Việt Nam đã nói: *“Du lịch tâm linh ngày càng được xã hội tiếp cận và nhìn nhận tích cực cả về khía cạnh kinh tế và xã hội. Nhà nước ngày càng quan tâm hơn đối với sự phát triển của du lịch tâm linh và coi đó là một trong những giải pháp đáp ứng đời sống tinh thần cho nhân dân. Điều này cho thấy du lịch tâm linh đang được quan tâm một cách đáng kể, góp phần vào việc bảo tồn, tôn vinh những giá trị truyền thống, suy tôn những giá trị nhân văn cao cả”*. Bắt nhịp với sự phát triển đó, dưới sự chỉ đạo của Tỉnh ủy, Ủy ban Nhân dân tỉnh, du lịch Quảng Ninh nói chung và thành phố Uông Bí nói riêng đã tập trung khai thác, xây dựng, tu bổ các công trình kiến trúc phục vụ cho phát triển du lịch tâm linh, du lịch văn hóa và đạt được những thành tựu đáng kể. Có thể thấy kinh tế của thành phố Uông Bí đã và đang phát triển không ngừng đúng với định hướng phát triển của thành phố đã đề ra. Sự hội nhập kinh tế với các nước tiên tiến cũng làm thay đổi tư duy của người Việt trong việc chú trọng phát triển du lịch đặc biệt là du lịch văn hóa.

Tình hình kinh tế ổn định cũng là điều kiện phát triển du lịch của khu di tích chùa Ba Vàng, tuy mới được xây dựng và chưa thực sự đi sâu vào khai thác nhưng đây là một công trình mới mẻ mang yếu tố tâm linh, có giá trị văn hóa lớn lao của dân tộc. Đây cũng là một công trình kiến trúc hoành tráng, là một sản phẩm du lịch hoàn toàn mới, khởi sắc của du lịch văn hóa của thành phố Uông Bí và du lịch cả nước.

Không chỉ có thế, thuận lợi hơn nữa khi thành phố Uông Bí còn nằm ở vị trí thuận lợi lưu thông, tiêu thụ hàng hóa với các địa phương trong cả nước, hệ thống giao thông, đường bộ, đường sắt và đường thủy hết sức thuận lợi và đảm bảo. Các tuyến đường vào khu vực chùa Ba Vàng được quy hoạch, xây dựng tạo điều kiện cho khách đến tham quan du lịch.

Sự quan tâm của các cấp, các ngành, nhân dân địa phương cũng là một trong những yếu tố hết sức quan trọng đối với việc khai thác các giá trị chùa Ba Vàng trong phục vụ du lịch. Có thể nói, đây chính là tiền đề tạo sức hút cho du khách khi tới tham quan, nghiên cứu về chùa Ba Vàng.

2.5.2. Khó khăn

Với những điều kiện thuận lợi trên thì việc khai thác các giá trị chùa Ba Vàng phục vụ phát triển du lịch văn hóa còn nhiều hạn chế. Do công trình đang trong thời kỳ xây dựng thêm một số hạng mục nên các nguyên vật liệu xây dựng, ráo tiếp còn ngổn ngang, gây mất cảnh quan. Một số công trình còn dang dở, khó khăn trong việc tham quan, tìm hiểu của du khách.

Do nằm trên núi nên các cơ sở phục vụ ăn nghỉ, nhà hàng, các dịch vụ phục vụ cho khách du lịch vẫn còn hạn chế, manh mún, nhỏ lẻ chưa đáp ứng được nhu cầu của du khách. Cách phục vụ cũng gặp khó khăn do có một số người lao động chưa có trình độ chuyên môn nghiệp vụ. Đồng thời, do mới được đưa vào khai thác nên cơ cấu tổ chức còn nhiều thiếu sót và hạn chế, chưa có đội ngũ thuyết minh viên tại điểm, vấn đề quảng bá hình ảnh trên thị trường còn ít, vì thế vẫn chưa thu hút được nhiều khách du lịch, đặc biệt là khách du lịch quốc tế.

Tiểu kết chương 2

Chùa Ba Vàng – điểm đến hấp dẫn của du lịch văn hóa, sinh thái, tâm linh. Với hơn 2000 năm lịch sử Phật giáo đã đồng hành cùng sự thăng trầm của dân tộc, những tinh túy của đạo Phật đã trở thành nét sinh hoạt văn hóa, tâm linh cao quý của người dân đất Việt. Hình bóng của các ngôi chùa trang nghiêm, hiện hữu khắp nơi trên mọi miền Tổ quốc. Chúng ta thật thân quen với hình ảnh những người Phật tử đi chùa lễ Phật cầu mong sự bình an cho gia đình, hay vào các dịp lễ, tết, các vị sư cầu quốc thái dân an. Khi nhắc tới đất nước Việt Nam, một số ngôi chùa nổi tiếng đã gắn liền với lịch sử nước nhà như Chùa Dâu, chùa Một Cột, chùa Yên Tử, chùa Hương,... Mọi người biết đến các ngôi chùa Ba Vàng không phải ở sự lâu đời của nó mà còn ở sự tinh tế trong kiến trúc, sự trang nghiêm trong nét văn hóa tâm linh. Cách đây 5 năm về trước, một ngôi chùa nhỏ đã có mặt từ rất lâu đời ở thị xã Uông Bí nay là thành phố Uông Bí, đó là chùa Ba Vàng, ngôi chùa này tuy rất nhỏ nhưng rất hấp dẫn bởi cảnh quan hữu tình, lên thơ và sự linh thiêng của nó. Hiện nay, ngôi chùa đã được xây dựng lại rất khang trang và bề thế, trở thành điểm đến du lịch văn hóa thu hút được nhiều du khách tới tham quan, lễ Phật.

Chùa Ba Vàng không những là nơi hội tụ tâm linh, mà còn là nơi sơn thủy hữu tình, một khu sinh thái có khí hậu bình hòa, nhân khang vật thịnh; là thắng duyên trên con đường tác tu giác ngộ, giải thoát:

“Ai về ngắm cảnh nơi đây

Long châu, Hồ phục, Bạch Đằng mênh mông

Là nơi hội tụ duyên lành

An vui tự tại, đắc thành quả tu”.

Du khách Phật tử gần xa dù chỉ một lần chiêm bái Bảo Quang tự, dù chỉ một lần dừng chân thả hồn theo trời non xanh nước biếc, đồi núi trập trùng, thông reo, suối lượn,... khó mà dứt áo ra đi. Dù có đi cũng để lại biết bao bịn rịn, đầy lưu luyến mà hẹn ngày tái ngộ.

CHƯƠNG 3:

ĐỊNH HƯỚNG VÀ GIẢI PHÁP KHAI THÁC CÁC GIÁ TRỊ CỦA CHÙA BA VÀNG PHỤC VỤ PHÁT TRIỂN DU LỊCH VĂN HÓA

3.1. Định hướng phát triển du lịch văn hóa thành phố Uông Bí nói chung và chùa Ba Vàng nói riêng

3.1.1. Đối với Ủy ban Nhân dân thành phố Uông Bí – tỉnh Quảng Ninh

Theo số liệu thống kê của Sở Văn hóa và Du lịch, hiện nay Quảng Ninh đang sở hữu 600 di tích lịch sử văn hóa các loại. Trong đó, có rất nhiều di tích lịch sử là những điểm đến du lịch văn hóa thu hút đông đảo được du khách như Đền Cửa Ông (thị xã Cẩm Phả), chùa Long Tiên, đền Đức ông Trần Quốc Nghiễn (thành phố Hạ Long), chùa Cái Bầu, Thiền Viện Trúc Lâm Giác Tâm (huyện Vân Đồn). Nét nổi bật hơn cả là khu di tích lịch sử Yên Tử – một điểm đến văn hóa, tâm linh nổi tiếng không chỉ trong nước mà còn ra cả nước ngoài. Đặc biệt gần đây nhất chính quyền thành phố Uông Bí đã xây dựng chùa Ba Vàng và được nhận kỷ lục “Ngôi chùa có chính điện lớn nhất tại Việt Nam”, trong tương lai không xa chùa Ba Vàng chắc chắn sẽ trở thành điểm đến của du lịch văn hóa, hấp dẫn du khách. Với công tác tổ chức, vệ sinh môi trường và an ninh trật tự, đảm bảo tốt nhất từ khi khánh thành tới nay, số lượng khách hành hương đến chùa Ba Vàng khá đông. Chùa Ba Vàng thành phố Uông Bí là một trong những công trình được trùng tu, xây dựng, tôn tạo để phát huy thế mạnh về du lịch văn hóa. Trong những năm gần đây, bằng những nguồn vốn từ ngân sách, xã hội hóa, nhiều hạng mục, công trình của các di tích trên địa bàn đã được trùng tu, tôn tạo ngày càng khang trang. Bên cạnh đó, để phát triển kết cấu hạ tầng phục vụ cho hoạt động du lịch, thành phố Uông Bí đã chú trọng tới việc đầu tư, nâng cấp các tuyến đường giao thông dẫn vào các khu di tích, tạo điều kiện cho người dân địa phương và du khách đi lại dễ dàng hơn. Phát triển du lịch văn hóa cũng là một trong những hướng đi chính của du lịch thành phố Uông Bí nói riêng và tỉnh Quảng Ninh nói chung.

Theo các công ty lữ hành, trong các loại hình du lịch, du lịch văn hóa hiện đang là một xu hướng phát triển mới của công ty lữ hành hướng đến phục vụ

nhu cầu khách tham quan. Du lịch văn hóa thường gắn với lịch sử dân tộc, gắn với đức tin và hướng thiện, đây là loại hình du lịch hướng con người tới những điều tốt lành. Việc phát triển du lịch văn hóa góp phần thúc đẩy giao lưu văn hóa, hiểu biết lẫn nhau giữa các dân tộc, mở ra cơ hội hợp tác, góp phần quan trọng trong tạo việc làm, tăng thu nhập cho người dân địa phương. Tuy nhiên trong quá trình phát triển, một trong những hạn chế của du lịch văn hóa là mới chỉ thu hút được khách nội địa, chưa hấp dẫn được khách quốc tế. Bên cạnh đó, thời gian lưu trú của bình quân của du khách đến các điểm du lịch văn hóa còn ngắn, khách chỉ lưu trú lại vài giờ. Thêm nữa, thời gian đi du lịch văn hóa của du khách cũng không đều đặn mà thường chỉ tập trung đông vào các dịp mùa xuân và thời điểm diễn ra lễ hội trong năm. Chính vì vậy, để phát triển du lịch văn hóa thì thành phố Uông Bí cần định ra được các hướng phát triển:

a) Đầu tư, nâng cấp cơ sở hạ tầng, cơ sở hạ tầng phục vụ du lịch văn hóa

- Cơ sở hạ tầng nói chung có vai trò đặc biệt quan trọng trong quá trình tạo và thực hiện sản phẩm du lịch cũng như quyết định mức độ khai thác các tiềm năng du lịch nhằm thỏa mãn nhu cầu của khách du lịch. Chính vì vai trò quan trọng như vậy nên sự phát triển của ngành du lịch nói chung và du lịch văn hóa nói riêng bao giờ cũng gắn liền với việc xây dựng, nâng cấp và hoàn thiện cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật.

- Trước hết cần đảm bảo vấn đề ăn nghỉ cho khách du lịch. Vì vậy cần phải bước đầu tiên xây dựng tại nơi đây là nhà nghỉ, nhà hàng,... là cơ sở để giải quyết vấn đề trên cho du khách.

- Để hoạt động du lịch được phong phú, sôi nổi cần xây dựng các cửa hàng giới thiệu và kinh doanh các sản phẩm đặc trưng của địa phương, vừa đáp ứng nhu cầu mua sắm của du khách, vừa đem lại nguồn thu nhập cho người dân địa phương.

- Đảm bảo vấn đề điện, nước, thông tin liên lạc một cách tốt nhất cho du khách.

b) Nâng cao hơn nữa nhận thức cho người dân

- Đối với người dân địa phương cần tuyên truyền, quảng bá cho họ nhận thức được ý nghĩa của hoạt động du lịch văn hóa và nguồn lợi mà du lịch văn hóa mang lại, từ đó động viên cộng đồng dân cư địa phương tự nguyện tham gia vào hoạt động du lịch phát triển.

- Giải quyết tốt vấn đề phúc lợi cho người dân, từ đó giúp họ ý thức bảo tồn giá trị văn hóa truyền thống và xây dựng nếp sống văn hóa địa phương.

- Đối với khách du lịch: Việc nâng cao ý thức bảo tồn giá trị nguồn tài nguyên di sản văn hóa của dân tộc cho du khách rất cần tới vai trò của người thuyết minh viên và cán bộ quản lý di tích. Ngoài ra cũng cần có những biển cảnh báo cho khách du lịch nhằm tăng thêm ý thức bảo tồn nguồn tài sản văn hóa chung. Đó chính là miếu tiêu của xu hướng du lịch bền vững.

c) Các định hướng khác

Cần khai thác tốt tài nguyên du lịch văn hóa của Quảng Ninh nói chung và của thành phố Uông Bí nói riêng. Muốn vậy cần phải quy hoạch tổng thể phát triển du lịch văn hóa Uông Bí một cách có hiệu quả.

- Trên cơ sở khảo sát chất lượng sản phẩm du lịch văn hóa cần tăng cường phối hợp liên ngành, liên vùng nhằm phát triển hạ tầng du lịch, xây dựng các sản phẩm du lịch mới lạ, chất lượng cao, tổ chức các sự kiện du lịch, các hội nghị, hội thảo,... tăng cường thu hút khách du lịch quốc tế.

- Tăng cường đầu tư cơ sở hạ tầng đồng bộ với đầu tư bảo tồn, tôn tạo và khai thác các giá trị của di tích, di sản văn hóa theo phương châm phát triển du lịch trên nền tảng phát triển văn hóa.

- Thực hiện phân cấp quản lý nguồn tài nguyên du lịch, trước hết huy động các thành phần kinh tế tích cực tham gia đóng góp công sức, tiền của chủ yếu cho việc bảo tồn, tôn tạo các di tích lịch sử văn hóa và để có thể khai thác chúng một cách có hiệu quả phục vụ cho du lịch văn hóa phát triển, bảo vệ tài nguyên môi trường du lịch và tổ chức các hoạt động kinh doanh dịch vụ văn hóa phục vụ cho phát triển du lịch.

3.1.2. Đối với Ủy ban Nhân dân huyện, chính quyền địa phương và ban quản lý di tích chùa Ba Vàng

- Ban hành quy định về quản lý, khai thác các giá trị lịch sử văn hóa của chùa Ba Vàng cho phát triển du lịch văn hóa.
- Ban hành các chính sách ưu đãi, khuyến khích thu hút đầu tư, xây dựng cơ sở hạ tầng, cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ khách du lịch.
- Phối hợp chặt chẽ với Ủy ban Nhân dân tỉnh khôi phục lại những giá trị truyền thống, những lễ hội đặc sắc, những trò chơi dân gian,...
- Xây dựng chùa Ba Vàng thành điểm du lịch “phi thương mại”:

Xuất phát từ mong muốn bài trừ mê tín, dị đoan, xóa bỏ những tệ nạn buôn bán, ăn xin, cờ bạc... “nhốn nháo” nơi cửa Chùa linh thiêng, ban lãnh đạo nhà chùa đã quyết liệt xây dựng một điểm đến du lịch, tu hành “phi thương mại”. Từ đường vào đến cổng chùa đều thể hiện sự trang nghiêm, uy nghi không có bất kỳ một hàng quán nào kinh doanh hay hoạt động xô bồ nào nơi cửa Phật...

Khách thập phương khi đến chùa sẽ được đãi cơm chay, ăn nghỉ miễn phí tại chùa, các vật phẩm cúng dường cũng được nhà chùa chuẩn bị với tinh thần tùy tâm không bán. Việc kinh doanh duy nhất được cho phép tại Chùa là chụp ảnh (nhằm phục vụ nhu cầu lưu giữ lại hình ảnh của khách thập phương) nhưng các thợ ảnh phải đăng ký hoạt động và giá tiền với ban quản lý để được cấp thẻ và hoạt động theo đúng sự quản lý của nhà Chùa.

Theo Đại đức Thích Trúc Thái Minh, chùa Ba Vàng còn nhiều việc phải làm, công trình mới chỉ hoàn thành ở giai đoạn đầu với tổng chi phí do nhân dân và các doanh nghiệp công đức lên tới gần 500 tỷ đồng. Trong 2 – 3 năm tới, chùa Ba Vàng mới hoàn thành các hạng mục. Tuy nhiên, ngay từ khi những ngày đầu xây dựng nhà chùa mong muốn đây sẽ là điểm tu hành, truyền bá chính đạo, bài trừ mê tín dị đoan, tổ chức các hoạt động thiện nguyện, đào tạo tu dưỡng đức – trí cho tăng ni Phật tử cả nước. Bởi vậy, dù người có đông cũng không xảy ra tình trạng xô bồ, hàng quán lộn xộn, làm mất mỹ quan nơi cửa

chùa. Nhà chùa đãi cơm chay, nghỉ miễn phí đảm bảo cho các phật tử gần xa khi đến chùa yên tâm thưởng ngoạn, văn cảnh chùa.

Hàng năm vào 9/9 âm lịch, chùa tổ chức lễ hội Hoa cúc (tết Trùng dương), lễ hội truyền thống lâu đời mang ý nghĩa của sự trường thọ, thanh liêm, chính trực, đại diện cho nhà Phật. Từ các đại lễ lớn như xuất gia, lễ Phật Đản, Vu Lan, lễ giỗ Tổ Sư đến các nghi lễ nhỏ, đời thường như lễ Hằng Thuận,... cũng được tổ chức một cách trang nghiêm.

Đại đức Thích Trúc Thái Minh chia sẻ: Chùa Ba Vàng không chỉ là nơi tôn nghiêm, tổ chức các hoạt động mang tính truyền giáo của nhà Phật mà còn tổ chức các nghi lễ đời thường gần gũi với các Phật tử, trong đó có lễ Hằng Thuận (đám cưới) cho con cháu Phật tử. Điều đó cho thấy giới trẻ hiện nay có cái nhìn về đời sống tâm linh sâu sắc chứ không hời hợt như ta tưởng. Đối với nhà chùa, lễ Hằng Thuận có một ý nghĩa giáo dục cao cả, các bạn trẻ được dâng hương lễ Phật, bày tỏ nỗi lòng tri ân của mình đối với công lao giáo dưỡng song thân, là cơ hội để các bạn được thể hiện sự kính trọng và tình yêu thương dành cho nhau trọn đời.

3.2. Một số giải pháp để khai thác các giá trị của chùa Ba Vàng phục vụ phát triển du lịch văn hóa

3.2.1. *Đẩy mạnh và hoàn thiện nội dung, quy hoạch, kiến trúc xây dựng*

Chùa Ba Vàng là một công trình mới xây dựng và hiện tại đang thu hút được khá nhiều khách du lịch trong nước cũng như quốc tế tới thăm. Tuy nhiên việc chưa hoàn thiện các nội dung quy hoạch các hạng mục công trình kiến trúc có thể gây ảnh hưởng tới môi trường, tiếng ồn cũng như tính mạng của khách du lịch. Vì vậy, việc đẩy nhanh tiến độ hoàn thiện các công trình là một việc hết sức cần thiết để đảm bảo cảnh quan về tự nhiên, môi trường cũng như phục vụ tốt hơn cho các chương trình du lịch, tạo điều kiện thuận lợi cho khách du lịch khi tới thăm chùa. Để làm được điều đó thì đẩy nhanh tiến độ thi công cũng như tăng cường, nhưng vẫn đảm bảo đi đúng hướng, không được làm qua loa cho xong chuyện làm ảnh hưởng đến chất lượng của công trình gây mất mỹ quan.

Hơn nữa cần phải có kế hoạch giám sát cũng như chính sách khuyến khích, ưu đãi người lao động...

Việc hoàn thiện các hạng mục công trình kiến trúc nhằm nhanh chóng khai thác và phục vụ du lịch một cách tối đa nhất đặc biệt là khai thác loại hình tôn giáo, tâm linh. Điều này rất phù hợp với những đặc điểm thực tế của chùa Ba Vàng. Khai thác các nghi thức, nghi lễ Phật Giáo với việc phục vụ du lịch như nghi thức Cầu An, nghi lễ Cầu Siêu, nghi thức Vu Lan, đón Giao Thừa, hay tham dự những buổi thuyết giảng, nghe giảng đạo của trụ trì... kết hợp với văn hóa Phật Giáo như ăn chay, âm nhạc. Tới đây du khách được hòa mình trong không khí thiêng liêng của nền văn hóa mang đậm bản sắc của dân tộc mình – một sự trải nghiệm tuyệt vời hướng người ta đến với các giá trị Chân – Thiện – Mỹ. Hoặc có thể khai thác loại hình du lịch Thiền ngay tại chùa bằng cách mở những khóa tu ngồi Thiền – đây là một phương pháp tập trung tinh thần, tìm lại sự bình yên, thanh thản trong tâm hồn. Ngoài ra du khách có thể tham gia thực hiện các nghi thức ăn chay – đây là một loại thuốc chữa bệnh, kéo dài tuổi thọ, giúp rèn luyện sức khỏe và cũng là cơ hội để thưởng thức ẩm thực chay. Tại chùa Ba Vàng, khi du khách tới đây sẽ được thưởng thức các món ăn chay như: Canh chua chay Hy Vọng, Canh chua chay Hồng Hương, Canh chua bầu nam việt quất chay, canh cà rốt khoai tây, canh bồ dưỡng, canh bột mì chay, canh bí đỏ, canh bí đao, cải chua kho, cải xào thập cẩm chay, cà tím kho tiêu, đậu hũ... Có thể nói ẩm thực chay ở đây rất phong phú và đa dạng, hấp dẫn được nhiều du khách khi tới văn cảnh chùa.

3.2.2. Tuyên truyền, quảng bá trong phát triển du lịch

Ngày nay, không riêng gì hoạt động du lịch, công tác tuyên truyền, quảng bá đã trở thành một công cụ sắc bén, không thể thiếu được đối với tất cả các ngành dịch vụ. Trong du lịch, việc tuyên truyền, quảng bá hình ảnh du lịch tại mỗi điểm di tích được xem là phương pháp hữu hiệu tạo nên sức hấp dẫn với du khách.

Di tích chùa Ba Vàng là một công trình kiến trúc hoàn toàn mới lạ, mới được khánh thành vào ngày 9/3/2014 nên để thu hút được nguồn khách tới đây

ngày một đông thì việc tuyên truyền quảng bá là hoạt động thiết thực và vô cùng quan trọng, nhưng việc thực hiện đòi hỏi phải có chiến lược kỹ càng, thực sự phù hợp và hiệu quả. Để làm được điều này cần chú ý đến tính chuyên môn nghiệp vụ trong hoạt động quảng bá để làm nổi bật các giá trị độc đáo của di tích, thu hút được du khách tới thăm. Việc tuyên truyền, quảng bá không chỉ chú trọng vào các công trình kiến trúc mà còn chú trọng tới các yếu tố văn hóa lịch sử để tạo nên sự phong phú cho điểm di tích.

Hoạt động tuyên truyền, quảng bá còn được thể hiện ở việc sử dụng các phương pháp truyền thông và hiện đại. Biển quảng cáo, biển chỉ dẫn, tờ rơi, tập gấp, sách báo,... các công cụ này phải được thiết kế đẹp mắt, chuyên nghiệp, thông tin ngắn gọn, có ấn tượng, được phát hành miễn phí với số lượng lớn. Các phương tiện thông tin đại chúng như raddio, đài truyền hình, báo chí cũng cần được chú trọng đầu tư. Quan trọng hơn cả là cần tạo ra phương thức tiếp thị mới có tính sáng tạo và hấp dẫn khách du lịch.

Một phương pháp được coi là mang tính hiện đại và mang tính chất phổ biến là quảng cáo du lịch trên internet. Đây là một phương tính truyền thông có sức mạnh ảnh hưởng lớn trong quần chúng, phổ biến và có sức lan tỏa nhanh. Trong thời buổi công nghệ hiện nay thì phương pháp giới thiệu, chào bán trên mạng xã hội là cách thức quảng bá hữu hiệu nhất và mang lại hiệu quả cao.

Việc nghiên cứu thị trường khách tiềm năng và khách mục tiêu, giúp cho việc đưa ra các chiến lược quảng cáo nhằm thu hút đông đảo số lượng khách trong nước và khách quốc tế. Hiện nay, theo khảo sát cho thấy nguồn khách đến, chủ yếu là theo mục đích tôn giáo và tâm linh vì thế cần tập trung tuyên truyền, quảng bá hơn nữa về hình ảnh và các giá trị tôn giáo, tâm linh của di tích chùa Ba Vàng. Đồng thời cần phải nghiên cứu tâm lý loại khách này để có những chiến lược cũng như có những cách thức phục vụ hợp lý tạo ra sự hài lòng khó quên cho du khách khi tới đây, như phục vụ cơm chay, chuẩn bị sẵn đồ cúng cho khách lên chùa, nhiệt tình tiếp đón... Hơn thế cần phải tác động vào tâm lý khách bằng các hoạt động như tặng những món quà lưu niệm nhỏ: sách giới thiệu về Chùa, những tấm ảnh về di tích hoặc đĩa CD giới thiệu về Chùa... Với

những món quà tượng chừng nhỏ thui, mang tính tượng trưng nhưng nó lại gây ấn tượng lớn cho du khách khi tới đây. Hình ảnh của Chùa cũng từ đó được tuyên truyền, giới thiệu nhiều người biết tới. Đây cũng có thể coi là một yếu tố quan trọng nằm trong chiến lược quảng bá hình ảnh và nghiên cứu thị trường.

Hoạt động thị trường, quảng bá du lịch cũng có thể thực hiện bằng cách thông qua các văn phòng đại diện trong nước và ngoài nước. Thông qua việc mở rộng các lễ hội lớn hoặc tổ chức các sự kiện. Đây là cách nhiều tỉnh, địa phương đã thực hiện và mang lại kết quả. Ngoài ra có thể liên hệ với các công ty du lịch để tổ chức các tour du lịch để đưa điểm du lịch này vào chương trình du lịch.

Các cấp, các ngành có liên quan cần kết hợp chặt chẽ với nhau để đưa hình ảnh chùa Ba Vàng vào chiến dịch quảng cáo du lịch của thành phố Uông Bí và tỉnh Quảng Ninh để thu hút sự quan tâm, chú ý của khách thập phương đối với chùa Ba Vàng mỗi khi tới đây.

Hiện nay, chùa Ba Vàng đã lập một trang web riêng để giới thiệu và cung cấp các thông tin cho du khách. Nếu du khách muốn tìm hiểu có thể truy cập trang website: www.chuabavang.com.vn, hay gửi những thắc mắc qua Email: chuabavang@gmail.com hoặc gọi điện trực tiếp qua số điện thoại: 0333.566.565 – 0333.707.295.

3.2.3. Xây dựng cơ sở hạ tầng, vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch

Muốn du lịch thực sự phát triển ở chùa Ba Vàng, với công tác tuyên truyền, quảng bá cần đẩy mạnh cơ sở vật chất kỹ thuật phục vụ du lịch, trước hết cần phải đảm bảo vấn đề ăn ở cho du khách khi đến chùa Ba Vàng.

- Việc xây dựng các nhà nghỉ với các trang thiết bị hiện đại, thiết kế theo phong cảnh hài hòa với môi trường và cảnh quan thiên nhiên sẽ đem lại cảm giác thú vị và thoải mái cho du khách.

- Hiện nay, đời sống nhân dân ngày càng nâng cao, các ngôi nhà cao tầng mọc lên ngày càng nhiều. Nếu phát triển du lịch đây sẽ là cơ sở thuận lợi cho việc giải quyết vấn đề lưu trú của khách du lịch.

- Cần xây dựng thêm một số khu vui chơi giải trí để có thể giữ chân du khách lâu hơn.

- Cần đảm bảo diện tích bãi đỗ xe hợp lý, không gây ô nhiễm môi trường sống và sinh hoạt của người dân địa phương.
- Cần xây dựng hệ thống các nhà hàng phục vụ ăn uống của du khách, đảm bảo tốt công tác vệ sinh, an toàn thực phẩm.
- Để hoạt động du lịch được phong phú, cần xây dựng thêm cửa hàng giới thiệu và trưng bày sản phẩm đặc trưng, vừa đáp ứng được nhu cầu mua sắm của du khách, vừa đem lại nguồn thu nhập cho người dân địa phương.
- Đảm bảo vấn đề về điện, nước, thông tin liên lạc một cách tốt nhất cho khách du lịch.

Quá trình xây dựng cơ sở vật chất kĩ thuật cần phải được tiến hành theo định hướng quy hoạch hợp lý, không gây ảnh hưởng xấu đến môi trường tự nhiên và xã hội của thành phố, vừa có ý nghĩa thúc đẩy kinh tế phát triển.

3.2.4. Hoàn thiện cơ cấu tổ chức quản lý

Công tác quản lý đóng vai trò quan trọng trong hoạt động du lịch. Công tác này đảm bảo cho sự đúng đắn, thông suốt và hiệu quả của hoạt động du lịch. Việc hoàn thiện cơ cấu tổ chức quản lý sẽ quy định rất nhiều tới việc khai thác các giá trị phục vụ du lịch và việc bảo tồn, giữ gìn các di tích. Đây là một công việc đòi hỏi sự quy hoạch chi tiết, khi công tác này bị lơ lửng và không đi đúng hướng sẽ để lại hậu quả rất lớn khiến cho di tích này bị mất đi giá trị, bản sắc vốn có và không còn sức hút đối với du khách. Một điểm du lịch cần được phát triển theo hướng bền vững. Song nó thực sự bền vững hay không phụ thuộc rất nhiều vào công tác quản lý. Với vị trí và vai trò như vậy, công tác quản lý cần được đặt lên hàng đầu và luôn hoạt động có hiệu quả trong công tác tổ chức quản lý, ở đây cần có những biện pháp hợp lý và cụ thể.

Chùa Ba Vàng hiện nay là một công trình chưa hoàn thiện, một số hạng mục vẫn đang trong quá trình xây dựng, vì thế bộ máy cơ cấu tổ chức quản lý chưa thực sự hiệu quả. Hy vọng rằng khi đã hoàn tất về nội dung công trình kiến trúc thì di tích chùa Ba Vàng sẽ có một cơ cấu hoạt động quản lý hoàn thiện hơn để điều hành một cách hiệu quả. Mặc dù mới được xây dựng nhưng chùa Ba Vàng là di tích có nhiều giá trị văn hóa, lịch sử, tâm linh, có ý nghĩa rất lớn

trong công tác nghiên cứu, lịch sử, kiến trúc, tôn giáo. Do vậy, không thể xem nhẹ công tác quản lý khiến di tích bị mai một đối với tác động của thời gian và chính con người.

3.2.5. Đào tạo nguồn nhân lực

Để nâng cao hiệu quả việc khai thác các giá trị lịch sử, văn hóa, kiến trúc của chùa Ba Vàng trong hoạt động du lịch thì vấn đề đào tạo nguồn nhân lực là yếu tố quan trọng. Do vậy, cần khẩn trương đào tạo đội ngũ công nhân viên làm công tác du lịch.

- Tập trung đào tạo kiến thức về quản lý tài nguyên, nhất là tài nguyên nhân văn cho các cán bộ trực tiếp chịu trách nhiệm quản lý di tích tại địa phương.

- Nâng cao nhận thức về quản lý bền vững nói chung, quản lý bền vững về tài nguyên du lịch nói riêng, tuyên truyền hướng dẫn người dân địa phương tham gia vào quá trình phát triển du lịch, bảo vệ tài nguyên du lịch, bảo vệ, trật tự an toàn xã hội, bảo vệ giá trị thẩm mỹ và văn hóa của hoạt động du lịch.

- Chính quyền địa phương nơi có di tích hướng dẫn các hộ dân tham gia vào quá trình hoạt động du lịch như cải tạo nhà, sân, vườn, trồng các cây ăn quả, duy trì nếp sống văn hóa, trước hết là để đón khách du lịch tới tham quan.

- Để hoạt động du lịch diễn ra chuyên nghiệp và đạt hiệu quả cao, cần phải đào tạo đội ngũ thuyết minh viên tại chùa Ba Vàng. Hoạt động này giúp khách có thể hiểu sâu sắc về di tích, đồng thời cũng khiến cho hoạt động du lịch tại đây thêm “không khí”. Con em thành phố Uông Bí chính là nguồn lực dồi dào cho hoạt động này. Vì vậy, cần phải tổ chức tuyên truyền, giảng dạy cho đội ngũ cán bộ công nhân viên hiểu sâu sắc về lịch sử văn hóa cũng như giá trị truyền thống quý báu của di tích chùa Ba Vàng đồng thời tổ chức các lớp đào tạo nghiệp vụ hướng dẫn để họ có thể làm tốt công việc của mình.

3.2.6. Có sự tham gia của cộng đồng địa phương vào hoạt động du lịch.

Ngành du lịch hiện nay đang từng bước phát triển, bên cạnh nhà nước ban hành các chính sách khuyến khích đầu tư thì mọi người dân cũng phải có ý thức

đóng góp nhằm giữ gìn và khai thác các giá trị lịch sử văn hóa nhằm phục vụ cho phát triển du lịch.

- Chính quyền địa phương là những người trực tiếp tiếp xúc với khách đặc biệt là vào lễ hội. Chính quyền và ban quản lý chùa Ba Vàng cần trang bị cho người dân nơi đây những kiến thức cần thiết để họ hiểu về các giá trị lịch sử, văn hóa, kiến trúc của chùa. Tạo cho họ niềm yêu mến, tự hào về di sản văn hóa mà ông cha ta đã để lại. Từ đó, họ ý thức được ý nghĩa, vai trò và tầm quan trọng của việc bảo tồn, phát huy tốt những giá trị đó. Họ sẽ giới thiệu cho du khách những điều họ biết bằng niềm tự hào, trân trọng lớn lao. Và từ đó du khách cũng có ý thức hơn, thêm trân trọng hơn những nét đẹp văn hóa của địa phương cũng như giá trị văn hóa của di sản di tích mà mình được thăm nhận, thưởng thức.

- Tuyên truyền, vận động nhân dân nâng cao ý thức bảo vệ an toàn, tính mạng, tài sản của khách, tạo điều kiện cho các đoàn du lịch đi lại dễ dàng, làm cho khách tin tưởng vào một môi trường du lịch lành mạnh, để lại được nhiều ấn tượng đẹp trong lòng du khách. Xây dựng nếp sống văn minh trong việc giao thiệp với mọi người cũng như đối với du khách ở những nơi công cộng. Xây dựng nếp sống lành mạnh, không làm hủy hoại tới môi trường, tự tiện xả rác nơi công cộng cũng như khu di tích. Bài trừ tệ nạn xã hội, mê tín dị đoan, ăn cắp, ăn xin, tạo ấn tượng xấu đối với khách du lịch.

Tiểu kết chương 3

Với giá trị văn hóa, lịch sử, tâm linh có ý nghĩa vô cùng to lớn của mình, chùa Ba Vàng đang thu hút đông đảo được khách du lịch, giúp cho thế hệ trẻ tìm về được với cội nguồn và bản sắc dân tộc, giáo dục ý thức về giữ gìn và phát huy giá trị mà ông cha ta để lại. Đồng thời, tái hiện lại thế giới tâm linh mà sau này trong tương lai không xa chùa Ba Vàng sẽ trở thành một trong những trung tâm Phật Giáo lớn của cả nước, thể hiện qua các công trình chính, những công trình kiến trúc nguy nga, hoành tráng, cùng với những pho tượng lớn. Hơn thế, đây là nơi tập trung đông đảo các tín đồ cũng như chúng sinh tin tưởng vào sự từ bi của Phật pháp. Được biết đến là ngôi chùa có chính điện lớn nhất Việt Nam,

với nét đẹp kỳ ảo và sự hoành tráng, đồ sộ của các công trình kiến trúc, cảnh quan và môi trường thiên nhiên sẽ là điểm thu hút khách du lịch trong nước và nước ngoài. Là điểm nhấn tạo đà cho du lịch thành phố Uông Bí phát triển theo xu thế của thế giới. Chùa Ba Vàng thực sự là một thế mạnh trong khai thác phát triển du lịch văn hóa của thành phố Uông Bí cần được giữ gìn và khai thác có hiệu quả.

Có thể nói, chùa Ba Vàng là một điểm du lịch văn hóa rất tiềm năng của thành phố Uông Bí. Để khai thác tốt các tiềm năng du lịch này cần phải có sự kết hợp chặt chẽ giữa các cấp chính quyền và nhân dân địa phương. Hơn nữa, trong chiến lược khai thác các giá trị của chùa phục vụ du lịch văn hóa, cần đặc biệt quan tâm đến các biện pháp tu bổ, bảo tồn và bảo vệ di tích. Cùng với đó là các biện pháp đồng bộ để phát triển du lịch góp phần quan trọng vào sự phát triển kinh tế của thành phố Uông Bí nói riêng và của tỉnh Quảng Ninh nói chung, theo hướng công nghiệp hóa – hiện đại hóa nhưng không đánh mất bản sắc quê hương.

KẾT LUẬN

Ngày nay, du lịch văn hóa với hình thức tham quan các di tích lịch sử kết hợp với lễ hội và thăm các làng nghề truyền thống đang phát triển mạnh. Loại hình du lịch này không chỉ có mục đích tham quan các di tích lịch sử văn hóa như đình, chùa, các lễ hội truyền thống, các trò chơi dân gian mà còn có thêm những kiến thức về lịch sử, văn hóa, kiến trúc, môi trường gắn liền với các giai đoạn phát triển của địa phương nói riêng và đất nước nói chung.

Các di tích lịch sử văn hóa, cùng với các phong tục tập quán lễ hội là yếu tố bảo lưu các giá trị truyền thống đã được tích bao đời nay của cộng đồng cư dân Việt. Du lịch văn hóa là loại hình du lịch giúp ôn lại những truyền thống quý báu của quê hương, từ đó có tác dụng giáo dục mọi người hướng về cội nguồn, bồi đắp và phát huy lòng yêu nước, niềm tự hào dân tộc, góp phần quan trọng vào việc bảo tồn các di tích lịch sử, các giá trị truyền thống của dân tộc.

Chùa Ba Vàng được xây dựng lưng chừng núi Thành Đăng, còn gọi là núi Ba Vàng thuộc phường Quang Trung, thành phố Uông Bí, tỉnh Quảng Ninh. Có thể nói, đây là một điểm đến văn hóa, tâm linh mới khá lý tưởng. Du khách đến đây, không chỉ tham quan, ngắm cảnh chùa mà còn được chiêm ngưỡng những kỳ tích của Phật Giáo, được nghe giảng pháp lý về những câu chuyện luân hồi,... Mặc dù vẫn đang trong giai đoạn hoàn thiện nhưng mỗi ngày khu chùa Ba Vàng vẫn đón hàng nghìn lượt du khách tới tham quan. Với tổng diện tích là 123,81 ha, là truyền thừa của phái Trúc Lâm Yên Tử, lại là một khu sinh thái sơn thủy hữu tình, có rừng châu, hồ phục. Chùa Ba Vàng đã trở thành một địa danh lịch sử, văn hóa, tâm linh, sinh thái, hấp dẫn.

Hy vọng rằng trong tương lai với sự vươn mình và trỗi dậy của chùa Ba Vàng, cùng với cơ chế mở cửa của Đảng và Nhà nước, sự hoàn thiện cơ chế và các chính sách, sự đầu tư cho phát triển du lịch,... chùa Ba Vàng sẽ làm nên những kỷ lục khác của Việt Nam trong ngành du lịch nước nhà và tiên bước cùng thế giới.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Trần Thúy Anh (2011), *Du lịch văn hóa*, Nhà XB Giáo dục Việt Nam.
2. Đặng Văn Bài (2008), “*Vài vấn đề về bảo vệ và phát huy giá trị các di tích lưu niệm danh nhân*” (trong “*Một con đường tiếp nhận di sản Văn hóa*”, tập 4 - Cục Di sản Văn hóa).
3. Vũ Thế Bình (2008), “*Một số vấn đề về du lịch văn hóa ở Việt Nam*”, (trong “*Một con đường tiếp cận di sản*”) Cục Di sản Văn hóa.
4. Đoàn Văn Cương (2010), *Tạp chí du lịch Việt Nam* tháng 1.
5. Nguyễn Văn Mạnh, Phạm Hồng Chương (2006), *Quản trị kinh doanh lễ hành*, Nhà XB Trường ĐH kinh tế quốc dân.
6. Quốc hội nước CHXHCN Việt Nam (2005), *Luật du lịch*, NXB Chính trị Quốc gia.
7. Trần Đức Thanh (2003), *Nhập môn khoa học du lịch*, Nhà XB Đại học Quốc gia Hà Nội.
8. Bùi Thanh Thủy (2009), “*Nội hàm Văn hóa du lịch*”, *Tạp chí du lịch Việt Nam* số 12.
9. Tượng cổ Việt Nam với truyền thống điêu khắc dân tộc (2001), NXB Mỹ thuật.
10. Bùi Thị Hải Yến (2006), *Quy hoạch du lịch*, Nhà XB Giáo dục.

PHỤ LỤC

1. Một số bài thơ về chùa Ba Vàng

Ngôi chùa mới

Ai về đất mỏ Quảng Ninh
Thăm chùa to, đẹp, tỉnh mình mới xây
Ngôi chùa ở giữa rừng cây
Thông reo vi vút gọi mây Ba Vàng
Ban năm tắm tới, vô minh
Lỗi lầm gây tạo vô tình bỏ qua
Đền chùa, tu tập thiết tha,
Nghe Thầy giảng pháp, hiểu ra vô thường.
Biết đi cho đúng con đường
Từ bi, hỷ xả, biết thương muôn loài
Mình ăn được một củ khoai
Biết cho người khác, đói dài đêm thâu.
Tin vào Phật pháp nhiệm màu
Biết gieo nhân tốt, đời sau phúc lành!
Nhìn chùa trong ánh bình minh
Vừa to, vừa đẹp, lung linh giữa trời
Rừng thông vi vút reo cười
Bạch Đằng sông cũ tỏ lời ngợi khen
Ba Vàng, có Bạch Đằng giang
Càng thêm hùng vĩ, hiên ngang đời đời.
Bỗng dưng xao xuyến bồi hồi
Nhớ về chùa cũ một thời đã qua
Ngôi chùa hoang phế, không nhà
Cùng mấy tảng đá như là phế nhân.
Nhờ chư Hộ pháp, Thiên thần

Tìm được Người đến dừng chân nơi này
Người về mới mấy năm nay!
Ngôi chùa to, đẹp từng ngày hiện ra
Chuông chùa nay đã vang xa
Tiếng Thầy giảng pháp trong tòa thượng cung
Xóa đi tăm tối mịt mù
Để cho Phật pháp đến từng người dân
Năm nay vui đón Hội xuân
Có chùa to đẹp, nhờ ân nghĩa Thầy

T.P Ưông Bí, ngày 24/03/2013

Trí Dũng

Cho đời xanh mãi

Con về một sớm tháng Hai
Thầy đang cần mẫn, miệt mài tĩa cây
Đăm đăm con ngắm dáng Thầy
Tóc xanh điểm bạc bên cây xanh ngời.
Nhìn con, Thầy khẽ mỉm cười
Chăm cây Thầy muốn cho đời thêm xanh
Cây si đâm lá trở cành
Tùng kia thân cũng vừa lành vết đau.
Cuối vườn hoa đỏ rực màu
Lây Linh San đứng nghiêng đầu trở hoa
Con nhìn Thầy dáng hiền hòa
Thầy đang say đắm trồng hoa cho đời.

Tử Nguyên

Xưa và nay

Xưa ở nơi đây khách vắng teo
Ba gian chùa lá nắng lắt leo
Núi buồn lâu lách, hoa trắng héo
Vườn hủ, sóc đùa gió hắt heo.
Từ độ Thầy về phong cảnh rộn
Tập nập người lên chạt núi đèo
Bảo Điện trập trùng bày tráng lệ
Chuông chùa lay động gió thông reo.

Ba Vàng mùa Phật Đản 2013

Quảng Trí - Minh Quang

Hướng đến Thầy

Tâm hướng đến thầy con viết bài thơ
Thầy của chúng sinh khả kính vô bờ
Vì thương nhân loại mà quên đời trai trẻ
Dù vinh hoa quý vẫn làm ngơ
Thầy và chúng con duyên kiếp có tự bao giờ
Mà hôm nay tá hồi quay lại
Gặp nhau đây hội ngộ tương phùng
Hòa hợp đường tu vẹn một chữ đồng
Nguyện theo Thầy đi chung đường Phật pháp
Giác ngộ rồi Thầy dẫn bước chúng con
Hôm nay về lễ Phật chùa Bảo Quang
Phủ phục người xưa có chốn chùa Vàng
Dòng chảy thời gian bao năm còn lại
Bia tạc tên người mãi mãi còn đây
Phật Tổ ngày xưa đức độ cao dày
Giao sứ mạng Như Lai Thầy đón nhận

Núi gót Thiền sư độ tận muôn người
Hôm nay con được có cơ duyên này
Tỏ lòng chân thật con ghi vào trang giấy nhỏ
Công đức Thầy mãi mãi được lưu truyền
Con đã đi khắp chốn để tìm Thầy
Đến chùa Bảo Quang tận nơi đây
Ngồi nghe thuyết pháp tâm con bừng sáng
Bái nhận tôn sư con nhận là Thầy.

Diệu Phương

2. Một số hình ảnh về chùa Ba Vàng



Cảnh quan chùa Ba Vàng



Tam Quan ngoại



Tam Quan nội (nhìn từ phía ngoài)



Tam Quan nội (nhìn từ phía trong)



Hồ bán Nguyệt và Chùa Một Cột



Đài phun nước



Tượng Phật Bà Quan Âm



Giếng thần



Đại hùng Bảo điện



Hành lang La Hán



Nhà thờ Tổ



Nội viện Tăng



Nội viện Ni



Hệ thống tượng trong chùa Ba Vàng



Tượng Quan Âm nghìn mắt nghìn tay



Tượng Thích Ca Mâu Ni



Tượng Di Lặc



Tượng Tổ Sư Bồ Đề Đạt Ma



Nghệ thuật trang trí



Tranh chạm khắc đá



Cảnh chùa về đêm



Cảnh quan môi trường



Sinh hoạt của Tăng - Ni



Ban Tri Khố

3. Ẩm thực chay – một số món ăn chay chùa Ba Vàng



Canh chua chay Hy Vọng



Canh chua chay Hồng Hương



Canh cải chua



Canh cà rốt khoai tây



Cải xoăn xào tỏi



Cà tím kho tiêu



Đậu hũ chiên



Cải thảo ngâm chua ngọt



Cà ry xanh Thái chay



Cá chay kho tộ



Bún xào rau



Bún khổ qua chay